

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Chương trình đào tạo Cao đẳng

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Kế toán

Chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp

Mã ngành: 50340301

Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo quyết định số 203/QĐ-CĐCNII ngày 16 tháng 8 năm 2008 của Hiệu trưởng trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp II)

1. Mục tiêu đào tạo

Kiến thức

- Được trang bị kiến thức về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, khoa học xã hội và nhân văn.
- Có kiến thức cơ bản của các môn học khoa học tự nhiên, Anh văn và Tin học.
- Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Có khả năng áp dụng kiến thức đã học vào việc tự nghiên cứu, sản xuất...

Kỹ năng

- Giúp kế toán trưởng trong công tác điều hành nghiệp vụ chuyên môn.
- Hiểu biết phương pháp ghi chép, hướng dẫn và xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và hệ thống sổ sách kế toán.
- Nắm vững phương pháp ghi chép sổ sách kế toán bằng phần mềm kế toán và phần mềm báo cáo thuế và lập được hệ thống báo cáo kế toán.

Tác phong và thái độ làm việc

- Có tác phong làm việc khoa học, ham học hỏi, luôn có ý thức tìm tòi sáng tạo và kiên trì; có khả năng làm việc theo nhóm, tự học và làm việc độc lập.
- Có phương pháp làm việc khoa học, tư duy sáng tạo.
- Có tính trung thực và chính xác khi xử lý các vấn đề phát sinh trong chuyên môn.

Đạo đức, lối sống và trách nhiệm công dân

- Có hiểu biết một số kiến thức về các môn lý luận chính trị, Hiến pháp, Pháp luật nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng.
- Có phẩm chất đạo đức và sức khỏe để tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân. Sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật.
- Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân trong xã hội công nghiệp. Có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc.

Khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc tại các doanh nghiệp, công ty kiểm toán, cơ quan hành chính sự nghiệp, đảm nhận các vị trí kế toán viên, kế toán trưởng, kiểm toán viên, giám đốc tài chính. Đồng thời có khả năng học tập nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường.
- Có khả năng học liên thông lên trình độ cao hơn.

2. Thời gian đào tạo

03 năm (6 học kỳ)

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

140 đơn vị học trình (mỗi đơn vị học trình 15 tiết, không kể học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, bao gồm:

- Lý thuyết: 127 ĐVHT
- Thực tập và thi tốt nghiệp: 13 ĐVHT

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ – BGDĐT, ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm

Điểm kiểm tra thường kỳ và điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm từ 0 đến 10.

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

43 đvht

| | | |
|----|---|----------|
| 1 | Những nguyên lý cơ bản về chủ nghĩa Mac Lenin (HP I) | 4 |
| 2 | Những nguyên lý cơ bản về chủ nghĩa Mac Lenin (HP II) | 4 |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 3 |
| 4 | Đường Lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 4 |
| 5 | Anh văn 1 | 5 |
| 6 | Anh văn 2 | 5 |
| 7 | Toán cao cấp | 4 |
| 8 | Tin học đại cương | 4 |
| 9 | Pháp luật đại cương | 3 |
| 10 | Soạn thảo văn bản | 2 |
| 11 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc đội nhóm | 2 |
| 12 | Tiếng việt thực hành B | 3 |
| 13 | Giáo dục thể chất | 3 |
| 14 | Giáo dục quốc phòng | 135 tiết |

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**97 đvht****7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành****19 đvht**

| | | |
|---|---------------------|---|
| 1 | Kinh tế vi mô | 4 |
| 2 | Pháp luật kinh tế | 3 |
| 3 | Nguyên lý thống kê | 3 |
| 4 | Quản trị học | 3 |
| 5 | Tài chính - tiền tệ | 3 |
| 6 | Nguyên lý kế toán | 3 |

7.2.2. Kiến thức ngành chính**45 đvht**

| | | |
|----|--------------------------------|---|
| 1 | Tin học kế toán | 3 |
| 2 | Thuế | 3 |
| 3 | Kế toán tài chính 1 | 5 |
| 4 | Kế toán tài chính 2 | 5 |
| 5 | Kế toán tài chính 3 | 4 |
| 6 | Kế toán thương mại dịch vụ | 3 |
| 7 | Kế toán sổ | 3 |
| 8 | Kế toán máy | 3 |
| 9 | Kế toán quản trị chi phí | 3 |
| 10 | Tài chính doanh nghiệp 1 | 3 |
| 11 | Tài chính doanh nghiệp 2 | 3 |
| 12 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 4 |
| 13 | Kiểm toán | 3 |

7.2.3. Kiến thức bổ trợ tự do**20 đvht**

| | | |
|---|------------------------|---|
| 1 | Thống kê doanh nghiệp | 4 |
| 2 | Marketing căn bản | 3 |
| 3 | Thị trường chứng khoán | 3 |
| 4 | Anh văn chuyên ngành | 3 |
| 5 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 6 | Thanh toán quốc tế | 2 |
| 7 | Tâm lý học | 2 |

7.2.4. Thực tập và thi tốt nghiệp**13 đvht****7.2.4.1. Thực tập tốt nghiệp**

| | | |
|---|---------------------|---|
| 1 | Thực tập tốt nghiệp | 8 |
|---|---------------------|---|

7.2.4.2. Thi tốt nghiệp

| | | |
|---|----------------------------------|---|
| 1 | Môn điều kiện: Lý luận chính trị | |
| 2 | Môn cơ sở ngành | 2 |
| 3 | Môn chuyên ngành | 3 |

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

| | | | |
|----|--|---------|------------|
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin I | 4 | I |
| 2 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | 4 | |
| 3 | Anh văn 1 | 5 | |
| 4 | Tiếng việt thực hành B | 3 | |
| 5 | Giáo dục thể chất | 3 | |
| 6 | Giáo dục quốc phòng | 135tiết | |
| 7 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin II | 4 | II |
| 8 | Toán cao cấp | 4 | |
| 8 | Anh văn 2 | 5 | |
| 10 | Quản trị học | 3 | |
| 11 | Soạn thảo văn bản | 2 | |
| 12 | Pháp luật kinh tế | 3 | |
| 13 | Nguyên lý kế toán | 3 | |
| 14 | Tài chính – tiền tệ | 3 | |
| 15 | Pháp luật đại cương | 3 | III |
| 16 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc đội nhóm | 2 | |
| 17 | Tin học đại cương | 4 | |
| 18 | Thanh toán quốc tế | 2 | |
| 19 | Kinh tế vi mô | 4 | |
| 20 | Nguyên lý thống kê | 3 | |
| 21 | Marketing căn bản | 3 | |
| 22 | Thị trường chứng khoán | 3 | |
| 23 | Kinh tế vĩ mô | 3 | |
| 24 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 4 | |
| 25 | Tâm lý học | 2 | |
| 26 | Anh văn chuyên ngành | 3 | |
| 27 | Tài chính doanh nghiệp 1 | 3 | |
| 28 | Tài chính doanh nghiệp 2 | 3 | |
| 29 | Thống kê doanh nghiệp | 4 | |
| 30 | Tin học kế toán | 3 | |

| | | | |
|-------------|--------------------------------|------------|----|
| 30 | Kế toán tài chính 1 | 5 | |
| 31 | Kế toán tài chính 2 | 5 | V |
| 32 | Kế toán tài chính 3 | 4 | |
| 33 | Thuế | 3 | |
| 34 | Kế toán máy | 4 | |
| 35 | Kế toán thương mại và dịch vụ | 4 | |
| 36 | Kế toán quản trị chi phí | 3 | |
| 37 | Kiểm toán | 3 | |
| 38 | Kế toán sổ | 3 | VI |
| 39 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 4 | |
| 40 | Thực tập tốt nghiệp | 8 | |
| 41 | Thi tốt nghiệp | 5 | |
| Tổng | | 140 | |

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1 Kiến thức giáo dục đại cương

1. Những nguyên lý cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin (HPI,II)

8 đvht

Nội dung ban hành tại quyết định số, ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo về việc ban hành đề cương môn học: Những nguyên lý cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin trình độ cao đẳng.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

3 đvht

Nội dung ban hành tại quyết định số, ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo về việc ban hành đề cương môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ cao đẳng.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

4 đvht

Nội dung ban hành tại quyết định số, ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo về việc ban hành đề cương môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trình độ cao đẳng.

4. Anh văn 1, 2

10 đvht

Bài học dựa trên sách New Headway Elementary bao gồm 14 bài từ bài 1 – 14 và một số bài tự kiểm tra. Nội dung các bài học bao gồm phần ngữ pháp, từ vựng, bài tập, đàm thoại căn bản. Sinh viên sẽ học theo 02 cuốn sách bài học và sách bài tập để rèn luyện 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc viết.

5. Toán cao cấp

4 đvht

Môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về giải tích toán học như: hàm số, giới hạn, liên tục, đạo hàm, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) và đại số tuyến tính như ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ R^n .

6. Tin học đại cương

4 đvht

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tin học. Học phần bao gồm những nội dung: Một số khái niệm cơ bản về tin học và máy tính, Sử dụng hệ điều hành MS DOS và

Windows), Soạn thảo văn bản trên máy tính, Sử dụng bảng tính Excel, Khai thác các dịch vụ cơ bản của mạng toàn cầu Internet, ngoài ra còn giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng máy vi tính và các phần mềm thông dụng nhất.

7. Pháp luật đại cương

3 đvht

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, quan hệ trách nhiệm pháp lý, các quy phạm, các văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam, cấu trúc của bộ máy Nhà nước, cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

8. Soạn thảo văn bản

2 đvht

Giúp sinh viên nhận biết và phân biệt các loại văn bản, hiểu được vai trò một số văn bản hành chính và biết cách soạn một số văn bản thông dụng, nắm được quy trình và những nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý và xử lý văn bản.

9. Kỹ năng giao tiếp và làm việc đội nhóm

2 đvht

Gồm 3 phần:

- Phần 1: Tìm hiểu về những vấn đề lý luận chung về giao tiếp và hành vi ứng xử trong giao tiếp.
- Phần 2: Các kỹ năng giao tiếp
- Phần 3: Kỹ năng hợp tác làm việc đội nhóm.

10. Tiếng việt thực hành B

3 đvht

Môn học gồm 7 chương và chia thành 2 phần:

- Phần 1: Tiếp nhận văn bản.
- Phần 2: Tạo lập văn bản.

Nội dung của các phần nhằm củng cố một số kiến thức cơ bản về tiếng Việt. Từ điển, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt trong khi nói, viết bằng tiếng Việt cũng như tiếp nhận văn bản.

11. Giáo dục thể chất

3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/1995/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1262/1997/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Giáo dục quốc phòng

135 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình môn học giáo dục quốc phòng cho các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, đại học và cao đẳng.

9.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

9.2.1 Kiến thức cơ sở ngành

1. Kinh tế vi mô

4 đvht

Học phần Trang bị những kiến thức kinh tế cơ bản, giúp sinh viên hiểu và biết cách phân tích các vấn đề về sử dụng nguồn lực một cách tối ưu trong phạm vi từng đơn vị kinh tế. Mặt khác, môn học cũng cung cấp những kiến thức cơ bản làm nền tảng để nghiên cứu nhiều môn học khác như: kinh tế học công cộng, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế, kinh tế các ngành.

2. Pháp luật kinh tế

3 đvht

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản về những quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh

nghiệp, địa vị pháp lý của các doanh nghiệp, hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài với hành vi kinh doanh, quy định về sử dụng lao động trong kinh doanh, các quy định về hợp đồng kinh tế, tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh, phá sản doanh nghiệp.

3. Nguyên lý thống kê

3 đvht

Học phần trang bị cho sinh viên những phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động, phát triển của các hiện tượng kinh tế-xã hội. Nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán xu hướng, quy luật phát triển của các hiện tượng kinh tế-xã hội. Thống kê dùng các phương pháp điều tra chọn mẫu, phân tổ thống kê, số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân, chỉ số, dãy số biến động theo thời gian, phương pháp hồi quy tương quan.

4. Quản trị học

3 đvht

Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong kinh doanh như: Bản chất, đối tượng nghiên cứu, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của quản trị học. Học phần đi sâu nghiên cứu các chức năng của quản trị như: Quản trị sản xuất và tác nghiệp, môi trường kinh doanh, quyết định trong kinh doanh, hoạch định chiến lược, quản trị nguồn nhân lực và một số vấn đề trong quản trị hiện đại như: quản trị sự thay đổi của một tổ chức, quản trị xung đột, quản trị rủi ro.

5. Tài chính - Tiền tệ

3 đvht

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về tiền tệ và cơ chế kiểm soát của tiền tệ như: Bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế.

6. Nguyên lý kế toán

3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của kế toán: khái niệm, đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán. Học phần còn nghiên cứu sâu các phương pháp cơ bản như phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp đối ứng tài khoản, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

9.2.2. Kiến thức ngành chính

1. Tin học kế toán

3 đvht

Trang bị và ôn tập lại cho sinh viên những kiến thức cơ bản về excel, các bút toán, cách lập một báo cáo thuế, và qui trình lập sổ sách kế toán,...

2. Thuế

3 đvht

Giới thiệu Nguyên tắc sử dụng hóa đơn chứng từ; các sắc thuế hiện hành: Thuế Xuất khẩu- nhập khẩu, Thuế Tiêu thụ đặc biệt, Thuế GTGT, Thuế TNDN, Thuế THCN và các loại thuế khác.

3. Kế toán tài chính 1, 2, 3

14 đvht

Học phần Kế toán tài chính doanh nghiệp trang bị cho Sinh viên những kiến thức và phương pháp hạch toán các hoạt động kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp sản xuất. Qua đó giúp sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm được một cách thành thạo các phần hành kế toán của một nhân viên kế toán tại các doanh nghiệp.

4. Kế toán thương mại dịch vụ

3 đvht

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu.

5. Kế toán sổ

3 đvht

Nội dung môn học kế toán sổ bao gồm các kiến thức cơ bản về trình tự ghi chép của từng nghiệp vụ kinh tế trong doanh nghiệp, bao gồm các hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung, Nhật ký chứng từ, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký sổ cái.

6. Kế toán máy

3 đvht

Nội dung môn học kế toán máy bao gồm các kiến thức cơ bản về trình tự vận hành của từng nghiệp vụ kinh tế trong doanh nghiệp, bao gồm: các phần hành kế toán chi tiết như kế toán vốn bằng tiền, kế toán nhập kho hàng hóa, kế toán xuất kho hàng hóa, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và kế toán xác định kết quả kinh doanh.

7. Kế toán quản trị chi phí

3 đvht

Bao gồm những nội dung cơ bản của kế toán quản trị, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách tập hợp chi phí và mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận. Lập dự toán ngân sách nhằm phục vụ cho việc ra quyết định sản xuất kinh doanh và cuối cùng là phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để đưa ra phương án tối ưu cho kỳ sau.

Học phần này cũng trang bị những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí và dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí kinh doanh.

8. Tài chính doanh nghiệp 1, 2

6 đvht

Học phần gồm 7 chương, bao gồm những nội dung cơ bản về các vấn đề tài chính trong doanh nghiệp như: quản lý vốn cố định, vốn lưu động, lập kế hoạch chi phí kinh doanh, xác định giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp, điểm hòa vốn, giá trị tiền tệ theo thời gian.

9. Phân tích hoạt động kinh doanh

4 đvht

Gồm 6 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của phân tích hoạt động kinh doanh, giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp phân tích và công tác tổ chức phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp tìm ra những khả năng tiềm tàng về lao động, nguyên vật liệu, vốn.

10. Kiểm toán

3 đvht

Môn học Kiểm toán giúp cho sinh viên nắm được khái quát về công tác kiểm toán, mục đích của hoạt động kiểm toán. Những kiến thức thu nhận được qua môn học nhằm cho học sinh làm quen và có thể làm được một phần hành nào đó trong hoạt động kiểm toán, kiểm soát nội bộ ở đơn vị và nhất là có thể tự kiểm tra công tác kế toán của mình.

9.2.3. Kiến thức bổ trợ tự do

1. Thống kê doanh nghiệp

4 đvht

Gồm 8 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Thống kê doanh nghiệp giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp phân tích và công tác tổ chức phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp tìm ra những khả năng tiềm tàng về lao động, nguyên vật liệu, vốn..., xác định các nhân tố ảnh hưởng cụ thể đối với tình hình biến động của chỉ tiêu nghiên cứu.

2. Marketing căn bản

3 đvht

Học phần gồm 9 chương, tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về marketing, các phối thức cơ bản của hoạt động marketing.

3. Thị trường chứng khoán

3 đvht

Giới thiệu về sự ra đời và tầm quan trọng của thị trường chứng khoán trong nền kinh tế. Các loại hàng hóa trên thị trường chứng khoán; Cách thức tổ chức và hoạt động của

thị trường chứng khoán; Đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh chứng khoán; Hệ thống thông tin, thanh tra, giám sát thị trường chứng khoán; Phân tích chứng khoán để làm cơ sở ra quyết định đầu tư.

4. Anh văn chuyên ngành **3 đvht**

Các bài học dựa trên sách We are in business và một số sách tham khảo. Nội dung bao gồm ngữ pháp, từ vựng, bài tập, bài dịch Anh văn chuyên ngành. Sinh viên sẽ được rèn luyện 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

5. Kinh tế vĩ mô **3 đvht**

Gồm 8 chương, bao gồm các nội dung giới thiệu các khái niệm cơ bản, tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, xác định sản lượng cân bằng, phân tích các chính sách tài khóa và tiền tệ, xem xét tổng cung và tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp, phân tích chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở, phân tích nguồn tăng trưởng.

6. Thanh toán quốc tế **3 đvht**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều kiện thanh toán quốc tế, nghiệp vụ thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán và những kiến thức liên quan trong hoạt động xuất nhập khẩu và giao dịch ngoại thương .

7. Tâm lý học **2 đvht**

Giúp sinh viên nắm được những cạnh tâm lý trong công tác quản trị kinh doanh, quan trọng nhất là biết vận dụng kiến thức tâm lý vào công tác quản trị kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

9.2.4 Thực tập và thi tốt nghiệp **13 đvht**

9.2.4 1. Thực tập tốt nghiệp **5 đvht**

Bổ sung kiến thức chuyên môn, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

9.2.4 2. Thi tốt nghiệp **5 đvht**

Thi môn tổng hợp phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành.

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình này được thiết kế dựa trên chương trình khung của ngành Kế toán.

Chương trình được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của Bộ giáo dục và đào tạo.

Các học phần cần phải được sắp xếp lịch học theo trình tự đã quy định trong chương trình, nếu có sự thay đổi phải dựa trên điều kiện tiên quyết của các học phần.

Hiệu trưởng nhà trường sẽ quyết định các môn thi tốt nghiệp thuộc các học phần lý thuyết cơ sở và chuyên môn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2008

HIỆU TRƯỞNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

- 1. Tên học phần:** NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN
(học phần 1, 2)
- 2. Số đơn vị học trình:** 8
- 3. Trình độ:** cho sinh viên năm thứ 1
- 4. Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 120 tiết
- 5. Điều kiện tiên quyết:** Không.
- 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**
- 7. Nhiệm vụ của sinh viên**
 - Dự lớp
 - Thảo luận
- 8. Tài liệu học tập**
- 9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên**
 - Thi giữa học kỳ: 25% điểm đánh giá
 - Thi cuối học kỳ: 75% điểm đánh giá.
- 10. Thang điểm:** 10.
- 11. Mục tiêu học phần**
- 12. Nội dung chi tiết học phần:**
Theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 45 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Không.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp

- Thảo luận

8. Tài liệu học tập

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Thi giữa học kỳ: 25% điểm đánh giá

- Thi cuối học kỳ: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu học phần

12. Nội dung chi tiết học phần:

Theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

- 1. Tên học phần:** ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
- 2. Số đơn vị học trình:** 4
- 3. Trình độ:** cho sinh viên năm thứ 1
- 4. Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 60 tiết
- 5. Điều kiện tiên quyết:** Không.
- 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**
- 7. Nhiệm vụ của sinh viên**
 - Dự lớp
 - Thảo luận
- 8. Tài liệu học tập**
- 9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên**
 - Thi giữa học kỳ: 25% điểm đánh giá
 - Thi cuối học kỳ: 75% điểm đánh giá.
- 10. Thang điểm:** 10.
- 11. Mục tiêu học phần**
- 12. Nội dung chi tiết học phần:**
 - Theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần : ANH VĂN 1

2. Số đơn vị học trình : 5

3. Trình độ : cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bổ thời gian :

Lên lớp : 75 tiết

5. Điều kiện tiên quyết :

Sinh viên phải học hết lớp 12, đã học qua chương trình Anh văn phổ thông 7 năm hoặc 3 năm.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần / môn học :

Bài học dựa trên sách New Headway Elementary bao gồm 14 bài từ bài 1 – 14 và một số bài tự kiểm tra. Nội dung các bài học bao gồm phần ngữ pháp, từ vựng, bài tập, đàm thoại căn bản. Sinh viên sẽ học theo 02 cuốn sách bài học và sách bài tập để rèn luyện 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc viết.

7. Nhiệm vụ của sinh viên, học sinh :

Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình. Trong giờ học sẽ được học lý thuyết và thực hành (học đàm thoại, làm bài tập,...). Cuối kỳ học, sinh viên sẽ phải tham gia kỳ thi.

8. Tài liệu học tập :

- [1]. Sách giáo trình chính: Sách New Headway Elementary (Sách bài học + bài tập) của Liz and John Soars tái bản lần thứ 3.
- [2]. Sách tham khảo: Practical English Usage – Michael Swan (Oxford University Press).

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên, học sinh :

Theo quy chế về tổ chức đào tạo kiểm tra và thi: học sinh sẽ phải dự lớp đầy đủ, tham gia tích cực vào giờ học, làm đầy đủ các bài tập và bài kiểm tra. Cuối mỗi kỳ sẽ tham gia vào kỳ thi. Điểm 5 trở lên được công nhận là điểm đạt

10. Thanh điểm : 10.

11. Mục tiêu của môn học :

Qua chương trình Anh văn căn bản này học sinh hệ cao đẳng hình thành các kiến thức ngôn ngữ, học sinh còn được rèn luyện các kỹ năng đọc, viết. Ngoài kiến thức ngôn ngữ học sinh còn được rèn luyện các kỹ năng ban đầu để có thể giao tiếp bằng tiếng Anh về những vấn đề đơn giản dựa trên ngữ liệu đã học. Học sinh có thể đàm thoại về các hoạt động hàng ngày, đọc được các văn bản đơn giản như mẫu khai, chỉ dẫn, hoặc viết thư cho bạn bè và gia đình. Ngoài những vấn đề đó, học sinh còn có thể đọc được hoặc nhờ kiến thức Anh văn căn bản phối hợp với từ điển chuyên ngành dịch được những văn bản chuyên môn của mình. Điều này rất hỗ trợ cho sinh viên khi tham khảo sách Anh văn chuyên ngành trong khi học và sau khi ra trường.

12. Nội dung chi tiết môn học :

| Units | Tên bài | Nội dung | Số tiết |
|---|---------------------------|---|----------------|
| Anh văn 1 | | | 75 |
| Unit 1 | Hello everybody! | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + The verb “to be” (am, is, are) + Articles: A/An + Plural nouns. + Possessive adj. (my, your, her, his) + prepositions | 5 |
| | | - Practice + Exercises | 5 |
| Unit 2 | Meeting People | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + The verb “to be” (questions and negatives) + Possessive cases + Opposite adj. + prepositions | 5 |
| | | - Practice + Exercises | 5 |
| Unit 3 | The world of work | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + Present simple (3 rd person – questions and negatives). + prepositions | 5 |
| | | - Practice + Exercises | 5 |
| Unit 4 | Take it easy! | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + Present simple (all persons) + Adv. of frequency + like/love + verb-ing + prepositions | 5 |
| | | - Practice + Exercises | 5 |
| Stop and check 1 (in Teacher’s Book) | | | 2 |
| Unit 5 | Where do you live? | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + There is/are + How many...? + Prepositions of place + Some and Any + this/that/these/those | 5 |

| Units | Tên bài | Nội dung | Số tiết |
|---------------------------------|-------------------------------|--|----------------|
| | | + prepositions | |
| | | - Practice + Exercises | 5 |
| Unit 6 | Can you speak English? | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + can/can't + could/couldn't + was/were + was born + prepositions | 5 |
| | | - Practice + Exercises | 5 |
| Unit 7 | Then and now | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + past simple (regular and irregular verbs + positive, negative and questions) + Time expressions + prepositions | 5 |
| | | - Practice + Exercises | 5 |
| Review and consolidation | | | 3 |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần : ANH VĂN 2

2. Số đơn vị học trình : 5

3. Trình độ : cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bổ thời gian :

Lên lớp : 75 tiết

5. Điều kiện tiên quyết :

Sinh viên phải học hết lớp 12, đã học qua chương trình Anh văn phổ thông 7 năm hoặc 3 năm.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần/ môn học :

Bài học dựa trên sách New Headway Elementary bao gồm 14 bài từ bài 1 – 14 và một số bài tự kiểm tra. Nội dung các bài học bao gồm phần ngữ pháp, từ vựng, bài tập, đàm thoại căn bản. Sinh viên sẽ học theo 02 cuốn sách bài học và sách bài tập để rèn luyện 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc viết.

7. Nhiệm vụ của sinh viên, học sinh :

Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình. Trong giờ học sẽ được học lý thuyết và thực hành (học đàm thoại, làm bài tập...). Cuối kỳ học, sinh viên sẽ phải tham gia kỳ thi.

8. Tài liệu học tập :

- [1]. Sách giáo trình chính: Sách New Headway Elementary (Sách bài học + bài tập) của Liz and John Soars tái bản lần thứ 3.
- [2]. Sách tham khảo: Practical English Usage – Michael Swan (Oxford University Press).

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên, học sinh :

Theo quy chế về tổ chức đào tạo kiểm tra và thi: học sinh sẽ phải dự lớp đầy đủ, tham gia tích cực vào giờ học, làm đầy đủ các bài tập và bài kiểm tra. Cuối mỗi kỳ sẽ tham gia vào kỳ thi. Điểm 5 trở lên được công nhận là điểm đạt

10. Thanh điểm : 10.

11. Mục tiêu của môn học :

Qua chương trình Anh văn căn bản này học sinh hệ cao đẳng hình thành các kiến thức ngôn ngữ, học sinh còn được rèn luyện các kỹ năng đọc, viết. Ngoài kiến thức ngôn ngữ học sinh còn được rèn luyện các kỹ năng ban đầu để có thể giao tiếp bằng tiếng Anh về những vấn đề đơn giản dựa trên ngữ liệu đã học. Học sinh có thể đàm thoại về các hoạt động hàng ngày, đọc được các văn bản đơn giản như mẫu khai, chỉ dẫn, hoặc viết thư cho bạn bè và gia đình. Ngoài những vấn đề đó, học sinh còn có thể đọc được hoặc nhờ kiến thức Anh văn căn bản phối hợp với từ điển chuyên ngành dịch được những văn bản chuyên môn của mình. Điều này rất hỗ trợ cho sinh viên khi tham khảo sách Anh văn chuyên ngành trong khi học và sau khi ra trường.

12. Nội dung chi tiết môn học :

| Units | Tên bài | Nội dung | Số tiết |
|---|-----------------------------|---|-----------|
| Anh văn 2 | | | 75 |
| Unit 8 | A date to remember | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + past simple (negatives and ago) + Time expressions + prepositions | 5 |
| | | - Practice + Exercises | 4 |
| Stop and check 2 (in Teacher's Book) | | | 3 |
| Unit 9 | Food you like! | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + count and uncount nouns + <i>like</i> and <i>would like</i> + <i>some</i> and <i>any</i> with countable and uncountable nouns + How much ...? How many...? + prepositions | 5 |
| | | - Practice + Exercises | 4 |
| Unit 10 | Bigger and better! | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + Comparative and Superlative adj. + <i>have got</i> and <i>has</i> + opposite adj. + prepositions | 5 |
| | | - Practice + Exercises | 4 |
| Unit 11 | Looking good! | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + present continuous + <i>Whose?</i> + Possessive pronouns + prepositions | 5 |
| | | - Practice + Exercises | 4 |
| Unit 12 | Life's an adventure! | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + <i>going to</i> + verb + Infinitive of purpose + prepositions | 5 |

| Units | Tên bài | Nội dung | Số tiết |
|---|-----------------------|--|----------------|
| | | - Practice + Exercises | 4 |
| Stop and check 3 (in Teacher's Book) | | | 4 |
| Unit 13 | Storytime | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + Question forms. + Adj. and Adv. + prepositions | |
| | | - Practice + Exercises | 4 |
| Unit 14 | Have you ever? | - Vocabulary + Expressions - Grammar: + present perfect + <i>been</i> and <i>gone</i> + <i>ever</i> and <i>never</i> + <i>yet</i> and <i>just</i> + prepositions | |
| | | - Practice + Exercises | 4 |
| Review and consolidation | | | 5 |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần : TOÁN CAO CẤP

2. Số đơn vị học trình: 4

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 60 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm, thực hành: không

5. Điều kiện tiên quyết: Không.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về giải tích toán học như: hàm số, giới hạn, liên tục, đạo hàm, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) và đại số tuyến tính như ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ R^n .

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp: 80% số tiết.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà do giáo viên giao

8. Tài liệu học tập:

- **Giáo trình chính:**

[1]. Nguyễn Đình Trí (chủ biên). Toán cao cấp, tập 1,2-NXB giáo dục 2004.

- **Sách tham khảo:**

[1]. Nguyễn Việt Đông, Lê Thị Thiên Hương, Nguyễn Anh Tuấn, Lê Anh Vũ, Toán cao cấp 1,2, NXB giáo dục 1999.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Thi giữa học kỳ: 25% điểm đánh giá
- Thi cuối học kỳ: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng tiếp thu các kiến thức cơ sở và chuyên môn, đồng thời rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy lôgic, phương pháp phân tích định lượng các vấn đề kinh tế để ứng dụng khi học các học phần nâng cao.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: GIỚI HẠN VÀ LIÊN TỤC (8 tiết)

1.1 Hàm số

1.1.1. Định nghĩa.

1.1.2. Các hàm số sơ cấp cơ bản: Hàm lũy thừa, hàm mũ,...(tự đọc), các hàm lượng giác ngược, các hàm hyperbolic.

1.2 Giới hạn của hàm số.

1.2.1. Định nghĩa.

1.2.2. Đại lượng vô cùng bé – vô cùng lớn: Định nghĩa, so sánh, qui tắc ngắt bỏ VCB cấp cao và VCL cấp thấp.

1.3 Hàm số liên tục.

1.3.1. Định nghĩa hàm số liên tục

1.3.2. Tính chất hàm số liên tục.

1.3.3. Phân loại điểm gián đoạn.

Chương 2: PHÉP TÍNH VI PHÂN HÀM MỘT BIẾN (7 tiết)

2.1. Đạo hàm.

2.1.1. Định nghĩa đạo hàm.

2.1.2. Đạo hàm hàm ngược.

2.1.3. Quy tắc tính đạo hàm và bảng công thức tính đạo hàm các hàm số sơ cấp cơ bản.

2.1.4. Đạo hàm cấp cao.

2.2. Vi phân.

2.2.1. Định nghĩa vi phân, liên hệ giữa đạo hàm và vi phân.

2.2.2. Tính bất biến của vi phân, công thức tính đạo hàm của hàm số cho bởi phương trình tham số.

2.2.3. Vi phân cấp cao.

2.3. Các định lý về hàm khả vi.

2.3.1. Các định lý về giá trị trung bình (tự đọc).

2.3.2. Công thức Taylor và công thức Maclaurin với phần dư Peano.

2.3.3. Dùng khai triển Taylor và Maclaurin để tính giới hạn.

2.3.4. Quy tắc L'Hospital: Dùng để khử các dạng vô định

$\frac{0}{0}, \frac{\infty}{\infty}, \infty - \infty, 0 \cdot \infty, 1^\infty, 0^0, \infty^0$.

Chương 3: PHÉP TÍNH TÍCH PHÂN CỦA HÀM MỘT BIẾN (10 tiết)

3.1. Tích phân bất định.

3.1.1. Định nghĩa, tích chất, bảng công thức cơ bản, phương pháp tính (tự đọc)

3.1.2. Tích phân của các hàm hữu tỷ, lượng giác, vô tỷ.

3.2. Tích phân xác định.

3.2.1. Định nghĩa, tính chất.

3.2.2. Công thức Newton-Leibnitz.

3.2.3. Các phương pháp tính (tự đọc).

3.3. Tích phân suy rộng.

3.3.1. Tích phân suy rộng có cận vô hạn: Định nghĩa, các tiêu chuẩn hội tụ.

3.3.2. Tích phân của hàm có điểm gián đoạn vô cùng: Định nghĩa, các tiêu chuẩn hội tụ.

Chương 4 : MA TRẬN – ĐỊNH THỨC (15 tiết)

4.1. Ma trận.

4.1.1. Định nghĩa, các dạng ma trận đặc biệt: ma trận không, ma trận vuông, ma trận tam giác, ma trận chéo, ma trận đơn vị.

4.1.2. Các phép toán ma trận: Cộng hai ma trận, nhân một số với một ma trận, nhân hai ma trận, phép chuyển vị. Tính chất các phép toán ma trận.

4.1.3. Các phép biến đổi sơ cấp, ma trận bậc thang

4.2. Định thức.

4.2.1. Định nghĩa.

4.2.2. Định thức con và phần bù đại số. Công thức khai triển định thức theo hàng và cột.

4.2.3. Các tính chất.

4.3. Hạng ma trận.

4.3.1. Định thức con cấp k . Định nghĩa hạng ma trận.

4.3.2. Tìm hạng ma trận bằng các phép biến đổi sơ cấp.

4.4. Ma trận nghịch đảo.

4.4.1. Định nghĩa, điều kiện tồn tại ma trận nghịch đảo, công thức tính.

4.4.1. Tìm ma trận nghịch đảo bằng phương pháp biến đổi sơ cấp.

Chương 5 : HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH (10 tiết)

5.1. Khái niệm hệ phương trình tuyến tính, hệ viết dưới dạng ma trận, nghiệm, hệ tương đương, hệ tương thích.

5.2. Định lý về cấu trúc nghiệm của hệ phương trình tuyến tính. Điều kiện cần và đủ để hệ phương trình tuyến tính tồn tại nghiệm. Khái niệm ẩn cơ sở, ẩn tự do trong trường hợp vô số nghiệm.

5.3. Phương pháp Gauss.

5.4. Phương pháp Cramer: Định nghĩa hệ Cramer, Quy tắc Cramer.

5.5. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất: Định nghĩa, nghiệm tầm thường, nghiệm không tầm thường, định lý về cấu trúc nghiệm.

Chương 6: KHÔNG GIAN VÉCTƠ R^n (10 tiết)

6.1. Không gian véctơ R^n .

6.1.1. Định nghĩa

6.1.2. Các tính chất cơ bản.

6.2. Phụ thuộc tuyến tính, độc lập tuyến tính.

6.2.1. Định nghĩa tổ hợp tuyến tính, phụ thuộc tuyến tính, độc lập tuyến tính.

6.2.2. Tính chất của hệ phụ thuộc tuyến tính, hệ độc lập tuyến tính.

6.3. Không gian con.

6.3.1. Định nghĩa không gian con

6.3.2. Định lý điều kiện cần và đủ để một tập con là không gian con.

6.3.3. Không gian con sinh bởi một hệ véctơ.

6.3.4. Không gian con xác định bởi hệ phương trình tuyến tính thuần nhất.

6.4. Cơ sở và số chiều.

6.4.1. Định nghĩa tập sinh, cơ sở.

6.4.2. Các tính chất của cơ sở: Sự tồn tại cơ sở, số véctơ không đổi.

6.4.3. Số chiều của không gian véctơ và việc bổ sung để được một cơ sở.

6.4.4. Cơ sở được sắp, tọa độ của véctơ.

6.4.5. Đổi cơ sở: Ma trận đổi cơ sở và công thức đổi tọa độ.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. **Tên học phần :** TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG
2. **Số đơn vị học trình:** 4
3. **Trình độ:** cho sinh viên năm thứ 2
4. **Phân bổ thời gian:**
 - Lên lớp: 40 tiết lý thuyết
 - Thực hành: 20 tiết thực hành.
5. **Điều kiện tiên quyết:**
 - Chỉ cần hiểu biết sơ lược máy tính.
6. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**
 - Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tin học để dần đi sâu tìm hiểu về ngành CNTT và các lĩnh vực liên quan.
 - Học phần bao gồm các phần chính: khái quát các vấn đề căn bản của CNTT. Hệ điều hành Windows, hướng dẫn khai thác và sử dụng một số dịch vụ trên Internet và Ngôn ngữ lập trình Pascal.
7. **Nhiệm vụ của sinh viên:**
 - Dự lớp: Thời lượng tham gia học lý thuyết: 80 % và 20% thực hành
 - Bài tập: Làm bài tập theo từng chương của môn học.
8. **Tài liệu học tập:**
 - **Sách, giáo trình chính.**
 - [1]. Hoàng Kiếm, Bùi Huy Quỳnh, Giáo trình Tin học đại cương, NXB Giáo dục 2002.
 - [2]. Tô Văn Nam, Giáo trình Nhập môn tin học, Vụ Giáo dục chuyên nghiệp, NXB Giáo dục 2004.
 - **Sách tham khảo.**
 - [1]. Quách Tuấn Ngọc, Giáo trình học căn bản , NXB giáo dục 1995.
 - [2]. Giáo trình Tin học đại cương, Trường CĐKT Cao Thắng 2007
 - [3]. Nhiều tác giả, Giáo trình Tin học đại cương, NXB Giáo dục 2002
9. **Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**
 - Dự lớp: 80 % số tiết và làm đầy đủ bài tập của môn học.
 - Thi giữa học kì: 25 % điểm đánh giá.
 - Thi cuối học kì: 75 % điểm đánh giá.
10. **Thang điểm:** 10.
11. **Mục tiêu của học phần:**
 - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, nền tảng về máy tính, internet và ngôn ngữ lập trình Pascal, để sinh viên có khả năng nghiên cứu, khai thác và sử dụng các một số ứng dụng trong ngành CNTT.
12. **Nội dung chi tiết học phần:**

Chương 1: CÁC VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA CNTT (10 tiết)

 - I. **Các khái niệm căn bản**
 - I.1. Khái niệm về thông tin
 - I.2. Khái niệm về dữ liệu
 - I.3. Xử lý thông tin

- I.4. Đơn vị đo thông tin
- I.5. Xử lý thông tin bằng máy tính
- I.5. Chu trình xử lý thông tin
- I.6. Tin học
- I.7. Máy tính điện tử và lịch sử phát triển

II. Biểu diễn thông tin trong máy tính

- II.1. Biểu diễn số trong các hệ đếm
- II.2. Hệ đếm thập phân (decimal system)
- II.3. Hệ nhị phân (binary system)
- II.4. Hệ bát phân (octal system)
- II.5. Hệ thập lục phân (hexa decimal system)
- II.6. Đổi một số nguyên tử hệ thập phân sang hệ đếm cơ số b.
- II.7. Mệnh đề logic
- II.8. Biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử.

III. Hệ thống phần cứng.

- III.1. Bộ xử lý trung tâm CPU
- III.2. Bộ nhớ (memory)
- III.3. Thiết bị nhập (input devices)
- III.4. Thiết bị xuất (output devices)

IV. Hệ thống phần mềm.

- IV.1. Hệ điều hành (operating system)
- IV.2. Phần mềm ứng dụng (application software)
- IV.3. Các ngôn ngữ lập trình và chương trình.

Chương 2: HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS XP (20 tiết)

I. Tổng quan về windows.

- I.1. Khởi động windows
- I.2. Các thành phần trên desktop.
- I.3. Sử dụng chuột (mouse) trong windows
- I.4. Cửa sổ chương trình
- I.5. Sử dụng menu
- I.5. Thoát khỏi windows
- I.6. Cách gõ dấu tiếng Việt trong windows.

II. Trình ứng dụng Windows Explorer.

- II.1. Mở windows explorer
- II.2. Thay đổi hình thức hiển thị trên khung phải
- II.3. Sắp xếp dữ liệu bên khung phải
- II.4. Quản lý thư mục và tập tin
- II.5. Quản lý đĩa với My Computer.
- II.6. My Network place

III. Trình ứng dụng Control Panel.

- III.1. Khởi động
- III.2. Thay đổi cách biểu diễn ngày, giờ, số, tiền tệ.

- III.3. Quản lý font chữ
 - III.4. Điều chỉnh các thông số của chuột (mouse)
 - III.5. Điều chỉnh các thông số của bàn phím (keyboard)
- Bài tập thực hành của chương này.

Chương 3: KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG INTERNET (10 tiết)

I. Tổng quan về Internet.

- I.1. Giới thiệu chung.
- I.2. Tên máy tính.
- I.3. Một số dịch vụ thông dụng trên internet.
 - I.3.1. Các phương thức kết nối internet.
 - I.3.2. Các nhà cung cấp dịch vụ internet.

II. Sử dụng trình duyệt web Internet Explorer.

- II.1. Khởi động và thoát.
- II.2. Một số thao tác cơ bản
- II.3. Tìm kiếm thông tin.

III. Gửi và nhận Email.

- III.1. Gửi và nhận email bằng Gmail, Yahoo mail.
- III.2. Gửi và nhận email bằng Outlook Express.
- III.3. Một số tiện ích khác.

Chương 4: NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH PASCAL (20 tiết)

I. Tổng quan.

- I.1 Các thành phần cơ bản
- I.2 Các kiểu dữ liệu chuẩn
- I.3 Hằng, biến và biểu thức.
- I.4 Cấu trúc của một chương trình Pascal.

II. Các lệnh cơ bản của Pascal.

- II.1. Lệnh gán.
- II.2. Các thủ tục vào-ra dữ liệu.
- II.3. Câu lệnh điều kiện, câu lệnh lặp.

III. Các kiểu dữ liệu mở rộng.

- III.1. Kiểu dữ liệu miền con.
- III.2. Dữ liệu mảng
- III.3. Dữ liệu kiểu xâu kí tự.

IV. Bản ghi (record)

- IV.1. Khái niệm về bản ghi
- IV.2. Khai báo bản ghi
- IV.3. Mảng các bản ghi
- IV.4. Cách viết chương trình.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần : PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

2. Số đơn vị học trình : 3

3. Trình độ : cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian :

- Lý thuyết: 40 tiết
- Thảo luận thuyết trình: 5 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên học qua các học phần triết học Mac – Lenin; Kinh tế chính trị Mac-Lenin.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Gồm 2 phần:

- Phần 1: Tìm hiểu những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, về nguồn gốc, bản chất, các kiểu và các hình thức của Nhà nước và pháp luật. Quy phạm pháp luật. Quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
- Phần 2: Giới thiệu một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

7. Nhiệm vụ của sinh viên học sinh:

Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình, đến lớp nghe giảng. Chuẩn bị các ý kiến đề xuất cho bài tình huống.

8. Tài liệu học tập:

- Tài liệu chính:

[1] Giáo trình Pháp luật đại cương trường CĐ Kinh Tế Kỹ thuật CN II, tài liệu lưu hành nội bộ. Tp. HCM 2007

- Tài liệu tham khảo:

[1] Các giáo trình pháp luật đại cương của trường ĐH luật, ĐH kinh tế TP.HCM, các văn bản pháp luật.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp.
- Thảo luận.
- Bản thu hoạch.
- Thuyết trình.
- Báo cáo.
- Thi giữa học kì: 15 % điểm đánh giá.
- Thi cuối học kì: 75 % điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu của học phần:

Giúp sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật. Đồng thời giới thiệu một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

12. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Chương 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT (10 tiết)

I. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước

I.1. Nguồn gốc của Nhà nước

- I.2. Bản chất của Nhà nước
- I.3. Chức năng của Nhà nước
- I.4. Các kiểu và các hình thức nhà nước
- I.5. Nhà nước pháp quyền.

II. Những vấn đề cơ bản về pháp luật

- II.1 Nguồn gốc của pháp luật
- II.2 Bản chất và các thuộc tính của pháp luật
- II.3 Vai trò của pháp luật
- II.4 Các kiểu và các hình thức của pháp luật

Chương 2: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT (5 tiết)

I. Khái niệm và đặc điểm của hệ thống pháp luật

- I.1. Khái niệm hệ thống pháp luật
- I.2 Đặc điểm hệ thống pháp luật

II. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

- II.1 Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật
- II.2 Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.
- II.3 Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật và vấn đề áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

III. Hệ thống các ngành luật Việt Nam.

- III.1 Quy phạm pháp luật
 - III.1.1 Khái niệm quy phạm pháp luật
 - III.1.2 Cấu trúc của quy phạm pháp luật
- III.2 Chế định pháp luật
- III.3 Ngành luật
 - III.3.1 Khái niệm ngành luật
 - III.3.2 Căn cứ phân chia
 - III.3.3 Các ngành luật trong hệ thống pháp luật VN

Chương 3: QUAN HỆ PHÁP LUẬT (2 tiết)

I. Khái niệm và phân loại

- I.1. Khái niệm
- I.2. Phân loại

II. Các thành phần của quan hệ pháp luật

- II.1. Chủ thể
- II.2. Khách thể
- II.3. Nội dung

III. Sự kiện pháp lý

- III.1. Khái niệm
- III.2. Phân loại sự kiện pháp lý

Chương 4 : THỰC HIỆN PHÁP LUẬT - VI PHẠM PHÁP LUẬT - TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ (5 tiết)

I. Thực hiện pháp luật

- I.1 Khái niệm thực hiện pháp luật

- I.2 Các hình thức thực hiện pháp luật.
- II. Vi phạm pháp luật**
 - II.1 Khái niệm
 - II.2 Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật
 - II.3 Các loại vi phạm pháp luật
- III. Trách nhiệm pháp lý**
 - III.1 Khái niệm
 - III.2 Các loại trách nhiệm pháp lý

PHẦN 2
CÁC NGÀNH LUẬT CỤ THỂ

| | |
|---|---------------|
| Chương 1: LUẬT NHÀ NƯỚC | 1 tiết |
| <ul style="list-style-type: none"> I. Khái niệm và đối tượng điều chỉnh của luật Nhà nước <ul style="list-style-type: none"> I.1 Khái niệm I.2 Đối tượng điều chỉnh của luật Nhà nước II. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 1992 <ul style="list-style-type: none"> II.1 Chế độ chính trị II.2 Chế độ kinh tế II.3 Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân | |
| Chương 2: LUẬT HÀNH CHÍNH | 2 tiết |
| <ul style="list-style-type: none"> I. Khái niệm và đối tượng điều chỉnh <ul style="list-style-type: none"> I.1. Khái niệm I.2. Đối tượng điều chỉnh II. Một số nội dung của pháp lệnh công chức | |
| Chương 3: LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ | 3 tiết |
| A. LUẬT HÌNH SỰ | |
| <ul style="list-style-type: none"> I. Khái niệm và vai trò của luật Hình sự <ul style="list-style-type: none"> I.1 Khái niệm I.2. Vai trò II. Tội phạm <ul style="list-style-type: none"> II.1 Khái niệm II.2 Các dấu hiệu của tội phạm III. Hình phạt <ul style="list-style-type: none"> III.1 Khái niệm III.2 Các loại hình phạt | |
| B. LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ | |
| <ul style="list-style-type: none"> I. Khái niệm luật tố tụng hình sự II. Các giai đoạn tố tụng hình sự | |
| Chương 4: LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ | 4 tiết |
| <ul style="list-style-type: none"> I. Khái niệm về luật dân sự <ul style="list-style-type: none"> I.1 Khái niệm I.2 Quan hệ pháp luật dân sự II. Một số nội dung cơ bản của luật dân sự | |

| | |
|--|---------------|
| II.1 Quyền sở hữu | |
| II.2 Hợp đồng dân sự | |
| III.3 Quyền thừa kế | |
| C. LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ | |
| I. Khái niệm luật Tố tụng dân sự | |
| II. Các giai đoạn tố tụng dân sự | |
| Chương 5: LUẬT LAO ĐỘNG | 3 tiết |
| Khái niệm luật lao động | |
| I.1 Khái niệm | |
| I.2 Quan hệ pháp luật lao động | |
| II. Hợp đồng lao động | |
| II.1 Khái niệm | |
| II.2 Các loại quan hệ lao động | |
| III. Quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động | |
| III.1 Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động | |
| III.2 Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng lao động | |
| IV. Bảo hiểm xã hội | |
| IV.1 Khái niệm về bảo hiểm xã hội | |
| IV.2 Các chế độ bảo hiểm xã hội | |
| Chương 6: LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH | 2 tiết |
| I. Khái niệm về luật hôn nhân và gia đình | |
| I.1. Khái niệm về hôn nhân và gia đình | |
| I.2. Luật hôn nhân và gia đình | |
| II. Nội dung cơ bản của luật hôn nhân và gia đình | |
| II.1 Kết hôn | |
| II.2 Quan hệ pháp lý giữa vợ và chồng | |
| II.3 Quan hệ pháp lý giữa cha mẹ và con cái | |
| II.4 Ly hôn | |
| Chương 7: LUẬT DOANH NGHIỆP | 3 tiết |
| I. Khái niệm về doanh nghiệp | |
| I.1 Khái niệm | |
| II.2 Luật doanh nghiệp 2005 | |
| II. Địa vị pháp lý các loại hình doanh nghiệp | |
| II.1 Công ty TNHH | |
| II.2 Công ty cổ phần | |
| II.3 Công ty hợp danh | |
| II.4 Doanh nghiệp tư nhân | |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: SOẠN THẢO VĂN BẢN

2. Số đơn vị học trình: 2

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 25 tiết
- Thực hành: 5 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên học qua các học phần Pháp luật đại cương và Luật kinh tế .

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Gồm 3 phần:

- Phần 1: Cung cấp một số kiến thức cơ bản về văn bản và soạn thảo văn bản, khái niệm, chức năng và các loại văn bản, ý nghĩa và yêu cầu của việc soạn thảo văn bản, các bước soạn thảo văn bản và thể thức chung của văn bản.
- Phần 2: Soạn thảo một số văn bản thông dụng, giới thiệu một số loại văn bản thông dụng và thực hành soạn các loại văn bản đó.
- Phần 3: Các nguyên tắc tiếp nhận và xử lý văn bản đến, các biện pháp nghiệp vụ để gửi văn bản đi.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình, đến lớp nghe giảng. Nghiêm túc thực hiện các bài thực hành ở lớp và ở nhà. Chuẩn bị các ý kiến đề xuất cho bài tình huống.

8. Tài liệu học tập:

- Sách giáo trình chính
 - [1]. Tài liệu chính: Giáo trình Kỹ thuật soạn thảo văn bản, Tân Hiếu Nghĩa, NXB TH Thành phố Hồ Chí Minh
 - [2]. Tập bài giảng Kỹ thuật soạn thảo văn bản của trường Đại học luật TP.HCM
 - [3]. Tài liệu tham khảo: Các sách hướng dẫn soạn thảo văn bản.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Theo quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 2 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

Giúp sinh viên nhận biết và phân biệt các loại văn bản, hiểu được vai trò một số văn bản hành chính và biết cách soạn một số văn bản thông dụng, nắm được quy trình và những nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý và xử lý văn bản.

12. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ VĂN BẢN VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VĂN BẢN (3 tiết)

I. Khái niệm và chức năng của văn bản

I.1. Khái niệm về văn bản

I.2. Chức năng của văn bản

II. Phân loại văn bản

- II.1. Phân loại trên cơ sở quá trình tạo lập văn bản
- II.2. Phân loại theo tính chất văn bản
- II.3. Phân loại theo hình thức của văn bản

Chương 2 : NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN (3 tiết)

I. Khái niệm và ý nghĩa của kỹ thuật soạn thảo văn bản

- I.1. Khái niệm về kỹ thuật soạn thảo văn bản
- I.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu kỹ thuật soạn thảo văn bản

II. Những yêu cầu của việc soạn thảo văn bản

III. Quy trình soạn thảo văn bản

IV. Thể thức văn bản

- IV.1. Khái niệm về thể thức văn bản
- IV.2. Thành phần thể thức văn bản
- IV.3. Nội dung và cách trình bày các thành phần trong thể thức văn bản

PHẦN 2

KỸ THUẬT SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY MỘT SỐ VĂN BẢN THÔNG DỤNG

Chương 1: PHƯƠNG PHÁP SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY QUYẾT ĐỊNH (5 tiết)

- I. Vai trò của Quyết định
- II. Cấu trúc của Quyết định
- III. Mẫu trình bày Quyết định

Chương 2: PHƯƠNG PHÁP SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY CÔNG VĂN (4 tiết)

- I. Vai trò của Công văn
- II. Thể thức chung của Công văn
- III. Phương pháp trình bày nội dung Công văn

Chương 3 : PHƯƠNG PHÁP SOẠN THẢO VÀ TRÌNH BÀY THÔNG BÁO (4 tiết)

- I. Vai trò của Thông báo
- II. Thể thức chung của Thông báo
- III. Cấu trúc nội dung Thông báo

Chương 4 : PHƯƠNG PHÁP GHI VÀ TRÌNH BÀY BIÊN BẢN (4 tiết)

- I. Vai trò của Biên bản
- II. Cấu trúc của một số Biên bản thông thường
- III. Mẫu trình bày Biên bản

Chương 5 : PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (2 tiết)

- I. Vai trò của báo cáo thực tập tốt nghiệp
- II. Quy trình thực hiện báo cáo thực tập tốt nghiệp
- III. Phương pháp trình bày báo cáo thực tập tốt nghiệp

Chương 6 : QUẢN LÝ VĂN BẢN (3 tiết)

- I. Quản lý văn bản đến
- II. Kiểm tra và phân loại văn bản

III. Bóc bì văn bản

IV. Đóng dấu “Công văn đến”

V. Đăng ký, chuyển giao văn bản đến

VI. Giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết văn bản đến

VII. Quản lý văn bản đi

VII.1 Kiểm tra văn bản

VII.2 Đóng dấu

VII.3 Vào sổ “ Công văn đi”

VII.4 Gửi văn bản đi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần : KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ LÀM VIỆC ĐỘI NHÓM

2. Số đơn vị học trình: 2

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 25 tiết
- Thảo luận thuyết trình: 5 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên học qua các học phần Tiếng Việt thực hành

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Gồm 3 phần:

- Phần 1: Tìm hiểu về những vấn đề lý luận chung về giao tiếp và hành vi ứng xử trong giao tiếp.
- Phần 2: Các kỹ năng giao tiếp.
- Phần 3: Kỹ năng hợp tác làm việc đội nhóm.

7. Nhiệm vụ của sinh viên học sinh:

Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình, đến lớp nghe giảng. Chuẩn bị các ý kiến đề xuất cho bài tập tình huống.

8. Tài liệu học tập:

- Sách, giáo trình chính
 - [1]. Giáo trình Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Khoa Kinh tế Trường CĐ Kinh Tế Kỹ thuật CN II, tài liệu lưu hành nội bộ. Tp. HCM 2008
- Sách tham khảo:
 - [1]. Nguyễn Hữu Thn, (2000), Quản trị hành chính văn phòng. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
 - [2]. Phan Thanh Lâm - Nguyễn Thị Hồ Bình, (2004), Giao tiếp về lễ trong văn phòng. Nhà xuất bản thống kê Hà Nội.
 - [3]. Vương Thị Phương Thanh, (2004), Giao tiếp và làm việc đội nhóm, Giáo trình của Viện Kế Toán & Quản trị doanh nghiệp.
 - [4]. Các chuyên đề về giao tiếp tại website: [www. Google.com.vn](http://www.Google.com.vn)

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp.
- Thảo luận.
- Bản thu hoạch.
- Thuyết trình.
- Báo cáo.
- Thi giữa học kì: 25%
- Thi cuối học kì: 75 %

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

Giúp sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản về kỹ năng giao tiếp, các khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự tin đồng thời biết phối hợp phát huy tốt năng lực của nhóm trong việc giải quyết vấn đề.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ GIAO TIẾP VÀ HÀNH VI ỨNG XỬ TRONG GIAO TIẾP

5 tiết

I. Giới thiệu chung về giao tiếp

- I.1 Khái niệm chung về giao tiếp.
- I.2 Bản chất của giao tiếp
- I.3 Chức năng của giao tiếp
- I.4 Nguyên tắc giao tiếp.

II. Hình thức giao tiếp

- II.1 Phân loại giao tiếp.
- II.2 Cấu trúc của hoạt động giao tiếp.
- II.3 Các phương tiện giao tiếp

Chương 2: CÁC KỸ NĂNG GIAO TIẾP

10 tiết

I. Truyền thông không lời

- I.1 Khái niệm về truyền thông không lời
- I.2 Biểu hiện của giao tiếp phi ngôn ngữ

II. Kỹ năng nghe

- II.1 Đặc điểm của nghe
- II.2 Lợi ích của nghe
- II.3 Các kiểu nghe
- II.4 Những rào cản của việc lắng nghe
- II.5 Những kỹ năng cần thiết để nghe có hiệu quả

III. Kỹ năng giao tiếp

- III.1 Giao tiếp đạt hiệu quả
- III.2 Các phép xã giao thông thường
- III.3 Giao tiếp ở Công sở, doanh nghiệp

IV. Giao tiếp qua điện thoại

- IV.1 Đặc điểm v mục đích của giao tiếp qua điện thoại
- IV.2 Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại

V. Kỹ năng thuyết trình

- V.1 Vai trò của thuyết trình
- V.2 Kỹ năng thực hiện bài thuyết trình.

Chương 3: KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

10 tiết

I. Khái niệm về nhóm

- I.1 Khái niệm
- I.2 Phân loại nhóm
- I.3 Chuẩn mực nhóm

II. Các hiện tượng tâm lý của nhóm

- II.1 Sự tương hợp nhóm
- II.2 Bầu không khí tâm lý trong nhóm
- II.3 Mâu thuẫn, xung đột trong tập thể

III. Cách thức làm việc theo nhóm

- III.1 Lợi ích của làm việc theo nhóm.
- III.2 Yêu cầu đối với trưởng nhóm và các thành viên.
- III.3 Tiến hành các buổi họp nhóm.
- III.4 Làm giảm căng thẳng và giải quyết mâu thuẫn trong nhóm.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH B

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ sinh viên: cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp : 45 tiết.
- Thực tập phòng thí nghiệm, thực hành : không

5. Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên phải đảm bảo trên 80% số tiết nghe giảng và luyện tập, đạt 5 điểm kiểm tra học trình.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Môn học gồm 7 chương và chia thành 2 phần:
 - + Phần 1: Tiếp nhận văn bản.
 - + Phần 2: Tạo lập văn bản.
- Nội dung của các phần nhằm củng cố một số kiến thức cơ bản về Tiếng Việt. Từ đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt trong khi nói, viết bằng Tiếng Việt cũng như tiếp nhận văn bản.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp nghe giảng và thực hành với sự giúp đỡ của giảng viên.
- Dự kiểm tra học phần 2 lần đạt điểm trung bình kiểm tra từ 5 điểm trở lên.

8. Tài liệu học tập:

- [1]. Tiếng Việt thực hành – Nguyễn Minh Thuyết – NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội
- [2]. Tiếng Việt thực hành – Bùi Minh Toán – Lê A – Đỗ Việt Hùng – NXB Giáo dục.
- [3]. Tiếng Việt thực hành – Hà Thúc Hoan – NXB – KHXH.
- [4]. Kỹ thuật soạn thảo văn bản – Vương Thị Kim Thanh – NXB Trẻ.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm quá trình: 25% điểm đánh giá.
- Điểm thi hết học phần: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu của học phần:

Rèn luyện kỹ năng sử dụng Tiếng Việt (chủ yếu là viết, soạn thảo văn bản và nói) cho sinh viên các nhóm ngành Khoa học tự nhiên, Kinh tế, Kỹ thuật. Góp phần cùng các môn học khác rèn luyện tư duy khoa học cho sinh viên.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Phần 1: TIẾP NHẬN VĂN BẢN

Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ TIẾNG VIỆT

5 tiết

I. Giao tiếp và văn bản.

II. Một số loại văn bản.

- II.1 Văn bản khoa học.
- II.2 Văn bản nghị luận.
- II.3 Văn bản hành chính.

Chương 2 : THỰC HÀNH PHÂN TÍCH VĂN BẢN

5 tiết

I. Tìm hiểu khái quát về văn bản.

II. Tìm hiểu một số nhân tố liên quan đến nội dung văn bản.

III. Tìm hiểu khái quát nội dung văn bản.

- III.1 Phân tích đoạn văn.
- III.2 Tìm hiểu ý chính của đoạn văn.
- III.3 Tìm hiểu cách lập luận trong đoạn văn.
- III.4. Phân tích sự liên kết giữa các câu trong văn bản.
- III.5 Phân tích bố cục và lập luận toàn văn bản.
- III.6 Bố cục của văn bản.
- III.7 Tái tạo đề cương của văn bản

Chương 3 : THUẬT LẠI NỘI DUNG TÀI LIỆU KHOA HỌC 5 tiết

I. Tóm tắt một tài liệu khoa học.

- I.1 Mục đích yêu cầu của việc tóm tắt.
- I.2 Những cách tóm tắt thường sử dụng.

II. Tổng thuật các tài liệu khoa học.

- II.1 Mục đích yêu cầu của việc tổng thuật.
- II.2 Cách tổng thuật các tài liệu khoa học.

III. Trình bày lịch sử vấn đề.

- III.1 Mục đích, yêu cầu của việc trình bày lịch sử vấn đề.
- III.2 Cách trình bày lịch sử vấn đề.

Phần 2 : TẠO LẬP VĂN BẢN

Chương 1 : TẠO LẬP VĂN BẢN 10 tiết

I. Định hướng – xác định các nhân tố giao tiếp của văn bản.

II. Lập đề cương cho văn bản.

- II.1 Mục đích yêu cầu cho việc lập đề cương cho văn bản.
- II.2 Một số loại đề cương thường dùng.
- II.3 Các thao tác lập đề cương.
- II.4 Một số lỗi thường mắc khi lập đề cương.

III. Viết đoạn văn và văn bản.

- III.1 Yêu cầu về đoạn văn trong văn bản.
- III.2 Các thao tác viết đoạn văn.

IV. Sửa chữa và hoàn thiện văn bản.

- IV.1 Các lỗi trong văn bản.
- IV.2 Các lỗi về cấu tạo văn bản.

V. Viết luận văn, tiểu luận khoa học, báo cáo khoa học

- V.1 Cấu trúc thường gặp của một luận văn, tiểu luận khoa học, báo cáo khoa học...
- V.2 Ngôn ngữ trong luận văn, tiểu luận, báo cáo khoa học

VI. Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng

Chương 2 : RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐẶT CÂU TRONG VĂN BẢN 5 tiết

I. Những yêu cầu về câu trong văn bản

II. Đặc điểm của câu trong văn bản khoa học, văn bản nghị luận và văn bản hành chính

III. Một số thao tác rèn luyện về câu

IV. Chữa câu sai

Chương 3 : RÈN LUYỆN KỸ NĂNG DÙNG TỪ TRONG VĂN BẢN 5 tiết

I. Những yêu cầu về dùng từ trong văn bản

II. Đặc điểm của từ trong văn bản khoa học, văn bản hành chính, văn bản nghị luận

III. Một số thao tác về dùng từ

IV. Chữa các lỗi về từ trong văn bản

Chương IV: CHỮ VIẾT TRONG VĂN BẢN 5 tiết

I. Chữ quốc ngữ

II. Chính tả

III. Lỗi chính tả

ÔN TẬP 5 tiết

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần : GIÁO DỤC THỂ CHẤT

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bố thời gian

- Lý thuyết
- Thực hành

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Gồm 3 học phần bao gồm những nội dung cơ bản của môn học GDTC

- Quá trình GDTC đối với sinh viên tiến hành trên cơ sở khoa học giáo dục khoa học và hệ thống giáo dục quốc dân
- Phần lý luận được truyền thụ theo hình thức bài giảng kết hợp với thực hành
- Phần lý luận chuyên môn được giảng dạy
- Phần thực hành: bao gồm những nội dung nhằm giải quyết cụ thể nhiệm vụ GDTC cho sinh viên. Chú trọng các bài giảng thể lực toàn diện và khắc phục sự mất cân đối của một số sinh viên.
- Tiếp đến đặc biệt chú trọng việc tập luyện và kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thân thể, bồi dưỡng kỹ năng vận động và phương pháp tổ chức thi đấu trong các môn thể thao tự chọn, các tổ chức cần thiết cho ngành nghề đào tạo.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Phải có ý thức tổ chức kỷ luật, xây dựng niềm tin lối sống lành mạnh, tinh thần tự giác học tập và rèn luyện thể chất.
- Ngoài chương trình nội khóa, SV-HS cần tập luyện ngoại khóa để ôn lại những phần đã học

8. Tài liệu học tập

- Giáo trình của Bộ Đại Học
- Lý luận và phương pháp GDTC. GSTS Đinh Lãm
- Tài liệu về giảng dạy Điền kinh, Bóng chuyền, Cầu lông. Tổng cục TDTT

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo qui chế về tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ khi kết thúc môn học do bộ GD&ĐT. Ban hành theo quyết định của bộ trưởng bộ GD&ĐT số 1262/GĐ-ĐT_ngày 12/04/1997

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu của học phần

- Giáo dục đạo đức
- Rèn luyện tinh thần tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật, xây dựng niềm tin, lối sống lành mạnh, tinh thần tự giác học tập và rèn luyện thể chất, chuẩn bị sẵn sàng sản xuất và bảo vệ tổ quốc.
- Cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về nội dung và phương pháp rèn luyện thân thể, tập luyện TDTT. Nâng vững kỹ năng vận động và kỹ thuật cơ bản
- Duy trì và củng cố sức khoẻ cho sinh viên, phát triển cơ thể một cách hài hoà, xây dựng thói quen lành mạnh, khắc phục những tật xấu nhằm đạt hiệu quả tốt trong học tập.

- Phát hiện nhân tài, tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao trình độ thể thao cho các đội tiêu biểu, tham gia tích cực vào phong trào TDTT sinh viên.

12. Nội dung chi tiết học phần

| TT | NỘI DUNG | Số giờ | NĂM HỌC | | Ghi chú |
|----|---------------------------|--------|---------|------|---------|
| | | | HKI | HKII | |
| | Lý luận chung + thực hành | 90 | 60 | 30 | |
| 1 | LL chung | 30 | 10 | | |
| | Thể dục | | 20 | | |
| 2 | Bóng chuyền | 30 | 30 | | |
| 3 | Cầu lông | 30 | | 30 | |

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

I. HỌC PHẦN 1: LÝ LUẬN CHUNG (10T)

* MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp tập luyện

Nắm được kỹ thuật cơ bản theo nội dung quy định và vận dụng vào việc luyện tập hàng ngày để nâng cao sức khoẻ và đạt được những chỉ tiêu thể lực và chuẩn rèn luyện thân thể

* NỘI DUNG:

Lý thuyết chuyên môn (giới thiệu kết hợp với giảng dạy thực hành)

PHẦN THỂ DỤC

| TT | NỘI DUNG | Số tiết | Ghi chú |
|----|---|---------|---------|
| 1. | Bài 1: Lý luận và phương pháp gdtc | 10 | |
| 2. | Bài 2: Thực hành | 20 | |
| | Bài tập thể dục: 9 động tác cơ bản | | |
| | _ Các bài tập trên xà đơn – xà kép nam | 5 | |
| | _ Các bài tập phát triển các tổ chất nữ | 5 | |
| | Hoàn thiện 9 động tác cơ bản | 2 | |
| | _ Kiểm tra | 2 | |
| | _ Các bài tập di chuyển nhanh, mạnh, khéo léo | 2 | |
| | + Kéo xà đơn nam | 5 | |
| | + Gập thân nữ | 3 | |
| | Ôn tập 9 động tác | 2 | |
| | _ Kiểm tra | 2 | |
| | | 2 | |

II. PHẦN II: ĐIỀN KINH

* Mục đích yêu cầu:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp tập luyện
- Nắm được kỹ thuật cơ bản theo nội dung qui định và vận dụng vào việc tập luyện hằng ngày để nâng cao sức khoẻ và đạt được những chỉ tiêu thể lực và tiêu chuẩn rèn luyện thân thể

| TT | NỘI DUNG | Số tiết | Ghi chú |
|-------|---|---------|---------|
| Bài 1 | Giới thiệu nguyên lý kỹ thuật chung Kỹ thuật xuất phát Cách đóng bàn đạp | 3 | |
| Bài 2 | Tập xuất phát Kỹ thuật chạy lao Kỹ thuật chạy giữa quãng Kỹ thuật chạy về đích | 5 | |
| Bài 3 | Chạy cự ly Trung bình 800m nữ – 1500m nam Nguyên lý kỹ thuật chung Kỹ thuật chạy Bước chân Cách đánh tay | 5 | |
| Bài 4 | Tập nhịp thở trong khi chạy Các bài tập bổ trợ Các bài tập tăng cường thể chất | 3 | |
| Bài 5 | Giới thiệu kỹ thuật chạy việt dã Ôn tập kỹ thuật xuất phát thấp, cự ly trung bình | 2 2 | |
| Bài 6 | Kỹ thuật nhảy xa - nhảy xa kiểu ngòi Chạy đà: Cách đo đà Dậm nhảy Bay trên không Rơi xuống đất (tiếp đất) | 5 | |
| Bài 7 | Các bài tập bổ trợ cho chạy đà và dậm nhảy Các bài tập tăng cường thể chất Ôn tập và kiểm tra hết học phần | 3 | |
| | | 2 | |

III. PHẦN III: CẦU LÔNG

* Mục đích yêu cầu:

Mục đích: rèn luyện thể lực, tăng cường phát triển hoạt động thể thao, góp phần xây dựng nếp sống văn minh lành mạnh trong sinh viên

Yêu cầu: truyền thụ cho sinh viên những động tác kỹ thuật vận động cơ bản môn cầu lông

Biết những điều luật của môn cầu lông và vận dụng vào thực tế

Rèn luyện cho sinh viên, để làm điều kiện cho quá trình tiếp thu kỹ chiến thuật

Nội dung chương trình: 30 tiết

| TT | NỘI DUNG | Số tiết | Ghi chú |
|-------|--|---------|---------|
| Bài 1 | Nguyên lý kỹ thuật cơ bản động tác , vị trí trên sân, động tác di chuyển các hướng trái phải trước sau, chéo | 2 | |
| Bài 2 | Phát cầu bên phải trong đánh đơn | 3 | |
| | Phát cầu bên trái trong đánh đơn | 3 | |
| | Phát cầu bên phải trong đánh đôi | 3 | |
| | Phát cầu bên trái trong đánh đôi | 3 | |
| Bài 3 | Đỡ cầu bên phải, bên trái, dưới thấp, trên cao và ngang vai | 6 | |
| Bài 4 | Ôn tập các kỹ thuật trong đánh đơn, đánh đôi | 5 | |
| | Hướng dẫn luật thi đấu | 2 | |
| | Ôn tập và thi hết học phần | 3 | |

IV. TIÊU CHUẨN ĐỂ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH ĐẠT YÊU CẦU:

Theo quyết định của bộ trưởng bộ GD&ĐT số 1262/GD-ĐT_ngày 12/04/1997

Kết thúc một học phần kiểm tra đánh giá thành tích và kết quả của học sinh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần : GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG
2. Số đơn vị học trình: 9 (135 tiết)
3. Trình độ: Áp dụng cho Sinh viên hệ cao đẳng; học đủ 3 học phần I, II, III .
4. Phân bổ thời gian
 - Học phần 1 : 45 tiết – Bố trí học 5 ngày/tuần
 - Học phần 2 : 45 tiết – Bố trí học 5 ngày/tuần
 - Học phần 3 : 45 tiết – Bố trí học 5 ngày/tuần
5. Điều kiện tiên quyết:

Môn Giáo dục quốc phòng có thể bố trí cho sinh viên học tập vào năm 1, năm 2 hoặc năm 3.

- Lớp học lý thuyết không quá 150 Sinh viên
- Lớp học thực hành không quá 50 Sinh viên

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

* Học phần I: ĐƯỜNG LỐI QUÂN SỰ CỦA ĐẢNG

Học phần có 3 đơn vị học trình đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự bao gồm: Những vấn đề cơ bản về học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; Các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử quân sự Việt nam qua các thời kỳ.

* Học phần II: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG AN NINH

Học phần có 03 đơn vị học trình được lựa chọn những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Xây dựng lực lượng Dân quân, Tự vệ, lực lượng Dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

* Học phần III: QUÂN SỰ CHUNG

Học phần III có 3 đơn vị học trình lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy đề phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; Tính năng, tác dụng, cấu tạo, cách sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; Đặc điểm, tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; Phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn, cấp cứu ban đầu các vết thương. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao, điền kinh, thể thao quốc phòng.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài chu đáo, làm đầy đủ bài tập, tích cực, chủ động nêu ý kiến khi giáo viên yêu cầu.

Sau khi học xong chương trình, Sinh viên phải hiểu rõ các đường lối quân sự của Đảng, các chủ trương chính sách của Đảng về công tác quốc phòng – an ninh. Nắm chắc một số nội dung về quân sự chung.

Nêu cao tinh thần trách nhiệm của bản thân, tích cực tham gia đóng góp công sức của mình, cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

8. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:

[1] Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh, tập 1 + 2 (Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng) – Đào Duy Hiệp, Nguyễn Mạnh Hương, Lưu Ngọc Hải... - NXBGD – 08/2008

- Sách tham khảo:

[1] Một số vấn đề về chủ quyền biển, đảo Việt Nam – NXB Quân đội nhân dân 02/2008

[2] Một số nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia – NXB Quân đội nhân dân – 07/2007

[3] Nghệ thuật Việt Nam đánh giặc giữ nước – Bộ quốc phòng.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục QP-AN cho sinh viên cao đẳng theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy và các quy định tại các điều 12, 13, 14 của quy định: Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng – an ninh/ Bộ GD&ĐT.

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu học phần:

Chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh dùng cho sinh viên cao nhằm:

- Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; Về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; Về chiến lược “Điển binh hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.
- Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

12. Nội dung chi tiết học phần:

HỌC PHẦN I

BÀI 1 (02 tiết)

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

I. Mục đích yêu cầu

II. Đối tượng nghiên cứu

1. Nghiên cứu về đường lối quân sự của Đảng.
2. Nghiên cứu về công tác quốc phòng an ninh.
3. Nghiên cứu về quân sự và kỹ năng quân sự cần thiết

III. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu.

1. Cơ sở phương pháp luận
2. Các phương pháp nghiên cứu.

IV. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng an ninh.

1. Đặc điểm môn học.
2. Chương trình
3. Đội ngũ giảng viên và cơ sở thiết bị dạy học
4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập.

BÀI 2 (06 tiết)

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TU TƯỞNG HCM VỀ CHIẾN TRANH QUÂN ĐỘI

I. Mục đích yêu cầu

II. Nội dung.

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.
2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội.
3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bảo vệ tổ quốc.
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

BÀI 3 (04 tiết)

XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN AN NINH NHÂN DÂN

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.
3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.

BÀI 4 (06 tiết)

CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc.
2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc.
3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc.

BÀI 5 (08 tiết)

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.
2. Phương hướng xây dựng lực lượng VTND trong giai đoạn mới.
3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

BÀI 6 (05 tiết)

KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CỨNG CỐ QUỐC PHÒNG – AN NINH.

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh.
2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay.
3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế- xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh ở Việt Nam hiện nay.

BÀI 7 (08 tiết)

NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM.

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta.
2. Nghệ thuật quân sự Việt nam từ khi có Đảng.
3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.

HỌC PHẦN II

BÀI 8 (06 tiết)

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VN

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.
2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.
3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, Bạo loạn lật đổ của Đảng, nhà nước ta.
4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay.

BÀI 9 (06 tiết)

PHÒNG CHỐNG ĐỊCH TIẾN CÔNG HOẢ LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh.
2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

BÀI 10 (07 tiết)

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG.

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên
3. Động viên công nghiệp quốc phòng.

BÀI 11 (06 tiết)

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia
2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.
3. Quan điểm của đảng và nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

BÀI 12 (05 tiết)

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG DỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc.
2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo.
3. Đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng việt nam.

BÀI 13 (05 tiết)

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.
3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong thời gian tới.
4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.
5. Một số quan điểm của đảng, nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.
6. Vai trò trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

BÀI 14 (05 tiết)

XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.
3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc.

BÀI 15 (05 tiết)

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm.
2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội.

HỌC PHẦN III

BÀI 16 (04 tiết)

ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Đội hình tiểu đội.
2. Đội hình trung đội.
3. Đối hướng đội hình.

III. Tổ chức phương pháp huấn luyện.

BÀI 17 (08 tiết)

SỬ DỤNG BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH QUÂN SỰ

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

A. Bản đồ:

1. Khái niệm, ý nghĩa
2. Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình.
3. Cơ sở toán học bản đồ địa hình.
4. Cánh chia mảnh, ghi số hiệu bản đồ.
5. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ.

B. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ.

1. Đo cự ly, diện tích trên bản đồ
2. Xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu.
3. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa.
4. Đối chiếu bản đồ với thực địa.

III. Tổ chức phương pháp huấn luyện.

BÀI 18 (08 tiết)

GIỚI THIỆU MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

A. Súng tiền liên AK

1. Tác dụng tính năng chiến đấu.
2. Cấu tạo chung của súng và đạn.

3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn.
4. Tháo và lắp súng thông thường.
5. Chuyển động của các bộ phận của súng.

B. Súng trường CKC

1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.
2. Cấu tạo chung của súng và đạn.
3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn.
4. Tháo và lắp súng, đạn.
5. Chuyển động của các bộ phận của súng.

C. Súng trung liên RPD.

1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.
2. Cấu tạo chung của súng và đạn.
3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn.
4. Tháo và lắp súng thông thường.
5. Chuyển động của các bộ phận của súng.

D. Súng diệt tăng B40.

1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.
2. Cấu tạo chung của súng và đạn.
3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn.
4. Tháo và lắp súng thông thường.
5. Chuyển động của các bộ phận của súng.
6. Quy tắc an toàn khi sử dụng súng.

E. Súng diệt tăng B41.

1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.
2. Cấu tạo chung của súng và đạn.
3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn.
4. Tháo và lắp súng thông thường.
5. Chuyển động của các bộ phận của súng.
6. Quy tắc an toàn khi sử dụng súng B41.

III. Tổ chức và phương pháp huấn luyện.

BÀI 19 (06 tiết)

THUỐC NỔ

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

1. Thuốc nổ và các phương tiện gây nổ.
2. Ứng dụng thuốc nổ trong chiến đấu.
3. Ứng dụng trong sản xuất.

III. Tổ chức phương pháp huấn luyện.

BÀI 20 (06 tiết)

PHÒNG CHỐNG VŨ KHÍ HỦY DIỆT LỚN

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

A. Vũ khí hạt nhân

1. Khái niệm
2. Phân loại và phương tiện sử dụng.
3. Phương thức nổ của vũ khí hạt nhân.
4. Các nhân tố sát thương phá hoại và cách phòng chống.

B. Vũ khí hóa học.

1. Khái niệm
2. Phân loại.
3. Đặc điểm tác hại cơ bản của Vũ khí hóa học.
4. Một số loại chất độc chủ yếu và cách phòng chống.

C. Vũ khí sinh học.

1. Khái niệm
2. Một số bệnh do vũ khí sinh học gây ra và cách phòng chống.
3. Phòng chống vũ khí sinh học.

D. Vũ khí lửa

1. Khái niệm,
2. Phân loại chất cháy.
3. Một số loại chất cháy chủ yếu.
4. Tác hại của chất cháy.
5. Phương pháp chung phòng chống vũ khí lửa.

III. Tổ chức phương pháp huấn luyện.

BÀI 21 (07 tiết)

CẤP CỨU BAN ĐẦU VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

A. Hệ thống những kiến thức cơ bản về băng bó, chuyển thương.

1. Nguyên tắc băng.
2. Các kiểu băng cơ bản.
3. Thực hành băng vết thương ở một số vị trí trên cơ thể.
4. Chuyển thương.

B. Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.

1. Đặc điểm của vết thương chiến tranh.
2. Cấp cứu ban đầu vết thương do vũ khí nổ (Vũ khí thông thường)

III. Tổ chức phương pháp huấn luyện.

BÀI 22 (04 tiết)

BA MÔN QUÂN SỰ PHỐI HỢP

I. Mục đích yêu cầu.

II. Nội dung

A. Điều lệ.

1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu.
2. Trách nhiệm và quyền hạn của người dự thi.
3. Trách nhiệm và quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng).

4. Thủ tục khiếu nại.
5. Xác định thành tích xếp hạng.

B. Quy tắc thi đấu.

1. Quy tắc chung
2. Quy tắc thi đấu các môn
3. Cách tính thành tích.

III. Tổ chức phương pháp huấn luyện.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: KINH TẾ VI MÔ

2. Số đơn vị học trình: 4

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết
- Bài tập và thảo luận: 15 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên đã học qua các học phần Triết học, Kinh tế Chính trị, Toán học.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học này gồm có 7 chương

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự lớp đầy đủ, đọc tài liệu đã được hướng dẫn trước khi đến lớp, tham gia thảo luận, làm bài tập, đọc thêm sách, báo, internet....

8. Tài liệu học tập:

- **Sách giáo trình chính**

- [1]. Lê Bảo Lâm và nhóm tác giả (1999) Kinh tế Vi mô, NXB Thống Kê.
- [2]. Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội (1996) Kinh tế học Vi mô, NXB Giáo Dục.

- **Sách tham khảo**

- [1]. Pindyck, R.S. and Rubinfeld, D.L.(1992) Microeconomics, 2nd Macmillan Publishing Company, New York.
- [2]. Begg, D., Fischer, S. and Dornbusch, R.(2001) Economics, 3rd McGRAW-HILL BOOK Company, London.
- [3]. Tham khảo thêm tạp chí Thương Mại , Thời báo kinh tế Việt Nam và một số tạp chí, báo khác, internet...

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Đi học đầy đủ: Là điều kiện dự thi hết môn.
- Làm báo cáo nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình: 25 %
- Thi cuối học kỳ: 75%

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

Trang bị những kiến thức kinh tế cơ bản, giúp người học:

- Nhận thức cơ bản về lý luận và phương pháp kinh tế trong quản lý doanh nghiệp
- Hiểu được xu thế vận động tất yếu, tính quy luật của các hành vi kinh tế của các chủ thể: Các hộ gia đình, các doanh nghiệp và chính phủ.

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ HỌC VI MÔ

5 tiết

I. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KTHVM

- I.1. Kinh tế học, KTHVM và KTHVM
- I.2. Đối tượng và nội dung cơ bản của KTHVM
- I.3. Phương pháp nghiên cứu

II. DOANH NGHIỆP VÀ CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ CƠ BẢN CỦA DOANH NGHIỆP

II.1. Doanh nghiệp và chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp.

II.2. Những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp

III. LỰA CHỌN KINH TẾ TỐI ƯU CỦA DOANH NGHIỆP

III.1. Những vấn đề cơ bản của lý thuyết lựa chọn

III.2. Bản chất và phương pháp lựa chọn kinh tế tối ưu

IV. ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC QUI LUẬT KINH TẾ ĐẾN VIỆC LỰA CHỌN KINH TẾ TỐI ƯU

IV.1. Ảnh hưởng của qui luật khan hiếm.

IV.2. Ảnh hưởng của qui luật lợi tức giảm dần.

IV.3. Ảnh hưởng của qui luật chi phí cơ hội ngày càng tăng.

IV.4. Hiệu quả kinh tế.

V. CÁC HỆ THỐNG TỔ CHỨC SẢN XUẤT

V.1. Nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung (nền kinh tế chỉ huy).

V.2. Nền kinh tế thị trường.

V.3. Nền kinh tế hỗn hợp.

CHƯƠNG 2: CUNG CẦU VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

10 tiết

I. CẦU THỊ TRƯỜNG

I.1. Khái niệm

I.2. Luật cầu:

I.3. Các yếu tố làm dịch chuyển đường cầu - Hàm số cầu

I.4. Độ co giãn của cầu theo giá

II. CUNG THỊ TRƯỜNG

II.1. Khái niệm

II.2. Luật cung

II.3. Các yếu tố làm dịch chuyển đường cung – Hàm số cung

II.4. Độ co giãn của cung theo giá

III. CÂN BẰNG THỊ TRƯỜNG

III.1. Khái niệm trạng thái cân bằng thị trường

III.2. Trạng thái dư thừa và thiếu hụt thị trường.

III.3. Sự thay đổi của trạng thái cân bằng

III.4. Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường để kiểm soát giá

CHƯƠNG 3: LÝ THUYẾT HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG

10 tiết

I. LÝ THUYẾT HỮU DỤNG

I.1. Các khái niệm

I.2. Qui luật hữu dụng biên giảm dần

I.3. Hữu dụng biên và đường cầu

I.4. Thặng dư tiêu dùng (CS)

II. LỰA CHỌN SẢN PHẨM VÀ TIÊU DÙNG TỐI ƯU

II.1. Nguyên tắc tối đa hoá lợi ích của NTD

II.2. Giải thích tiêu dùng tối ưu bằng đường ngân sách và đường bàng quan

III. CÁC HIỆU ỨNG GIÁ CẢ VÀ THU NHẬP (Hệ Cao đẳng)

III.1. Đường Engel

III.2. Tác động thay thế và tác động thu nhập

III.3. Hàng Giffen

CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT SẢN XUẤT VÀ CHI PHÍ SẢN XUẤT

15 tiết

I. LÝ THUYẾT SẢN XUẤT

I.1. Hàm sản xuất và công nghệ sản xuất

I.2. Sản xuất với một đầu vào biến đổi

I.3. Sản xuất với hai đầu vào biến đổi

II. LÝ THUYẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT:

I.1. Một số khái niệm: Chi phí kinh tế (EC) và chi phí kế toán (AC)

II.2. Phân tích chi phí sản xuất trong ngắn hạn

II.3. Phân tích chi phí sản xuất trong dài hạn

CHƯƠNG 5 : CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG

10 tiết

I. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN TOÀN

I.1. Đặc điểm

I.2. Tối đa hoá lợi nhuận

II. THỊ TRƯỜNG ĐỘC QUYỀN HOÀN TOÀN

II.1. Khái niệm

II.2. Nguyên nhân dẫn đến độc quyền

II.3. Đặc điểm

II.4. Tối đa hoá lợi nhuận

II.5. Chiến lược giá của doanh nghiệp độc quyền

II.6. Tác hại của độc quyền và sự can thiệp của chính phủ

III. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH ĐỘC QUYỀN

III.1. Đặc điểm

III.2. Đường cầu và doanh thu biên

III.3. Tối đa hoá lợi nhuận

IV. THỊ TRƯỜNG ĐỘC QUYỀN NHÓM

IV.1. Đặc điểm

IV.2. Phân loại: Có hai loại độc quyền nhóm

CHƯƠNG 6: THỊ TRƯỜNG CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT

5 tiết

I. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

I.1. Cầu về lao động

I.2. Cung về lao động

I.3. Cân bằng thị trường lao động

II. THỊ TRƯỜNG VỐN VÀ ĐẤT ĐAI

II.1. Một số khái niệm cơ bản

II.2. Thị trường vốn

II.3. Thị trường đất đai

CHƯƠNG 7: NHỮNG HẠN CHẾ CỦA THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ

5 tiết

I. NHỮNG HẠN CHẾ CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

- I.1. Tác động đối với phân bổ tài nguyên
- I.2. Hàng hoá công cộng
- I.3. Phân hoá giàu nghèo
- I.4. Độc quyền và sức mạnh của thị trường
- I.5. Các ngoại ứng.
- I.6. Những rủi ro và khiếm khuyết khác

II. CHỨC NĂNG, CÔNG CỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP CAN THIỆP CỦA CHÍNH PHỦ

- II.1. Chức năng kinh tế của chính phủ.
- II.2. Các công cụ chủ yếu của chính phủ.
- II.3. Các phương pháp điều tiết của chính phủ.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: PHÁP LUẬT KINH TẾ

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 40 tiết
- Thảo luận thuyết trình: 5 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên học qua các học phần triết học Mác – Lênin Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Pháp luật đại cương.

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học :

- Phần 1: Tìm hiểu về những vấn đề lý luận chung về luật kinh tế, khái niệm luật kinh tế và quan hệ pháp luật kinh tế, chủ thể và nguồn của luật kinh tế.
- Phần 2: Địa vị pháp lý của một số loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế Việt Nam, giới thiệu về một số loại hình doanh nghiệp Việt Nam.
- Phần 3: Pháp luật về hợp đồng kinh doanh, thương mại. Những quy định của Bộ luật dân sự 2005 và Luật Thương mại 2005 về Hợp đồng.
- Phần 4: Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại.

7. Nhiệm vụ của sinh viên học sinh:

- Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình, đến lớp nghe giảng. Chuẩn bị các ý kiến đề xuất cho bài tập tình huống.

8. Tài liệu học tập:

- [1]. Tài liệu chính: Giáo trình pháp luật kinh tế - Khoa Kinh tế - Trường CĐ Kinh Tế Kỹ thuật CN II, tài liệu lưu hành nội bộ. Tp. HCM 2007
- [2]. Tài liệu tham khảo: Luật kinh tế trường Đại học kinh tế TP.HCM.
- [3]. Các văn bản pháp luật kinh tế tại: [www. Google.com.vn](http://www.Google.com.vn)

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp.
- Thảo luận.
- Bản thu hoạch.
- Thuyết trình.
- Báo cáo
- Thi giữa học kì: 25% điểm đánh giá
- Thi cuối học kì: 75 % điểm đánh giá

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

Giúp sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản về pháp luật kinh tế, về địa vị pháp lý của một số doanh nghiệp và những quy định của pháp luật về Hợp đồng kinh doanh, thương mại và thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ LUẬT KINH TẾ 5 tiết

I. Khái niệm luật kinh tế.

I.1. Khái niệm luật kinh tế.

- I.2. Đối tượng điều chỉnh
- I.3. Phương pháp điều chỉnh
- II. Quan hệ pháp luật kinh tế và chủ thể luật kinh tế.**
- II.1. Quan hệ pháp luật kinh tế.
- II.2. Chủ thể của luật kinh tế
- III. Nguồn của luật kinh tế Việt Nam.**

- III.1. Hiến pháp
- III.2. Các văn bản luật
- III.3. Các văn bản dưới luật

Chương 2: ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

15 tiết

I. Công ty TNHH

- I.1. Khái niệm và đặc điểm
- I.2. Khái niệm
- I.3. Đặc điểm
- I.4. Cơ cấu tổ chức
 - I.4.1 Hội đồng thành viên
 - I.4.2. Chủ tịch hội đồng quản trị
 - I.4.3. Giám đốc (tổng giám đốc)
- I.5. Đăng ký thành lập công ty
 - I.5.1 Công ty TNHH 1 thành viên
 - Khái niệm
 - Đặc điểm

II. Công ty cổ phần

- II.1. Khái niệm và đặc điểm
 - II.1.1. Khái niệm
 - II.1.2. Đặc điểm
- II.2. Những quy định về cổ phần, cổ phiếu, cổ đông
 - II.2.1. Cổ phần
 - II.2.2. Cổ phiếu
 - II.2.3. Cổ đông
- II.3. Cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần
 - II.3.1. Đại hội đồng cổ đông
 - II.3.2. Hội đồng quản trị
 - II.3.3. Tổng Giám đốc (giám đốc) công ty
 - II.3.4. Ban kiểm soát

III. Công ty hợp doanh

- III.1. Khái niệm và đặc điểm
- III.2. Cơ cấu tổ chức

IV. Doanh nghiệp tư nhân

- IV.1. Khái niệm và đặc điểm
- IV.2. Quyền và nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp tư nhân

Chương 3: PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG

10 tiết

I. Khái niệm và đặc điểm của Hợp đồng kinh tế (trước ngày 01 tháng 01 năm 2006).

I.1. Khái niệm

I.2. Đặc điểm

II. Hợp đồng kinh doanh thương mại

II.1. Khái niệm

II.2. Đặc điểm

III. Căn cứ ký kết hợp đồng

III.1. Nguyên tắc ký kết hợp đồng

III.2. Chủ thể của hợp đồng

III.3. Thẩm quyền ký kết

III.4. Hình thức và trình tự ký kết

III.5. Nội dung của hợp đồng

IV. Thực hiện hợp đồng

IV.1. Các nguyên tắc thực hiện

IV.2. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng

V. Quy định về sửa đổi, hủy bỏ, đình chỉ và thanh lý hợp đồng.

V.1. Sửa đổi, hủy bỏ hợp đồng

V.2. Đình chỉ hợp đồng

V.3. Thanh lý hợp đồng

VI. Hợp đồng vô hiệu

VI.1. Vô hiệu toàn bộ

VI.2. Vô hiệu từng phần

Chương 4 PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

5 tiết

I. Khái niệm về phá sản doanh nghiệp

II. Điều kiện và thủ tục tuyên bố phá sản

II.1. Những người có quyền nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp

II.2. Trình tự thủ tục tuyên bố phá sản doanh nghiệp

III. Phân chia tài sản doanh nghiệp phá sản và hậu quả pháp lý của việc phá sản doanh nghiệp.

III.1. Phân chia tài sản của doanh nghiệp phá sản

III.2. Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố phá sản

Chương 5 : PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH

5 Tiết

I. Khái niệm về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

I.1. Khái niệm

I.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

II. Các loại cơ quan tài phán kinh tế ở nước ta

II.1. Trọng tài thương mại

II.2. Tòa kinh tế

III. Sự khác nhau giữa trọng tài thương mại và toà án trong việc giải quyết tranh chấp

- III.1. Về tính chất
- III.2. Về thẩm quyền
- III.3. Về cơ cấu tổ chức
- III.4. Về thủ tục

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập: 15 tiết

5. Điều kiện tiên quyết

Các môn học tiên quyết: Kinh tế chính trị, Kinh tế vi mô....

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Gồm 6 chương bao gồm những nội dung cơ bản của Lý thuyết thống kê. Nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán xu hướng, quy luật phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Phương pháp điều tra chọn mẫu, Phân tích mối liên hệ tương quan giữa các hiện tượng kinh tế - xã hội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên :

- Phải hiểu và vận dụng được kiến thức đã học vào việc phân tích, tính toán ảnh hưởng cụ thể của từng nhân tố tác động đến sự biến động của các chỉ tiêu kinh tế - xã hội.
- Tham gia đầy đủ các buổi học tập, thảo luận, chuẩn bị tốt nội dung bài học, bài tập trước khi đến lớp. Làm đề cương tóm tắt môn học sau khi kết thúc học phần.

8. Tài liệu học tập:

- [1]. Hà Văn Sơn- Giáo trình Lý thuyết thống kê - trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh – NXB Thống kê 2004
- [2]. Bài tập Lý thuyết thống kê do giáo viên tự biên soạn.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên :

* Điểm quá trình 25% điểm đánh giá gồm :

- Dự lớp
- Bài tập về nhà
- Kiểm tra giữa học kỳ
- Báo cáo đề cương chi tiết môn học.

* Thi hết môn 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm : 10.

11. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những phương pháp luận về Thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động, phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Những kiến thức trên sẽ giúp cho sinh viên học tốt môn học Thống kê doanh nghiệp và các môn học chuyên ngành, đồng thời có thể vận dụng vào công tác chuyên môn nghiệp vụ của mình.

12. Nội dung chi tiết học phần :

Chương 1: QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU THỐNG KÊ

3 tiết

I - Xác định hệ thống chỉ tiêu thống kê

I.1 - Khái niệm hệ thống chỉ tiêu thống kê.

I.2 - Các yêu cơ bản để xác định hệ thống chỉ tiêu thống kê

II - Điều tra thống kê

- II.1 - Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ điều tra thống kê
- II.2 - Các loại điều tra thống kê
- II.3 - Các phương pháp thu thập tài liệu điều tra
- II.4 - Các hình thức tổ chức điều tra thống kê
- II.5 - Sai số trong điều tra thống kê

III - Tổng hợp thống kê

- III.1 - Khái niệm và nhiệm vụ của tổng hợp thống kê
- III.2 - Bảng thống kê và đồ thị thống kê

IV - Phân tích và dự đoán thống kê

- IV.1 - Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích, dự đoán thống kê
- IV.2 - Các yêu cầu có tính nguyên tắc cần được tuân thủ trong phân tích và dự đoán thống kê
- IV.3 - Những vấn đề chủ yếu của phân tích và dự đoán thống kê

Chương II: CÁC MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG KINH TẾ-XÃ HỘI

10 tiết

I - Số tuyệt đối trong thống kê

- I.1 - Khái niệm, ý nghĩa và đặc điểm
- I.2 - Đơn vị tính
- I.3 - Các loại số tuyệt đối

II - Số tương đối trong thống kê

- II.1 - Khái niệm, ý nghĩa
- II.2 - Đặc điểm và hình thức biểu hiện
- II.3 - Các loại số tương đối

III - Số bình quân trong thống kê

- III.1 - Khái niệm, ý nghĩa và đặc điểm
- III.2 - Các loại số bình quân

IV - Các chỉ tiêu đánh giá độ biến thiên của tiêu thức

- IV.1 - Khoảng biến thiên
- IV.2 - Độ lệch tuyệt đối bình quân
- IV.3 - Phương sai
- IV.4 - Độ lệch tiêu chuẩn
- IV.5 - Hệ số biến thiên

Chương III: DÃY SỐ BIẾN ĐỘNG THEO THỜI GIAN

7 tiết

I - Dãy số biến động theo thời gian

- I.1 - Khái niệm
- I.2 - Các loại dãy số biến động theo thời gian
- I.3 - Ý nghĩa

II - Các chỉ tiêu phân tích dãy số biến động theo thời gian

- II.1 - Mức độ bình quân theo thời gian
- II.2 - Lượng tăng (giảm) tuyệt đối
- II.3 - Tốc độ phát triển
- II.4 - Tốc độ tăng (giảm)

II.5 - Giá trị tuyệt đối 1% tăng

III - Các phương pháp biểu hiện xu hướng phát triển cơ bản của hiện tượng

III.1 - Phương pháp mở rộng khoảng cách thời gian

III.2 - Phương pháp số bình quân di động

III.3 - Phương pháp hồi quy

IV - Các phương pháp dự đoán thống kê

IV.1 - Dựa vào lượng tăng tuyệt đối bình quân

IV.2 - Dựa vào tốc độ phát triển bình quân

Chương IV: PHƯƠNG PHÁP CHỈ SỐ

15 tiết

I - Phương pháp chỉ số

I.1 - Khái niệm

I.2 - Đặc điểm của phương pháp chỉ số

I.3 - Tác dụng của chỉ số

I.4 - Các loại chỉ số

II - Các phương pháp tính chỉ số

II.1 - Chỉ số tổng hợp

Nguyên tắc chọn thời kỳ của quyền số

Ví dụ minh họa

II.2 - Chỉ số bình quân

Ví dụ minh họa

III - Hệ thống chỉ số

III.1 - Khái niệm

III.2 - Hệ thống chỉ số

III.3 - Tác dụng của hệ thống chỉ số

Chương V : ĐIỀU TRA CHỌN MẪU

5 tiết

I - Khái niệm về điều tra chọn mẫu

I.1 - Khái niệm

I.2 - Ưu điểm của điều tra chọn mẫu

I.3 - Tổng thể chung và tổng thể mẫu

II - Những vấn đề lý luận trong điều tra chọn mẫu

II.1 - Sai số trong điều tra chọn mẫu

II.2 - Phạm vi sai số chọn mẫu

II.3 - Xác định cỡ mẫu

II.4 - Suy rộng kết quả điều tra chọn mẫu

**Chương VI : PHÂN TÍCH MỐI LIÊN HỆ TƯƠNG QUAN
GIỮA CÁC HIỆN TƯỢNG NGHIÊN CỨU**

5 tiết

I - Mối liên hệ giữa các hiện tượng

I.1 - Ý nghĩa của việc nghiên cứu mối liên hệ giữa các hiện tượng

I.2 - Các loại và các hình thức liên hệ giữa các hiện tượng

I.3 - Phương pháp hồi quy và tương quan

II - Liên hệ tương quan tuyến tính giữa 2 tiêu thức số lượng

II.1 - Phương trình hồi quy

II.2 - Hệ số tương quan

III - Mô hình tương quan hồi quy đơn phi tuyến tính

III.1 - Mô hình hồi quy đơn dạng Parabol

III.2 - Mô hình hồi quy đơn dạng Hyperbol

III.3 - Tỷ số tương quan

IV - Độ co giãn

IV.1 - Độ co giãn tuyệt đối

IV.2 - Độ co giãn tương đối

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: QUẢN TRỊ HỌC

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 35 tiết
- Bài tập tình huống: 10 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên phải có kiến thức căn bản các môn kinh tế vi mô, pháp luật kinh tế

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị cũng như việc vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết và các chức năng quản trị. Học phần cũng cập nhật một số vấn đề mới về quản trị học hiện đại, như quản trị thông tin, ra quyết định quản trị.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình
- Dự lớp: áp dụng đúng quy chế lên lớp đối với sinh viên của BGD&ĐT ban hành.
- Làm bài tập, thuyết trình
- Cuối kỳ sinh viên sẽ phải tham gia kỳ thi

8. Tài liệu học tập

- **Sách giáo trình chính**

- [1]. Trường ĐH KTQD-Khoa KHQL. Giáo trình Quản trị học. NXBTC Hà nội 2003,
- [2]. Nguyễn Thị Liên Diệp. Quản trị học. NXB TK năm 1998,
- [3]. PGS TS Phan Thị Ngọc Thuận. Quản trị học đại cương. NXB KHKT HN 2005

- **Sách tham khảo**

- [1]. PGS TS Đồng Thị Thanh Phương. ThS Nguyễn Đình Hòa.ThS Trần Thị Ý Nhi.Giáo trình Quản trị Doanh nghiệp. NXB TK 2007;
- [2]. Ths.Trần Ngọc Nam-Trần Huy Khang.Hướng dẫn TH quản trị.NXBTBK 2002
- [3]. Mạnh Linh biên soạn. Những phương pháp quản lý theo phong cách Nhật Bản.NXB VHTT 2005.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Theo quy chế về tổ chức và đào tạo do Bộ GD & ĐT quy định sinh viên sẽ phải dự lớp đầy đủ, tham gia tích cực vào giờ học, làm đầy đủ các bài tập và bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối mỗi kỳ sẽ phải tham gia vào kỳ thi. Điểm 5 trở lên được công nhận là điểm đạt.

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu của học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị cách thức quản trị một số công việc cụ thể trong doanh nghiệp.

- Tham mưu cho giám đốc và những người trực tiếp quản lý doanh nghiệp về phương pháp, hình thức, biện pháp quản trị đạt hiệu quả cao nhất đem lại lợi ích cho doanh nghiệp.

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ QUẢN TRỊ

10 tiết

I. Khái niệm về Quản trị:

- I.1. Khái niệm Quản trị
- I.2. Tầm quan trọng của Quản trị

II. Chức năng Quản trị

- II.1. Hoạch định
- II.2. Tổ chức
- II.3. Lãnh đạo
- II.4. Kiểm soát

III. Quản trị là môn khoa học và là một nghệ thuật

CHƯƠNG 2: NHÀ QUẢN TRỊ

15 tiết

I. Khái niệm nhà Quản trị

II. Các loại nhà Quản trị

- II.1. Nhà Quản trị cấp cao
- II.2. Nhà Quản trị cấp trung gian
- II.3. Nhà Quản trị cấp cơ sở

III. Các chức năng Quản trị tổng quát

IV. Các kỹ năng của nhà Quản trị

- IV.1. Kỹ năng kỹ thuật
- IV.2. Kỹ năng con người
- IV.3. Kỹ năng tư duy

CHƯƠNG 3: QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ

10 tiết

I. Khái niệm và đặc điểm của quyết định quản trị

- I.1. Khái niệm về quyết định quản trị
- I.2. Vai trò quyết định quản trị
- I.3. Đặc điểm của các quyết định quản trị

II. Phân loại quyết định quản trị

III. Tiến trình ra quy định quản trị

BÀI TẬP XỬ LÝ TÌNH HUỐNG

10 tiết

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. **Tên học phần:** TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ
2. **Số đơn vị học trình:** 3
3. **Trình độ:** cho sinh viên năm thứ 1
4. **Phân bố thời gian:**
 - Lý thuyết: 45 tiết
5. **Điều kiện tiên quyết:**
 - Sinh viên cần học qua học phần Kinh tế chính trị
6. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**
 - Môn học Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ bao gồm các vấn đề cơ bản về tài chính và tiền tệ như: Tiền đề ra đời, quá trình phát triển của tài chính, chức năng của tiền tệ, lưu thông tiền tệ, hệ thống tài chính Việt Nam, hệ thống ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, Thị trường tài chính, Tài chính quốc tế...
7. **Nhiệm vụ của sinh viên:**
 - Nghiên cứu giáo trình và các tài liệu có liên quan, tham gia các buổi học trên lớp, tham gia thảo luận trong các buổi học.
8. **Tài liệu học tập:**
 - **Giáo trình chính:**
 - [1]. Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ – GS.TS Dương Thị Bình Minh, TS. Sứ Đình Thành, NXB Thống kê
 - **Tài liệu tham khảo:**
 - [1]. PGS.TS Nguyễn Đăng Dòn - Tiền tệ ngân hàng, NXB Thống kê.
 - [2]. PGS.TS Nguyễn Thị Cành - Tài chính công, NXB ĐHQG TP.HCM 2003.
 - [3]. Giáo trình Lý thuyết Tiền tệ - Tín dụng, Bộ Tài chính
 - [4]. Giáo trình Lý thuyết Tài chính, Bộ Tài chính
9. **Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**
 - Thi giữa học kỳ: 25% điểm đánh giá
 - Thi cuối học kỳ: 75% điểm đánh giá
10. **Thang điểm:** 10.
11. **Mục tiêu của học phần:**
 - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, nền tảng về hệ thống tài chính, tiền tệ, ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, hệ thống ngân hàng và thị trường tiền tệ làm cơ sở nhận thức tiên cận các môn chuyên ngành như: Tài chính doanh nghiệp, Thuế, Kế toán, Kiểm toán...

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TIỀN TỆ

5 tiết

I. Lịch sử ra đời và phát triển của tiền tệ

- I.1. Khái quát quá trình phát triển của tiền tệ
- I.2. Các hình thức của tiền tệ

II. Bản chất và chức năng của tiền tệ

- II.1. Bản chất
- II.2. Chức năng

III. Cung – cầu tiền tệ và quy luật lưu thông tiền tệ

| | |
|---|----------------|
| III.1. Cung tiền tệ | |
| III.2. Cầu tiền tệ | |
| III.3. Quy luật lưu thông tiền tệ | |
| CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH | 5 tiết |
| I. Khái quát sự ra đời và phát triển của tài chính | |
| I.1. Tiền đề nền kinh tế hàng hoá | |
| I.2. Tiền đề nhà nước | |
| II. Bản chất của tài chính | |
| II.1. Biểu hiện bên ngoài của tài chính | |
| II.2. Nội dung bên trong của tài chính | |
| III. Chức năng của tài chính | |
| III.1. Chức năng phân phối | |
| III.2. Chức năng giám đốc | |
| IV. Hệ thống tài chính | |
| IV.1. Tài chính công | |
| IV.2. Tài chính doanh nghiệp | |
| IV.3. Tài chính hộ gia đình và các tổ chức xã hội | |
| CHƯƠNG 3: TÀI CHÍNH CÔNG | 5 tiết |
| I. Khái niệm và vai trò của tài chính công | |
| I.1. Khái niệm | |
| I.2. Vai trò của tài chính công | |
| II. Hệ thống tài chính công | |
| II.1. Khái quát về Ngân sách nhà nước | |
| II.2. Thu ngân sách nhà nước | |
| II.3. Chi ngân sách nhà nước | |
| II.4. Quy trình ngân sách nhà nước | |
| CHƯƠNG 4: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP | 10 tiết |
| I. Bản chất và vai trò của tài chính doanh nghiệp | |
| I.1. Bản chất | |
| I.2. Vai trò | |
| II. Quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp | |
| II.1. Khái niệm về vốn kinh doanh | |
| II.2. Vốn cố định | |
| II.3. Vốn lưu động | |
| II.4. Vốn đầu tư tài chính | |
| II.5. Các nguồn tài trợ vốn kinh doanh của doanh nghiệp | |
| III. Chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm | |
| III.1. Chi phí kinh doanh | |
| III.2. Giá thành sản phẩm | |
| IV. Thu nhập và lợi nhuận của doanh nghiệp | |
| IV.1. Thu nhập của doanh nghiệp | |
| IV.2. Lợi nhuận của doanh nghiệp | |

CHƯƠNG 5: HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

5 tiết

I. Tín dụng

- I.1. Nguồn gốc và bản chất của tín dụng
- I.2. Lãi suất tín dụng

II. Khái niệm, chức năng và vai trò của các định chế tài chính trung gian

- II.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại
- II.2. Chức năng của các định chế tài chính trung gian
- II.3. Vai trò của các định chế tài chính trung gian

III. Ngân hàng thương mại

- III.1. Khái niệm
- III.2. Chức năng
- III.3. các nghiệp vụ chủ yếu của ngân hàng thương mại

IV. Một số định chế tài chính trung gian khác

CHƯƠNG 6: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ 5 tiết

I. Ngân hàng trung ương

- I.1. Khái quát sự ra đời và phát triển
- I.2. Chức năng của ngân hàng trung ương

II. Chính sách tiền tệ

- II.1. Khái niệm
- II.2. Mục tiêu
- II.3. Các công cụ để thực thi chính sách tiền tệ

CHƯƠNG 7: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ 5 tiết

I. Cơ sở hình thành và phát triển

II. Tỷ giá hối đoái

- II.1. Khái niệm
- II.2. Vai trò
- II.3. Các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái
- II.4. Chính sách điều chỉnh tỷ giá hối đoái

III. Cán cân thanh toán quốc tế

- III.1. Khái niệm
- III.2. Các nguyên tắc xây dựng cán cân thanh toán quốc tế
- III.3. Nội dung của cán cân thanh toán quốc tế

IV. Các định chế tài chính quốc tế

CHƯƠNG 8: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH 5 tiết

I. Khái niệm, phân loại và vai trò

II. Thị trường tiền tệ

- II.1. Khái niệm, phân loại
- II.2. Các nghiệp vụ trên thị trường tiền tệ

III. Thị trường vốn

- III.1. Khái niệm, phân loại
- III.2. Các công cụ trên thị trường vốn

IV. Sở Giao dịch chứng khoán

IV.1. Nguyên tắc hoạt động

IV.2. Các phương thức giao dịch phổ biến.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 1

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm, thực hành: không.

5. Điều kiện tiên quyết:

- Các môn học tiên quyết: môn học được bố trí sau khi học xong các môn học Lý thuyết tài chính tiền tệ, Kinh tế chính trị, Kinh tế vi mô, Nguyên lý thống kê.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán như: Bản chất, nguyên tắc của kế toán; hệ thống phương pháp kế toán, trình tự chung về kế toán các yếu tố, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, tổ chức công tác và bộ máy kế toán.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp : Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các vấn đề và tham gia thảo luận về các vấn đề mà giáo viên và sinh viên khác đặt ra trong từng chương và liên kết các chương
- Bài tập: Chuẩn bị và làm các bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp
- Đọc các tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận các vấn đề lý thuyết trên lớp

8. Tài liệu học tập:

- Sách tham khảo.

[1]. Phan Đức Dũng, Nguyên lý Kế toán, NXB Thống kê 2006.

[2]. Trường Đại học kinh tế TP.HCM, Nguyên lý kế toán, NXBTổng hợp TP.HCM 2006

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp.
- Thảo luận:
 - + Có chuẩn bị bài
 - + Số lần tham gia thảo luận trên lớp
- Thi giữa học kì: 25% điểm đánh giá.
- Thi cuối học kì: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

- Trang bị cho người học kiến thức cơ bản nhất về kế toán, làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp và kế toán công, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Đồng thời định hướng được quan hệ giữa kế toán với quản lý trên các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo của mình.
- Giúp người học nắm khái quát được Chế độ kế toán Việt Nam bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý của Việt Nam định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo của mình.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN

I. Định nghĩa và phân loại kế toán

- I.1 Định nghĩa về kế toán
- I.2 Sự phân loại kế toán

II. Lịch sử kế toán

III. Đối tượng của kế toán

IV. Các phương pháp kế toán

V. Nguyên tắc và yêu cầu kế toán

Chương 2: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Bảng cân đối kế toán

- I.1 Bảng cân đối kế toán là gì?
- I.2 Nội dung và kết cấu của Bảng cân đối kế toán
- I.3 Sự thay đổi các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán

II. Bảng kết quả hoạt động kinh doanh

- II.1 Bảng kết quả hoạt động kinh doanh là gì?
- II.2 Kết cấu của bảng kết quả hoạt động kinh doanh

II.3 Ảnh hưởng của các nghiệp vụ đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả kinh doanh

Chương 3: TÀI KHOẢN VÀ KẾ TOÁN KÉP

I. Tài khoản

- I.1 Khái niệm về tài khoản
- I.2 Nội dung, kết cấu và phân loại tài khoản
- I.3 Nguyên tắc ghi chép vào tài khoản
- I.4 Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp Việt Nam
- I.5 Nội dung và kết cấu một số các tài khoản chủ yếu

II. Kế toán kép

- II.1 Khái niệm kế toán kép
- II.2 Các ví dụ kế toán kép
- II.3 Các loại định khoản - chuyển khoản
- II.4 Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết
- II.5 Mối quan hệ giữa tài khoản và Bảng cân đối kế toán

Chương 4: TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN

I. Sự cần thiết phải tính giá các đối tượng kế toán

II. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tính giá các đối tượng kế toán

III. Tính giá một số đối tượng chủ yếu

- III.1 Tài sản cố định
- III.2 Nguyên vật liệu

Chương 5: KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP

I. Kế toán quá trình cung cấp.

- I.1 Khái niệm

- I.2 Nhiệm vụ kế toán quá trình cung cấp
- I.3 Tài khoản sử dụng
- I.4 Định khoản các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh
- I.5 Sơ đồ kế toán

II. Kế toán quá trình sản xuất

- II.1 Đặc điểm của hoạt động sản xuất
- II.2 Kế toán quá trình sản xuất
- II.3 Nhiệm vụ kế toán quá trình sản xuất
- II.4 Trình tự tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
- II.5 Tài khoản sử dụng
- II.6 Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- II.7 Sơ đồ kế toán

III. Kế toán quá trình tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh

- III.1 Khái niệm
- III.2 Các phương thức bán hàng
- III.3 Nhiệm vụ kế toán quá trình tiêu thụ sản phẩm
- III.4 Tài khoản sử dụng
- III.5 Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- III.6 Sơ đồ kế toán

IV. Kế toán hoạt động mua bán hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh

- IV.1 Đặc điểm hoạt động mua bán hàng hoá
- IV.2 Nhiệm vụ kế toán quá trình mua, bán hàng hoá
- IV.3 Tài khoản sử dụng
- IV.4 Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- IV.5 Sơ đồ kế toán

Chương 6: CHỨNG TỪ KẾ TOÁN – KIỂM KÊ VÀ PHƯƠNG PHÁP SỬA SAI SỔ KẾ TOÁN

- I. Chứng từ kế toán**
- II. Kiểm kê tài sản**
- III. Phương pháp sửa sai sổ kế toán**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên môn học: TIN HỌC KẾ TOÁN

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 25 tiết
- Thực hành: 20 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

Đề hiểu và dần nắm vững được kiến thức của môn học này sinh viên phải học qua các môn: excel cơ bản, nguyên lý kế toán, kế toán tài chính 1, 2 và sổ sách kế toán.

6. Mô tả nội dung môn học:

Môn học bao gồm những nội dung chính sau:

- Chương 1: Khái quát lại các hàm cơ bản của MS Excel.
- Chương 2: Bảng tổng hợp công nợ – Hàng hóa
- Chương 3: Xác định kết quả sản xuất kinh doanh
- Chương 4: Các bảng cân đối kế toán
- Chương 5: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh
- Chương 6: Thuế giá trị gia tăng
- Chương 7: Sổ sách kế toán

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp:
 - + Lý thuyết: 25 tiết
 - + Thực hành: 20 tiết
- Bài tập: Làm bài tập theo mỗi chương

8. Tài liệu học tập:

- Sách, giáo trình chính: excel kế toán, làm kế toán nhanh trên excel
- Sách tham khảo: nguyên lý kế toán, hạch toán kế toán doanh nghiệp thương mại, giáo trình kế toán doanh nghiệp sản xuất, phần mềm kế toán – bài tập phần mềm kế toán.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Điểm quá trình: 25%
- Thi hết môn: 75%

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Trang bị và ôn tập lại cho sinh những kiến thức cơ bản về excel, các bút toán, cách lập một báo cáo thuế, và qui trình lập sổ sách kế toán,...
- Kỹ năng: sau khi học xong học phần này sinh viên có thể hình thành được các kỹ năng về: lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế, nắm vững được một số qui trình luân chuyển chứng từ và qui trình làm sổ sách kế toán cũng như cách xây dựng và quản lý dữ liệu trong công tác kế toán trên phần mềm ms excel.

12. Nội dung chi tiết môn học:

Chương 1: Khái quát về excel

I. Giới thiệu

- II. Các thao tác định dạng
- III. Một số hàm cơ bản trong excel
- IV. Bài tập

Chương 2: Bảng tổng hợp công nợ và hàng hóa

- I. Nguồn số liệu
- II. Bảng tổng hợp công nợ phải thu cuối kỳ (PTHUCK)
- III. Bảng tổng hợp nhập xuất tồn

Chương 3: Xác định kết quả sản xuất kinh doanh

- I. Kết chuyển các khoản giảm doanh thu bán hàng
- II. Kết chuyển các khoản doanh thu về TK xác định kết quả KD
- III. Kết chuyển các chi phí về TK xác định kết quả KD
- IV. Kết toán lỗ lãi về tài khoản lợi nhuận chưa phân phối.

Chương 4: Các bảng cân đối kế toán

- I. Bảng cân đối số phát sinh tổng hợp
- II. Bảng cân đối số phát sinh chi tiết
- III. Bảng cn đối kế toán.
- IV. Thực hành

Chương 5: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh

- I. Lãi lỗ
- II. Thực hiện nghĩa vụ với nhà nước
- III. Lưu chuyển tiền tệ
- IV. Thực hành

Chương 6: Thuế giá trị gia tăng

- I. Nguồn dữ liệu
- II. Bảng kê hàng hóa mua vào
- III. Bảng kê hàng hóa bán ra
- IV. Tờ khai thuế giá trị gia tăng

Chương 7: Sổ sách kế toán

- I. Khái quát
- II. Sổ quỹ tiền mặt
- III. Sổ TK chi tiết (TKCT)
- IV. Sổ cái
- V. Sổ chi tiết công nợ phải thu
- VI. Sổ chi tiết hàng tồn kho

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: THUẾ

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 35 tiết
- Thực hành và làm bài tập: 10 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên đã học qua các môn học về pháp luật đại cương Việt Nam, Luật kinh tế, kế toán, tài chính chuyên ngành.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuế trong kinh doanh và hạch toán; ứng dụng tính thuế, kê khai và nộp thuế trong sản xuất kinh doanh và dịch vụ.
- Học phần bao gồm các phần chính: Những vấn đề cơ bản về thuế, Thuế Xuất - Nhập khẩu, Thuế Tiêu thụ đặc biệt, Thuế GTGT, Thuế TNDN, Thuế TNCN và các loại thuế khác.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia các buổi học trên lớp 70%,
- Làm bài tập 30%.
- Về nhà nghiên cứu các loại thuế và tra cứu các thông tin trên trang Web: [www.http://hcmtax.gov.vn](http://hcmtax.gov.vn) hoặc Webketoan.info

8. Tài liệu học tập:

- Giáo trình chính:
[1]. Huỳnh Việt Tấn, Thuế trong kinh doanh và hạch toán, NXB Tài chính, 2007.
- Tài liệu tham khảo:
[1]. Các luật Thuế hiện hành.
[2]. Các website của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế. Cục thuế.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Theo qui chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 04/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 11/2/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

Sinh viên có khả năng ứng dụng kiến thức đã học làm cơ sở tính thuế, khai báo thuế trong các đơn vị sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ

05 tiết

- Khái niệm, phân loại thuế
- Các yếu tố cấu thành văn bản luật thuế
- Hệ thống thuế, chính sách thuế Việt Nam hiện hành
- Bộ máy tổ chức của hệ thống thu thuế Nhà nước

Chương 2 : THUẾ XUẤT KHẨU – NHẬP KHẨU

05 tiết

- I. Khái niệm, mục đích
 - II. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế
 - III. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế
 - IV. kê khai thuế, thời điểm tính thuế, thời hạn nộp thuế
 - V. Miễn thuế, xét miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, xử lý vi phạm.
- Chương 3: THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT** **05 tiết**
- I. Khái niệm, mục đích
 - II. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế tiêu thụ đặc biệt
 - III. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế
 - IV. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, giảm miễn thuế, hoàn thuế.
 - V. Xử lý vi phạm.
- Chương 4: THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG** **10 tiết**
- I. Khái niệm, mục đích
 - II. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế GTGT
 - III. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế GTGT
 - IV. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế
 - V. Hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ
 - VI. Đăng ký kê khai, nộp thuế
 - VII. Hoàn thuế GTGT
 - VIII. Xử lý vi phạm
- Chương 5: THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** **10 tiết**
- I. Khái niệm, mục đích
 - II. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế
 - III. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế
 - IV. Xác định thu nhập chịu thuế và thuế TN từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất.
 - V. Đăng ký kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp
 - VI. Miễn giảm, xử lý vi phạm thuế thu nhập doanh nghiệp
- Chương 6: THUẾ THU NHẬP ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ THU NHẬP CAO** **05 tiết**
- I. Khái niệm, mục đích
 - II. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế
 - III. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế
 - IV. Đăng ký kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, thoái trả thuế
 - V. Trách nhiệm của các tổ chức cá nhân trong việc thu nộp thuế
 - VI. Chế độ miễn, giảm, xử lý vi phạm thuế thu nhập.
- Chương 7: CÁC SẮC THUẾ KHÁC** **05 tiết**
- I. Thuế môn bài
 - II. Thuế tài nguyên
 - III. Thuế sử dụng đất nông nghiệp
 - IV. Thuế nhà đất
 - V. Thuế chuyển quyền sử dụng đất

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

2. Số đơn vị học trình: 5

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

Lý thuyết : 75 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

Môn học Kế toán tài chính doanh nghiệp nằm trong nhóm kiến thức chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành hạch toán kế toán. Môn học Kế toán tài chính doanh nghiệp sử dụng kiến thức của các môn học Kinh tế vi mô, Tài chính doanh nghiệp, Lý thuyết hạch toán kế toán, vì thế cần phải học sau các môn học nói trên.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần 1: 75 tiết, gồm

- Chương 1 : Tổ chức kế toán trong doanh nghiệp
- Chương 2 : Kế toán vốn bằng tiền và các khoản ứng trước
- Chương 3 : Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ
- Chương 4 : Kế toán tài sản cố định
- Chương 5 : Kế toán tiền lương
- Chương 6 : Kế toán đầu tư tài chính

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Lên lớp, nghe giảng và làm bài tập đầy đủ.
- Tìm đọc các chuẩn mực kế toán, các thông tư hướng dẫn thực hiện và các tài liệu khác có liên quan.

8. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính**

- [1]. Giáo trình kế toán tài chính – Tập thể giáo viên Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật công nghiệp 2.
- [2]. Kế toán tài chính (Khoa kế toán kiểm toán trường ĐH Kinh tế TPHCM). NXB thống kê năm 2003
- [3]. TS. Võ Văn Nhị, Trần Anh Hoa, Nguyễn Ngọc Dung, Trần Thị Duyên - Kế toán tài chính, NXB thống kê 2003
- [4]. TS. Nguyễn Văn Công - Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính, NXB Tài chính 2002

- **Sách tham khảo**

- [1]. Phạm Văn Đước, Đặng Kim Cương - Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới. Nhà xuất bản thống kê 2003
- [2]. TS. Võ Văn Nhị - Hướng dẫn thực hành kế toán tài chính. NXB thống kê 2003
- [3]. Hệ thống tài khoản kế toán. NXB Tài chính 2006
- [4]. TS. Phan Đức Dũng – Giáo trình kế toán tài chính – NXB Thống kê 2007.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Theo quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành theo quy chế 25 và 40 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Dự lớp.

- Thảo luận.
- Bản thu hoạch.
- Thuyết trình.
- Báo cáo.
- Thi giữa học kì: 25 % điểm đánh giá.
- Thi cuối học kì: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

Môn học Kế toán doanh nghiệp sản xuất trang bị cho Sinh viên những kiến thức và phương pháp hạch toán chi tiết các hoạt động kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp sản xuất. Qua đó giúp sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm được một cách thành thạo các phần hành kế toán của một nhân viên kế toán tại một doanh nghiệp sản xuất.

12. Nội dung chi tiết học phần:

A. HỌC PHẦN 1 : KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 75 tiết

Chương 1 : TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

I. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

- I.1 Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán
- I.2 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán
- I.3 Tổ chức vận dụng chế độ sổ sách kế toán
- I.4 Tổ chức cung cấp thông tin qua hệ thống báo cáo tài chính

II. Tổ chức bộ máy kế toán

- II.1 Nhiệm vụ của kế toán
- II.2 Vai trò và yêu cầu của kế toán
- II.3 Mô hình kế toán trong doanh nghiệp
- II.4 Tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp

III. Luật kế toán và chuẩn mực kế toán

- III.1 Luật kế toán
- III.2 Chuẩn mực kế toán

Chương 2 : KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN ỨNG TRƯỚC

I. Tổng quan về vốn bằng tiền

- I.1 Khái niệm
- I.2 Nguyên tắc hạch toán
- I.3 Nhiệm vụ kế toán vốn bằng tiền

II. Kế toán vốn bằng tiền

- II.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ
- II.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng
- II.3 Kế toán tiền đang chuyển
- II.4 Kế toán chênh lệch tỷ giá

III. Kế toán các khoản ứng trước

- III.1 Kế toán các khoản tạm ứng cho công nhân viên
- III.2 Kế toán các khoản chi phí trả trước
- III.3 Kế toán các khoản ký quỹ, ký cược

Chương 3 : KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

I. Những vấn đề chung về kế toán vật liệu và công cụ dụng cụ

I.1 Khái niệm

I.2 Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

I.2 Nguyên tắc hạch toán

I.3 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ

II. Hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

III. Hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

IV. Kế toán công cụ dụng cụ

V. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Chương 4 : KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

I. Tổng quan về kế toán tài sản cố định

I.1 Khái niệm tài sản cố định

I.2 Nguyên tắc hạch toán

I.3 Nhiệm vụ kế toán tài sản cố định

II. Kế toán tài sản cố định hữu hình

III. Kế toán tài sản cố định vô hình

IV. Kế toán thuê tài sản

V. Kế toán khấu hao tài sản cố định

VI. Kế toán sửa chữa tài sản cố định

Chương 5 : KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

I. Tổng quan về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

I.1 Khái niệm, bản chất kinh tế của tiền lương

I.2 Nguyên tắc hạch toán lao động và tiền lương

I.3 Các chế độ tiền lương

I.4 Phương pháp tính lương và các khoản trích theo lương

II. Kế toán tiền lương

III. Kế toán các khoản trích theo lương

IV. Kế toán trích trước tiền lương nghỉ phép

V. Kế toán dự phòng trợ cấp mất việc

Chương 6 : KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

I. Tổng quan về hoạt động đầu tư tài chính

I.1 Khái niệm

I.2 Phân loại hoạt động đầu tư tài chính

I.3 Nội dung hoạt động đầu tư tài chính

II. Kế toán đầu tư vào công ty con

III. Kế toán đầu tư góp vốn liên doanh

IV. Kế toán đầu tư vào công ty liên kết

V. Kế toán đầu tư chứng khoán và đầu tư khác

VI. Kế toán dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

VII. Kế toán đầu tư bất động sản

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2

2. Số đơn vị học trình: 5

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 3

4. Phân bố thời gian:

Lý thuyết : 60 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

Môn học Kế toán tài chính doanh nghiệp nằm trong nhóm kiến thức chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành hạch toán kế toán. Môn học Kế toán tài chính doanh nghiệp sử dụng kiến thức của các môn học Kinh tế vi mô, Tài chính doanh nghiệp, Lý thuyết hạch toán kế toán, vì thế cần phải học sau các môn học nói trên.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần 2 : 75 tiết, gồm :

- Chương 1 : Tổ chức kế toán chi phí và giá thành sản phẩm trong DN
- Chương 2 : Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong DN
- Chương 3 : Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm phụ, sản phẩm hỏng

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Lên lớp, nghe giảng và làm bài tập đầy đủ.
- Tìm đọc các chuẩn mực kế toán, các thông tư hướng dẫn thực hiện và các tài liệu khác có liên quan.

8. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính**

- [1]. Giáo trình kế toán tài chính – Tập thể giáo viên Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật công nghiệp 2.
- [2]. Kế toán tài chính (Khoa kế toán kiểm toán trường ĐH Kinh tế TPHCM). NXB thống kê năm 2003
- [3]. TS. Võ Văn Nhị, Trần Anh Hoa, Nguyễn Ngọc Dung, Trần Thị Duyên - Kế toán tài chính, NXB thống kê 2003
- [4]. TS. Nguyễn Văn Công - Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính, NXB Tài chính 2002

- **Sách tham khảo**

- [1]. Phạm Văn Được, Đặng Kim Cương - Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới. Nhà xuất bản thống kê 2003
- [2]. TS. Võ Văn Nhị - Hướng dẫn thực hành kế toán tài chính. NXB thống kê 2003
- [3]. Hệ thống tài khoản kế toán. NXB Tài chính 2006
- [4]. TS. Phan Đức Dũng – Giáo trình kế toán tài chính – NXB Thống kê 2007.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Theo quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành theo quy chế 25 và 40 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Dự lớp.
- Thảo luận.
- Bản thu hoạch.
- Thuyết trình.

- Báo cáo.
- Thi giữa học kì: 25 % điểm đánh giá.
- Thi cuối học kì: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

Môn học Kế toán doanh nghiệp sản xuất trang bị cho Sinh viên những kiến thức và phương pháp hạch toán chi tiết các hoạt động kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp sản xuất. Qua đó giúp sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm được một cách thành thạo các phần hành kế toán của một nhân viên kế toán tại một doanh nghiệp sản xuất.

12. Nội dung chi tiết học phần:

B. HỌC PHẦN 2 : KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 75 tiết

Chương 1 : TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP

I. Những vấn đề chung về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm

II. Sản phẩm dở dang và đánh giá sản phẩm dở dang

II.1 Khái niệm

II.2 Đánh giá sản phẩm dở dang theo nguyên vật liệu chính

II.3 Đánh giá sản phẩm dở dang theo nguyên vật liệu trực tiếp

II.4 Đánh giá sản phẩm dở dang theo ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

II.5 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí kế hoạch

III. Quy trình kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm

Chương 2 : KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP

I. Tính giá thành sản phẩm trong quy trình sản xuất giản đơn.

I.1 Phương pháp trực tiếp

I.2 Tính giá thành theo hệ số

I.3 Tính giá thành theo tỷ lệ

II. Tính giá thành sản phẩm trong quy trình phức tạp.

II.1 Phương pháp liên hợp

II.2 Phương pháp đơn đặt hàng

II.3 Phương pháp định mức

II.4 Phương pháp phân bước

II.4.1 Quy trình công nghệ song song

II.4.2 Quy trình công nghệ liên tục

Chương 3 : KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM PHỤ, LAO VỤ VÀ SẢN PHẨM HỒNG

I. Hoạt động sản xuất phụ

II. Vai trò sản xuất phụ đối với sản xuất của doanh nghiệp

III. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất phụ

IV. Kế toán thiệt hại trong sản xuất

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. **Tên học phần:** KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 3

2. **Số đơn vị học trình:** 4

3. **Trình độ:** cho sinh viên năm thứ 3

4. **Phân bố thời gian:**

Lý thuyết : 60 tiết

5. **Điều kiện tiên quyết:**

Môn học Kế toán tài chính doanh nghiệp nằm trong nhóm kiến thức chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành hạch toán kế toán. Môn học Kế toán tài chính doanh nghiệp sử dụng kiến thức của các môn học Kinh tế vi mô, Tài chính doanh nghiệp, Lý thuyết hạch toán kế toán, vì thế cần phải học sau các môn học nói trên.

6. **Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần 3 : 60 tiết, gồm :

- Chương 1 : Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh
- Chương 2 : Kế toán thuế
- Chương 3 : Kế toán các khoản phải thu phải trả
- Chương 4 : Kế toán vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận
- Chương 5 : Kế toán báo cáo tài chính

7. **Nhiệm vụ của sinh viên:**

- Lên lớp, nghe giảng và làm bài tập đầy đủ.
- Tìm đọc các chuẩn mực kế toán, các thông tư hướng dẫn thực hiện và các tài liệu khác có liên quan.

8. **Tài liệu học tập:**

- **Sách, giáo trình chính**

- [1]. Giáo trình kế toán tài chính – Tập thể giáo viên Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật công nghiệp 2.
- [2]. Kế toán tài chính (Khoa kế toán kiểm toán trường ĐH Kinh tế TPHCM). NXB thống kê năm 2003
- [3]. TS. Võ Văn Nhị, Trần Anh Hoa, Nguyễn Ngọc Dung, Trần Thị Duyên - Kế toán tài chính, NXB thống kê 2003
- [4]. TS. Nguyễn Văn Công - Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính, NXB Tài chính 2002

- **Sách tham khảo**

- [1]. Phạm Văn Đước, Đặng Kim Cương - Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới. Nhà xuất bản thống kê 2003
- [2]. TS. Võ Văn Nhị - Hướng dẫn thực hành kế toán tài chính. NXB thống kê 2003
- [3]. Hệ thống tài khoản kế toán. NXB Tài chính 2006
- [4]. TS. Phan Đức Dũng – Giáo trình kế toán tài chính – NXB Thống kê 2007.

9. **Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**

Theo quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành theo quy chế 25 và 40 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Dự lớp.
- Thảo luận.

- Bản thu hoạch.
- Thuyết trình.
- Báo cáo.
- Thi giữa học kì: 25 % điểm đánh giá.
- Thi cuối học kì: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

Môn học Kế toán doanh nghiệp sản xuất trang bị cho Sinh viên những kiến thức và phương pháp hạch toán chi tiết các hoạt động kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp sản xuất. Qua đó giúp sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm được một cách thành thạo các phần hành kế toán của một nhân viên kế toán tại một doanh nghiệp sản xuất.

12. Nội dung chi tiết học phần:

C. HỌC PHẦN 3 : KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 60 tiết

Chương 1 : KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

- I. Kế toán thành phẩm
- II. Kế toán tiêu thụ thành phẩm.
- III. Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- IV. Kế toán hoạt động tài chính và hoạt động khác
- V. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Chương 2 : KẾ TOÁN THUẾ

- I. Tổng quan về kế toán thuế
- II. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ
- III. Kế toán thuế TTĐB, XNK
- IV. Kế toán các khoản thuế phải nộp nhà nước
- V. Kế toán thuế TNDN
- VI. Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại
- VII. Kế toán thuế TN hoãn lại phải trả
- VIII. Kế toán chi phí thuế TNDN

Chương 3 : KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU PHẢI TRẢ

- I. Kế toán các khoản phải thu**
 - I.1 Kế toán phải thu khách hàng
 - I.2 Kế toán phải thu nội bộ
 - I.3 Kế toán phải thu khác
- II. Kế toán các khoản phải trả**
 - II.1 Kế toán các khoản vay
 - II.2 Kế toán phải trả khách hàng
 - II.3 Kế toán phải trả nội bộ
 - II.4 Kế toán phải trả khác

Chương 4 : KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

- I. Nguồn hình thành và nguyên tắc hạch toán vốn chủ sở hữu.**
- II. Hạch toán các nguồn vốn chủ sở hữu**
 - II.1 Kế toán nguồn vốn kinh doanh

- II.2 Kế toán chênh lệch đánh giá lại tài sản
- II.3 Kế toán lợi nhuận chưa phân phối
- II.4 Kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản
- II.5 Kế toán các quỹ của doanh nghiệp

III. Hạch toán các tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán

Chương 5 : BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CUỐI KỲ

I. Nguyên tắc chung và nội dung của công tác kế toán cuối kỳ

II. Hạch toán kết quả kiểm kê

III. Hạch toán các khoản dự phòng

- III.1 Khái niệm, vai trò, thời điểm và nguyên tắc xác lập dự phòng.
- III.2 Hạch toán dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn và dài hạn
- III.3 Hạch toán dự phòng phải thu khó đòi
- III.4 Hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

IV. Phương pháp lập báo cáo tài chính

- IV.1 Khái niệm, phân loại, ý nghĩa và yêu cầu của việc lập báo cáo tài chính.
- IV.2 Thời hạn lập, gửi và nơi gửi báo cáo tài chính.
- IV.3 Bảng cân đối kế toán
- IV.4 Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh
- IV.5 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- IV.6 Thuyết minh báo cáo tài chính

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

- 1. Tên học phần:** KẾ TOÁN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- 2. Số đơn vị học trình:** 3
- 3. Trình độ:** cho sinh viên năm thứ 3
- 4. Phân bổ thời gian:**
 - Lên lớp: 45 tiết
 - Thực tập phòng thí nghiệm, thực hành: 0 tiết
- 5. Điều kiện tiên quyết:**
 - Các môn học tiên quyết: Lý thuyết kế toán, Kế toán tài chính
- 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**
 - Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu.
- 7. Nhiệm vụ của sinh viên:**
 - Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu tham khảo
 - Đảm bảo giờ lên lớp đúng quy định và làm bài tập đầy đủ.
- 8. Tài liệu học tập:**
 - Sách, giáo trình chính.
 - Sách tham khảo.
- 9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**
 - Theo quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 04/1999-QĐ ngày 11/02/1999 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 10. Thang điểm:** 10.
- 11. Mục tiêu của học phần:**
 - Sinh viên có khả năng ứng hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp thương mại nội địa, kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà hàng và xuất nhập khẩu.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HOÁ 15 tiết

TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA

- I. Đặc điểm chung về thương mại nội địa :**
 - I.1. Khái niệm
 - I.2. Đặc điểm
 - I.3. Tính giá
 - I.4. Nhiệm vụ
- II. Kế toán mua bán hàng hoá (DN hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên)**
 - II.1. Kế toán giai đoạn mua hàng
 - II.2. Kế toán giai đoạn bán hàng
 - II.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh
- III. Kế toán mua bán hàng hoá (DN hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)**
 - III.1. Tài khoản sử dụng
 - III.2. Phương pháp kế toán

Chương 2: KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HOÁ 15 tiết
TRONG DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

- I. Đặc điểm chung về xuất nhập khẩu :**
 - I.1. Khái niệm
 - I.2. Đặc điểm
 - I.3. Tính giá
 - I.4. Nhiệm vụ
- II. Kế toán nhập khẩu hàng hoá:**
 - II.1. Chứng từ và thủ tục nhập khẩu hàng hoá
 - II.2. Thời điểm xác định hàng nhập khẩu
 - II.3. Tài khoản và phương pháp kế toán
- III. Kế toán xuất khẩu hàng hoá :**
 - III.1. Chứng từ và thủ tục xuất khẩu hàng hoá
 - III.2. Thời điểm xác định hàng xuất khẩu
 - III.3. Tài khoản và phương pháp kế toán
- IV. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**
 - IV.1. Tài khoản sử dụng
 - IV.2. Phương pháp kế toán

Chương 3 : KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 15 tiết
NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN – DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ

- I. Đặc điểm hoạt động kinh doanh nhà hàng :**
 - I.1. Kế toán kinh doanh nhà hàng :
 - Đặc điểm
 - Kế toán chi phí và tính giá thành
 - Kế toán xác định kết quả kinh doanh
 - I.2. Kế toán kinh doanh khách sạn :
 - Đặc điểm
 - Kế toán chi phí và tính giá thành
 - Kế toán xác định kết quả kinh doanh
- II. Đặc điểm kế toán kinh doanh du lịch, dịch vụ :**
 - II.1. Đặc điểm
 - II.2. Kế toán chi phí và xác định kết quả kinh doanh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: KẾ TOÁN SỐ

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm, thực hành: không

5. Điều kiện tiên quyết:

- Các môn học tiên quyết: môn học được bố trí sau khi học xong các môn học toán, luật kinh tế, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Kinh tế vi mô, Nguyên lý thống kê, Lý thuyết hạch toán kế toán, Kế toán tài chính.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Nội dung môn học kế toán máy bao gồm các kiến thức cơ bản về trình tự ghi chép của từng nghiệp vụ kinh tế trong doanh nghiệp, bao gồm các hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung, Nhật ký chứng từ, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký sổ cái.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp: tham gia giờ học đầy đủ 100%
- Bài tập: hoàn thành các bài tập thực hành giảng yêu cầu

8. Tài liệu học tập:

- Sách tham khảo.

[1]. Phan Đức Dũng, Kế toán tài chính, NXB Thống kê 2006.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp.
- Thi giữa học kì: 25% điểm đánh giá.
- Thi cuối học kì: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu của học phần:

- Sau khi hoàn thành môn học kế toán máy sinh viên sẽ có thể ghi sổ kế toán cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp theo các loại hình thức ghi sổ theo quy định của Bộ Tài Chính.
- Lập được các báo cáo tài chính theo quy định của bộ tài chính
- Nắm được cách thức vận hành và liên kết của các sổ kế toán với các báo cáo tài chính.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Chứng từ và sổ kế toán. 5 tiết

I. Chế độ chứng từ kế toán.

II. Chế độ sổ kế toán.

Chương 2: Hình thức kế toán nhật ký chung 10 tiết

I. Tổng quan về hình thức nhật ký chung

II. Trình tự hạch toán theo hình thức sổ nhật ký chung

Chương 3: Hình thức kế toán nhật ký chứng từ 5 tiết

I. Tổng quan về hình thức nhật ký chung

II. Trình tự hạch toán theo hình thức sổ nhật ký chứng từ

| | |
|--|----------------|
| Chương 4: Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ | 5 tiết |
| I. Tổng quan về hình thức nhật ký chung. | |
| II. Trình tự hạch toán theo hình thức sổ nhật ký chứng từ. | |
| Chương 5: Hình thức kế toán nhật ký sổ cái | 10 tiết |
| I. Tổng quan về hình thức nhật ký chung. | |
| II. Trình tự hạch toán theo hình thức sổ nhật ký chứng từ. | |
| Chương 6: Báo cáo tài chính và báo cáo thuế. | 10 tiết |
| I. Giới thiệu chung về báo cáo tài chính và phương pháp lập. | |
| I.1 Bảng cân đối kế toán | |
| I.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | |
| II. Phương pháp lập các báo cáo thuế. | |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: KẾ TOÁN MÁY

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm, thực hành:

5. Điều kiện tiên quyết:

- Các môn học tiên quyết: môn học được bố trí sau khi học xong các môn học toán, luật kinh tế, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Kinh tế vi mô, Nguyên lý thống kê, Lý thuyết hạch toán kế toán, Kế toán tài chính.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Nội dung môn học kế toán máy bao gồm các kiến thức cơ bản về trình tự vận hành của từng nghiệp vụ kinh tế trong doanh nghiệp, bao gồm các phần hành kế toán chi tiết như kế toán vốn bằng tiền, kế toán nhập kho hàng hoá, kế toán xuất kho hàng hóa, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và kế toán xác định kết quả kinh doanh.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp: tham gia giờ học đầy đủ 100%
- Bài tập: hoàn thành các bài tập thực hành giảng yêu cầu

8. Tài liệu học tập:

- Sách tham khảo.
[1]. Phan Đức Dũng, Kế toán tài chính, NXB Thống kê 2006.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp.
- Thi giữa học kì: 25% điểm đánh giá.
- Thi cuối học kì: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

- Sau khi hoàn thành môn học kế toán máy sinh viên sẽ có thể thực hiện các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu phát sinh trên phần mềm kế toán.
- Sinh viên lập được các sổ kế toán thông dụng trên phần mềm kế toán
- Lập được các báo cáo tài chính theo quy định của bộ tài chính
- Nắm được cách thức vận hành và liên kết của các phần hành kế toán với sổ kế toán và các báo cáo.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Giới thiệu tổng quát về phần mềm kế toán.

5 tiết

- I. Giới thiệu giao diện nhập liệu.
- II. Giới thiệu các phần hành kế toán.
- III. Giới thiệu các sổ kế toán
- IV. Giới thiệu hệ thống báo cáo tài chính

Chương 2: Phần hành kế toán vốn bằng tiền

10 tiết

- I. Kế toán vốn bằng tiền mặt tại quỹ

| | |
|--|----------------|
| II. Kế toán vốn bằng tiền gửi ngân hàng | |
| Chương 3: Phần hành hàng tồn kho | 10 tiết |
| I. Kế toán nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | |
| II. Kế toán xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hàng hóa | |
| II. Các sổ kế toán | |
| Chương 4: Phần hành kế toán doanh thu | 5 tiết |
| I. Kế toán bán hàng thu tiền. | |
| II. Kế toán bán hàng trả sau. | |
| III. Các sổ kế toán. | |
| Chương 5: Phần hành TSCĐ | 5 tiết |
| I. Kế toán tăng TSCĐ. | |
| II. Kế toán giảm TSCĐ | |
| III. Kế toán trích khấu hao TSCĐ | |
| IV. Các sổ kế toán, bảng phân bổ khấu hao. | |
| Chương 6: Phần hành tiền lương và các khoản trích theo lương. | 5 tiết |
| I. Kế toán tiền lương. | |
| II. Kế toán các khoản theo lương. | |
| III. Các sổ kế toán. | |
| Chương 7: Phần hành kế toán tổng hợp. | 5 tiết |
| I. Kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh | |
| II. Các sổ tổng hợp – đối chiếu sổ chi tiết | |
| III. Các báo cáo tài chính | |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 25 tiết
- Bài tập, thực hành: 20 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

Môn học Kế toán doanh nghiệp sản xuất nằm trong nhóm kiến thức chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành hạch toán kế toán. Môn học Kế toán quản trị sử dụng kiến thức của các môn học Kinh tế vi mô, Tài chính doanh nghiệp, Lý thuyết hạch toán kế toán, vì thế cần phải học sau các môn học nói trên.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Môn học kế toán quản trị sẽ cung cấp các kiến thức nghiệp vụ cần thiết để thu thập, xử lý, thể hiện các thông tin, chứng từ phục vụ cho việc tổ chức, điều hành, kiểm soát và ra các quyết định quản trị kế toán. Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch trong các hoạt động kế toán tương lai.

Cung cấp cho học sinh những nội dung căn bản về kế toán quản trị như trang bị các công cụ phân loại chi phí, phân tích mối quan hệ giữa khối lượng, chi phí và lợi nhuận, định giá sản phẩm, thông tin cần thiết ra quyết định,... Đồng thời đưa ra những bài tập tình huống nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về nội dung của kế toán quản trị.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Lên lớp, nghe giảng và làm bài tập đầy đủ.
- Tìm đọc các chuẩn mực kế toán, các thông tư hướng dẫn thực hiện và các tài liệu khác có liên quan.

8. Tài liệu học tập:

- **Sách, giáo trình chính**

[1]. Giáo trình Kế toán quản trị – Tập thể giáo viên Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp 2

- **Sách tham khảo**

[1]. TS. Phạm Văn Dược - Giáo trình kế toán quản trị – Khoa kế toán kiểm toán trường Đại học Kinh tế - NXB Thống kê 2004

[2]. TS. Phạm Văn Dược - Bài tập và bài giải Kế toán quản trị – NXB Thống kê 2004

[3]. ThS. Bùi Văn Dường - Kế toán chi phí – Trường đại học Kinh tế TP.HCM – NXB Lao động xã hội 2006

[4]. TS. Phan Đức Dũng - Kế toán tài chính – NXB Thống kê năm 2007

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Theo quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành theo quy chế 25 và 40 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Dự lớp.
- Thảo luận.
- Bản thu hoạch.
- Thuyết trình.

- Báo cáo.
- Thi giữa học kì: 25 % điểm đánh giá.
- Thi cuối học kì: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu của học phần:

Môn học Kế toán quản trị trang bị cho Sinh viên những kiến thức và tổ chức kế toán quản trị, chi phí, phân loại chi phí và sự biến động của chi phí ảnh hưởng đến quá trình hoạt động kinh doanh của tổ chức. Qua đó giúp sinh viên tốt nghiệp ra trường phân tích tình hình thực hiện kế hoạch, lập được kế hoạch và dự toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách tương đối chính xác.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1 : TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

I. Khái quát về tổ chức và kế toán quản trị

- I.1 Khái niệm và hoạt động của tổ chức
- I.2 Khái niệm kế toán quản trị
- I.3 Vai trò kế toán quản trị
- I.4 Mục tiêu kế toán quản trị

II. Thông tin kế toán quản trị

- II.1 Thông tin kế toán quản trị là gì
- II.2 Yêu cầu đối với thông tin kế toán quản trị
- II.3 Các nguồn thông tin

III. Kế toán quản trị với các nhà quản trị

- III.1 Mục tiêu của tổ chức
- III.2 Kế toán quản trị với các hoạt động quản trị

IV. Kế toán quản trị, kế toán tài chính

- IV.1 Giống nhau
- IV.2 Khác nhau

V. Chức năng và nhiệm vụ của nhân viên kế toán quản trị

- V.1 Chức năng
- V.2 Nhiệm vụ

VI. Các kỹ thuật nghiệp vụ của kế toán quản trị

VII. Câu hỏi ôn tập

Chương 2 : CHI PHÍ VÀ PHÂN LOẠI CHI PHÍ

I. Khái quát về chi phí

II. Phân loại chi phí

- II.1 Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu
- II.2 Phân loại theo công dụng kinh tế
- II.3 Phân loại theo mối quan hệ với thời kỳ tính kết quả
- II.4 Phân loại chi phí theo phương pháp quy nạp
- II.5 Phân loại theo cách thức khác
- II.6 Phân loại theo mối quan hệ với cường độ hoạt động (Mô hình ứng xử chi phí)

III. Mô hình ứng xử chi phí

- III.1 Biến phí (Variable cost)

III.2 Định phí (Fixed costs)

III.3 Chi phí hỗn hợp (Mixed costs)

III.4 Nhà quản trị đối với mô hình ứng xử chi phí :

IV. Các hình thức thể hiện chi phí trên báo cáo kết quả kinh doanh :

IV.1 Báo cáo KQKD theo chức năng chi phí (PP chi phí toàn bộ)

IV.2 Báo cáo KQKD theo chi phí trực tiếp (theo mô hình Hiệu số gộp)

V. Câu hỏi và bài tập

Chương 3 : PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ–KHỐI LƯỢNG–LỢI NHUẬN

I. Các khái niệm sử dụng trong phân tích CP–KL–LN (Cost–Volume–Profit–CVP)

I.1 Số dư đảm phí (Hiệu số gộp – Contribution margin)

I.2 Tỷ lệ hiệu số gộp - Contribution margin ratio

I.3 Kết cấu chi phí - Costs structure

I.4 Đòn bẩy kinh doanh – Operating leverage

II. Ứng dụng mối quan hệ CVP để lựa chọn phương án kinh doanh :

III. Phân tích điểm hòa vốn

III.1 Khái niệm

III.2 Xác định sản lượng và doanh thu hòa vốn

III.3 Phương trình lợi nhuận và đồ thị hòa vốn

III.4 Doanh thu an toàn và tỷ lệ doanh thu an toàn

III.5 Phân tích lợi nhuận

IV. Phân tích ảnh hưởng của kết cấu mặt hàng đến điểm hòa vốn

V. Hạn chế của mô hình chi phí – khối lượng – lợi nhuận

VI. Câu hỏi ôn tập và bài tập

Chương 4 : CHI PHÍ TIÊU CHUẨN VÀ DỰ TOÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

I. Chi phí tiêu chuẩn

I.1 Khái niệm chi phí tiêu chuẩn

I.2 Phương pháp xây dựng chi phí tiêu chuẩn

I.3 Quá trình xây dựng chi phí tiêu chuẩn

II. Khái quát dự toán

II.1 Khái niệm

II.2 Các loại dự toán

II.3 Kỳ dự toán

II.4 Trách nhiệm và trình tự lập dự toán ngân sách

III. Dự toán ngân sách

III.1 Dự toán tiêu thụ sản phẩm

III.2 Dự toán sản xuất

III.3 Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp

III.4 Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

III.5 Dự toán chi phí sản xuất chung

III.6 Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý

III.7 Dự toán tiền

III.8 Dự toán kết quả hoạt động kinh doanh

III.9 Dự toán báo cáo lưu chuyển tiền tệ

III.10 Dự toán bảng cân đối kế toán

IV. Các phương pháp dự toán khác

IV.1 Phương pháp dự toán gia tăng và phương pháp dự toán từ số 0

IV.2 Phương pháp dự toán cuốn chiếu

IV.3 Phương pháp dự toán dựa trên hoạt động

Chương 5 : PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ VÀ DOANH THU

I. Phân tích biến động chi phí

I.1 Khái niệm biến động

I.2 Phân tích biến động chi phí vật liệu trực tiếp

I.3 Phân tích biến động chi phí công nhân trực tiếp

I.4 Phân tích biến động chi phí sản xuất chung

I.4.1 Kế hoạch linh hoạt

I.4.2 Phân tích biến động chi phí sản xuất chung khả biến

I.4.3 Phân tích biến động định phí sản xuất chung

I.4.4 Tổng hợp và phân bổ biến động chi phí sản xuất chung

II. Phân tích biến động doanh thu

II.1 Biến động doanh thu

II.2 Phân tích biến động kết quả kinh doanh

Chương 6 : ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ

I. Hệ thống kế toán trách nhiệm

I.1 Các hướng tổ chức quản lý trong doanh nghiệp

I.2 Khái niệm kế toán trách nhiệm và trung tâm trách nhiệm

I.3 Các loại trung tâm trách nhiệm

I.4 Hệ thống kế toán trách nhiệm trong mối quan hệ với cơ cấu tổ chức quản lý

II. Đánh giá kết quả bộ phận

II.1 Quan điểm đánh giá

II.2 Phương pháp đánh giá

II.2.1 Đánh giá trách nhiệm trung tâm chi phí

II.2.2 Đánh giá trách nhiệm trung tâm doanh thu

II.2.3 Đánh giá trách nhiệm trung tâm lợi nhuận (kinh doanh)

II.2.4 Đánh giá trách nhiệm trung tâm đầu tư

Chương 7 : ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM

I. Cơ cấu kinh tế và vai trò chi phí trong quyết định định giá sản phẩm

I.1 Cơ cấu kinh tế của quá trình định giá

I.2 Vai trò chi phí trong định giá

II. Phương pháp định giá bán sản phẩm hàng loạt

II.1 Mô hình chung về định giá bán sản phẩm hàng loạt

II.2 Định giá bán sản phẩm hàng loạt theo chi phí toàn bộ

III. Định giá bán sản phẩm theo giá lao động và giá nguyên liệu

IV. Định giá sản phẩm mới

IV.1 Những vấn đề cơ bản trong định giá sản phẩm mới

IV.2 Các kỹ thuật định giá sản phẩm mới

V. Định giá sản phẩm một số trường hợp đặc biệt

VI. Định giá sản phẩm chuyển nhượng

VI.1 Khái niệm về giá sản phẩm chuyển nhượng

VI.2 Phương pháp định giá

Chương 8 : THÔNG TIN THÍCH HỢP CHO QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

I. Đầu tư ngắn hạn

I.1 Khái quát đầu tư ngắn hạn

I.2 Mô hình phân tích thông tin thích hợp

I.3 Các loại chi phí không phải là thông tin thích hợp

I.4 Ứng dụng thông tin thích hợp ra quyết định đầu tư ngắn hạn

II. Đầu tư dài hạn :

II.1 Khái quát đầu tư dài hạn

II.2 Đặc điểm vốn đầu tư dài hạn

II.3 Các loại quyết định đầu tư

III. Các phương pháp tính thời giá tiền tệ

III.1 Giá trị tương lai của tiền tính theo lãi tức kép

III.2 Giá trị hiện tại của tiền tính theo lãi tức kép

III.3 Giá trị tương lai của một dòng tiền phát sinh đều với lãi tức kép

III.4 Giá trị hiện tại của một dòng tiền phát sinh đều với lãi tức kép

III.5 Giá trị hiện tại và tương lai của dòng tiền phát sinh không đều

IV. Các phương pháp lựa chọn thông tin thích hợp ra quyết định vốn đầu tư :

IV.1 Phương pháp hiện giá thuần (NPV – Net Present Value)

IV.2 Phương pháp tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR – Internal rate of return)

IV.3 Phương pháp so sánh lợi ích - chi phí

IV.4 Phương pháp thời kỳ hoàn vốn (PB – Pay back method)

IV.5 Phương pháp tỷ lệ sinh lời giản đơn

V. Câu hỏi và bài tập :

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

- 1. Tên học phần:** TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1
- 2. Số đơn vị học trình:** 3
- 3. Trình độ:** cho sinh viên năm thứ 2
- 4. Phân bổ thời gian:**
 - Lên lớp: 45 tiết
 - Thực tập phòng thí nghiệm, thực hành: không
- 5. Điều kiện tiên quyết:**
 - Các môn học tiên quyết: Kinh tế chính trị, nguyên lý kế toán, kế toán tài chính, lý thuyết tài chính tiền tệ.
- 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**
 - Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, vốn sản xuất kinh doanh; doanh thu chi phí và lợi nhuận, phân tích hòa vốn, đòn bẩy hoạt động, đòn bẩy tài chính, thời giá tiền tệ, giá sử dụng vốn, cấu trúc tài chính .
- 7. Nhiệm vụ của sinh viên:**
 - Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các vấn đề và tham gia thảo luận về các vấn đề mà giáo viên và sinh viên khác đặt ra trong từng chương và liên kết các chương
 - Bài tập: Chuẩn bị và làm các bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp
 - Đọc các tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận các vấn đề lý thuyết trên lớp
- 8. Tài liệu học tập:**
 - Sách, giáo trình chính:
 - [1]. Giáo trình Tài chính doanh nghiệp của Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Giáo dục, năm 2004.
 - Sách tham khảo:
 - [1]. Tài chính doanh nghiệp hiện đại của Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Thống kê, năm 2004.
 - [2]. Giáo trình Tài chính doanh nghiệp của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, NXB Giáo dục, năm 2003.
- 9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**
 - Dự lớp.
 - Thảo luận:
 - + Có chuẩn bị bài
 - + Số lần tham gia thảo luận trên lớp
 - Thi giữa học kì: 25% điểm đánh giá.
 - Thi cuối học kì: 75% điểm đánh giá.
- 10. Thang điểm:** 10.
- 11. Mục tiêu của học phần:**
 - Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp. Đồng thời định hướng cho người học nhận thấy được mối quan hệ giữa tài chính doanh nghiệp với kế toán tài chính, tài chính tiền tệ và các chuyên ngành khác có liên quan.

- Giúp người học nắm được lý thuyết và các bài toán tài chính. Ứng dụng các phép tính toán này để giải các bài toán tài chính trong thực tế.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 05 tiết

I. Bản chất và chức năng của tài chính doanh nghiệp

I.1. Bản chất

I.2. Chức năng

II. Vị trí của TCDN trong hệ thống tài chính ở Việt Nam

III. Vai trò của tài chính doanh nghiệp

IV. Mục tiêu quản trị tài chính doanh nghiệp

V. Tổ chức tài chính doanh nghiệp

V.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến tài chính doanh nghiệp

V.2. Nguyên tắc tổ chức tài chính doanh nghiệp

V.3. Nội dung công tác tài chính doanh nghiệp

V.4. Tổ chức bộ máy tài chính doanh nghiệp

Chương 2 : QUẢN LÝ VỐN KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP 10 tiết

I. Vốn của doanh nghiệp

I.1. Khái niệm về vốn của doanh nghiệp

I.2. Phân loại vốn sản xuất kinh doanh

I.3. Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp

II. Quản lý vốn cố định

II.1. Khái niệm về tài sản cố định và vốn cố định

II.2. Phân loại và kết cấu tài sản cố định

II.3. Phân loại tài sản cố định

II.4. Kết cấu tài sản cố định

II.5. Khấu hao tài sản cố định

II.6. Khái niệm về khấu hao và quỹ khấu hao

II.7. Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định

II.8. Kế hoạch tính khấu hao tài sản cố định

II.9. Quản lý vốn cố định

III. Quản lý vốn lưu động

III.1. Khái niệm

III.2. Khái niệm về vốn lưu động

III.3. Phân loại vốn lưu động

III.4. Chu chuyển vốn lưu động

III.5. Quản lý vốn lưu động

III.6. Quản lý hàng tồn kho

III.7. Quản lý vốn bằng tiền

III.8. Quản lý các khoản phải thu

Chương 3 : CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

10 tiết

I. Khái niệm về chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

I.1. Chi phí sản xuất kinh doanh

- I.2. Phân loại chi phí
- I.3. Giá thành sản phẩm.

II. Lập kế hoạch chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

- II.1. Ý nghĩa và cơ cấu kế hoạch chi phí
- II.2. Phương pháp lập kế hoạch chi phí
- II.3. Phương pháp lập kế hoạch giá thành sản phẩm

III. Ý nghĩa và phương hướng hạ thấp chi phí sản xuất kinh doanh

- III.1 Ý nghĩa hạ thấp chi phí sản xuất kinh doanh
- III.2 Phương hướng hạ thấp chi phí sản xuất kinh doanh

Chương 4 : DOANH THU VÀ THUẾ PHẢI NỘP

10 tiết

I. Doanh thu của doanh nghiệp

- I.1. Khái niệm
- I.2. Phân loại
- I.3. Phương pháp lập kế hoạch doanh thu bán hàng
- I.4. Phương hướng tăng doanh thu

II. Thuế doanh nghiệp phải nộp.

- II.1. Thuế Giá trị gia tăng
- II.2. Thuế tiêu thụ đặc biệt
- II.3. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu
- II.4. Thuế thu nhập doanh nghiệp
- II.5. Thuế môn bài
- II.6. Thuế tài nguyên

Chương 5 : HOẠCH ĐỊNH LỢI NHUẬN DOANH NGHIỆP

10 tiết

I. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp

- I.1. Khái niệm
- I.2. Các loại lợi nhuận
- I.3. Các chỉ tiêu phân tích đánh giá lợi nhuận
- I.4 Phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp

II. Điểm hòa vốn

- II.1. Sản lượng hòa vốn
- II.2. Doanh thu hòa vốn
- II.3. Thời điểm hòa vốn
- II.4. Ứng dụng phân tích điểm hòa vốn trong thực tế
- II.5. Một số hạn chế của phân tích điểm hòa vốn

III. Phương hướng tối đa hoá lợi nhuận

- III.1. Tăng doanh thu bán hàng
- III.2. Hạ thấp chi phí kinh doanh hợp lý
- III.3. Tăng cường công tác quản lý lao động, vật tư, hàng hoá
- III.4. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm, thực hành: không

5. Điều kiện tiên quyết:

- Các môn học tiên quyết: Kinh tế chính trị, nguyên lý kế toán, kế toán tài chính, lý thuyết tài chính tiền tệ.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, vốn sản xuất kinh doanh; doanh thu chi phí và lợi nhuận, phân tích hòa vốn, đòn bẩy hoạt động, đòn bẩy tài chính, thời giá tiền tệ, giá sử dụng vốn, cấu trúc tài chính .

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các vấn đề và tham gia thảo luận về các vấn đề mà giáo viên và sinh viên khác đặt ra trong từng chương và liên kết các chương
- Bài tập: Chuẩn bị và làm các bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp
- Đọc các tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận các vấn đề lý thuyết trên lớp

8. Tài liệu học tập:

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Giáo trình Tài chính doanh nghiệp của Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Giáo dục, năm 2004.

- Sách tham khảo:

[1]. Tài chính doanh nghiệp hiện đại của Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Thống kê, năm 2004.

[2]. Giáo trình Tài chính doanh nghiệp của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, NXB Giáo dục, năm 2003.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp.
- Thảo luận:
 - + Có chuẩn bị bài
 - + Số lần tham gia thảo luận trên lớp
- Thi giữa học kì: 25% điểm đánh giá.
- Thi cuối học kì: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu của học phần:

- Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp. Đồng thời định hướng cho người học nhận thấy được mối quan hệ giữa tài chính doanh nghiệp với kế toán tài chính, tài chính tiền tệ và các chuyên ngành khác có liên quan.

- Giúp người học nắm được lý thuyết và các bài toán tài chính. Ứng dụng các phép tính toán này để giải các bài toán tài chính trong thực tế.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 6 : HỆ THỐNG ĐÒN BẦY VÀ CẤU TRÚC TÀI CHÍNH 15 tiết

I. Rủi ro của doanh nghiệp

- I.1. Khái niệm rủi ro
- I.2. Phân loại rủi ro
 - I.2.1. Rủi ro kinh doanh
 - I.2.2. Rủi ro tài chính

II. Tác động đòn bẩy đến doanh lợi

- II.1. Đòn cân định phí
- II.2. Đòn cân nợ
 - II.2.1. Đòn cân nợ
 - II.2.2. Độ nghiêng đòn cân nợ
- II.3. Đòn cân tổng hợp

III. Quyết định cơ cấu tài chính

- III.1. Cơ cấu tài chính
- III.2. Một số học thuyết cơ cấu tài chính
 - III.2.1 Lý thuyết cơ cấu vốn tối ưu
 - III.2.2 Lý thuyết lợi nhuận kinh doanh ròng

Chương 7 : THỜI GIÁ TIỀN TỆ 15 tiết

I. Lãi suất

- I.1. Lãi đơn và lãi kép
- I.2. Lãi suất thực và lãi suất danh nghĩa

II. Giá trị tương lai của tiền tệ

- II.1. Giá trị tương lai của một khoản tiền tệ
- II.2. Giá trị tương lai của một chuỗi tiền tệ

III. Giá trị hiện tại của tiền tệ

- III.1. Giá trị hiện tại của một khoản tiền tệ
- III.1. Giá trị hiện tại của một chuỗi tiền tệ

IV. Ứng dụng của thời giá tiền tệ

Chương 8 : GIÁ SỬ DỤNG VỐN 15 tiết

I. Các nguồn tài trợ

- I.1. Nguồn vốn chủ sở hữu
- I.2. Vốn vay

II. Giá sử dụng các nguồn vốn

- II.1. Khái niệm và nhân tố ảnh hưởng
- II.2. Giá sử dụng vốn vay
 - II.2.1. Giá sử dụng vốn vay trước thuế
 - II.2.2. Giá sử dụng vốn vay sau thuế
- II.3. Giá sử dụng vốn chủ sở hữu
 - II.3.1. Giá sử dụng cổ phiếu thường

II.3.2. Giá sử dụng các khoản lãi để lại

II.3.3. Giá sử dụng vốn cổ phiếu ưu đãi

III. Giá sử dụng vốn bình quân của doanh nghiệp

IV. Giá sử dụng vốn biên tế

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần : PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

2. Số đơn vị học trình: 4

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 3

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 60 tiết
- Thực tập phòng thí nghiệm, thực hành:

5. Điều kiện tiên quyết:

- Các môn học tiên quyết: Sinh viên phải học qua các học phần Lý Thuyết hạch Toán Kế Toán, Kế Toán Tài Chính.....

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Gồm 6 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của phân tích hoạt động kinh doanh, giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp phân tích và công tác tổ chức phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp tìm ra những khả năng tiềm tàng về lao động, nguyên vật liệu, vốn,...

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến, đề xuất khi nghe giảng, làm bài tập về nhà.

8. Tài liệu học tập:

- [1]. Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh – Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp 2
- [2]. Nguyễn Tấn Bình – Phân tích hoạt động doanh nghiệp –NXB Thống kê 2005
- [3]. TS. Nguyễn Minh Kiều – Tài chính doanh nghiệp – NXB Thống kê 2006
- [4]. TS. Trần Ngọc Thơ – Tài chính doanh nghiệp hiện đại – NXB Thống kê 2003

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp.
- Thảo luận.
- Thi giữa học kì: 30.% điểm đánh giá.
- Thi cuối học kì: 70% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

Phân tích hoạt động kinh doanh là một công tác quan trọng không thể thiếu trong quản trị kinh doanh. Phân tích hoạt động kinh doanh nhằm mục đích đánh giá đúng đắn kết quả và quá trình kinh doanh, tìm ra những nguyên nhân, xác định những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, đề ra biện pháp khai thác tiềm lực bên trong và bên ngoài doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trên cơ sở cải tiến công nghệ, kỹ thuật, đổi mới công tác quản lý doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất, lao động, vốn.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: TỔNG QUÁT VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

I. Sự cần thiết khách quan phải phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp

I.1 Khái niệm phân tích hoạt động kinh tế

I.2 Sự cần thiết phải phân tích hoạt động kinh tế

II. Đối tượng phân tích

III. Nhiệm vụ của phân tích hoạt động kinh tế

IV. Phương pháp kỹ thuật sử dụng trong phân tích

IV.1 Cơ sở phương pháp luận của hoạt động phân tích

IV.2 Các phương pháp sử dụng trong phân tích

V. Tổ chức công tác phân tích hoạt động kinh tế

Chương 2: PHÂN TÍCH KẾT QUẢ SẢN XUẤT

I. Ý nghĩa, nhiệm vụ phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất

I.1 Ý nghĩa

I.2 Nhiệm vụ

I.3 Nội dung phân tích

II. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất về mặt khối lượng sản phẩm

II.1 Đánh giá chung kết quả sản xuất

II.2 Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch mặt hàng

III. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất về mặt chất lượng sản phẩm

III.1 Đối với loại sản phẩm có phân loại thứ hạng

III.2 Đối với sản phẩm đủ tiêu chuẩn và sản phẩm hỏng

Chương 3 : PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

I. Ý nghĩa, nhiệm vụ phân tích tình hình giá thành:

II. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch giá thành của toàn bộ sản phẩm:

II.1 Các bước phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch giá thành của toàn bộ sản phẩm:

II.2 Phân tích chung tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của toàn bộ sản phẩm

II.3 Phân tích chung tình hình thực hiện KH giá thành của toàn bộ sản phẩm

III. Phân tích tình hình hoàn thành nhiệm vụ hạ giá thành sản phẩm so sánh được

IV. Phân tích tình hình thực hiện các khoản mục giá thành

IV.1 Phân tích khoản mục chi phí NVL

IV.2 Phân tích khoản mục chi phí tiền lương

Chương 4 : PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN

I. Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm

I.1 Phân tích tình hình tiêu thụ về kế hoạch sản phẩm

I.2 Phân tích tình hình kế hoạch về tiêu thụ sản phẩm

II. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch lợi nhuận

Chương 5 : PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Ý nghĩa và nội dung phân tích báo cáo tài chính

I.1 Ý nghĩa

I.2 Nội dung phân tích

I.3 Phương pháp phân tích báo cáo tài chính

II. Đánh giá khái quát tình hình tài chính và vốn của doanh nghiệp

II.1 Bảng cân đối kế toán với việc phân tích tình hình tài sản và vốn của doanh nghiệp

II.2 Báo cáo kết quả kinh doanh với việc đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp

III. Phân tích tình hình tài sản dự trữ và nguồn vốn lưu động để đảm bảo cho tài sản dự trữ

III.1 Phân tích tình hình tài sản dự trữ

III.2 Phân tích tình hình nguồn vốn lưu động để bù đắp cho tài sản dự trữ

III.3 Phân tích mối quan hệ giữa tài sản dự trữ thực tế với nguồn vốn bù đắp cho nó

IV. Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán của doanh nghiệp

IV.1 Hệ số thanh toán ngắn hạn

IV.2 Hệ số thanh toán nhanh

IV.3 Hệ số hoạt động kinh doanh

IV.4 Hệ số vòng quay hàng tồn kho

V. Phân tích tình hình đầu tư và cơ cấu vốn kinh doanh

V.1 Hệ số nợ

V.2 Hệ số nợ dài hạn

V.3 Hệ số tự tài trợ

V.4 Hệ số đầu tư

V.5 Hệ số tự tài trợ tài sản cố định

V.6 Hệ số thanh toán lợi tức vay

VI. Phân tích kết quả sinh lợi của hoạt động kinh doanh

VI.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

VI.2 Hệ số quay vòng của tài sản

VI.3 Tỷ suất lợi nhuận trên vốn sử dụng

VI.4 Sự phân tích kết quả kinh doanh của các loại đối tượng khác nhau khi sử dụng báo cáo tài chính doanh nghiệp.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần : KIỂM TOÁN

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 3

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết 45 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên đã học qua các môn học chuyên ngành tài chính kế toán.

6. Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học Kiểm toán giới thiệu các vấn đề cơ bản về kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ, quy trình kiểm toán và kiểm toán một số nội dung cơ bản của báo cáo tài chính như: Kiểm toán tiền; kiểm toán nợ phải thu, nợ phải trả; kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao...

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Nghiên cứu giáo trình và các tài liệu có liên quan. Tham gia các buổi học trên lớp, nghiên cứu, đánh giá các báo cáo tài chính mẫu.

8. Tài liệu học tập:

- **Giáo trình chính :**

[1]. Giáo trình Kiểm toán - Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp 2

- **Tài liệu tham khảo :**

[1]. TS. Vũ Hữu Đức – Kiểm toán – Trường Đại học Kinh tế - NXB Thống kê 2004

[2]. TS. Phan Đức Dũng – Kế toán kiểm toán – NXB Đại học Quốc gia TP.HCM

[3]. Hệ thống chuẩn mực kế toán, kiểm toán Việt Nam

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Theo quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành theo quy chế 25 và 40 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Dự lớp.
- Thảo luận.
- Bản thu hoạch.
- Thuyết trình.
- Báo cáo.
- Thi giữa học kì: 25 % điểm đánh giá.
- Thi cuối học kì: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu:

Môn học Kiểm toán giúp cho sinh viên nắm được khái quát về công tác kiểm toán, mục đích của hoạt động kiểm toán. Những kiến thức thu nhận được qua môn học nhằm cho học sinh làm quen và có thể làm được một phần hành nào đó trong hoạt động kiểm toán, kiểm soát nội bộ ở đơn vị và nhất là có thể tự kiểm tra công tác kế toán của mình.

12. Nội dung chi tiết :

CHƯƠNG I : TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN

I. Khái niệm, phân loại kiểm toán

I.1 Khái niệm

- I.2 Phân loại
- I.3 Ý nghĩa của kiểm toán trong quản lý
- II. Kiểm toán viên, công ty kiểm toán**
 - II.1 Kiểm toán viên độc lập
 - II.2 Công ty kiểm toán
- III. Chuẩn mực kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp**
 - III.1 Chuẩn mực kiểm toán
 - III.2 Đạo đức nghề nghiệp

CHƯƠNG II : HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

- I. Khái niệm về hệ thống kiểm soát nội bộ**
 - I.1 Khái niệm
 - I.2 Các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ
 - I.3 Những hạn chế vốn có của hệ thống kiểm soát nội bộ
- II. Trình tự nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ của kiểm toán viên**
 - II.1 Mục đích nghiên cứu và đánh giá kiểm soát nội bộ
 - II.2 Trình tự nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ
- III. Kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ**

CHƯƠNG III : QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

- I. Chuẩn bị kiểm toán**
 - I.1 Tiền kế hoạch
 - I.2 Tìm hiểu về khách hàng
 - I.3 Xác định mức trọng yếu và đánh giá rủi ro kiểm toán
 - I.4 Xây dựng kế hoạch và chương trình kiểm toán
- II. Bằng chứng kiểm toán**
 - II.1 Khái niệm
 - II.2 Những yêu cầu đối với bằng chứng kiểm toán
 - II.3 Kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán
 - II.4 Lựa chọn các phân tử thử nghiệm
- III. Báo cáo kiểm toán**
 - III.1 Chuẩn bị hoàn thành kiểm toán
 - III.2 Báo cáo kiểm toán

CHƯƠNG IV : KIỂM TOÁN TIỀN

- I. Nội dung và đặc điểm của khoản mục tiền**
 - I.1 Nội dung
 - I.2 Đặc điểm
 - I.3 Mục tiêu kiểm toán
- II. Kiểm soát nội bộ đối với tiền**
 - II.1 Yêu cầu của kiểm soát nội bộ
 - II.2 Các nguyên tắc kiểm soát nội bộ
 - II.3 Kiểm soát nội bộ đối với thu tiền
 - II.4 Kiểm soát nội bộ đối với chi tiền
- III. Kiểm toán khoản mục tiền**

III.1 Nghiên cứu và đánh giá kiểm soát nội bộ

III.2 Thử nghiệm cơ bản

CHƯƠNG V : KIỂM TOÁN NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG

I. Nội dung và đặc điểm của nghiệp vụ bán hàng và nợ phải thu khách hàng

I.1 Nội dung

I.2 Đặc điểm

I.3 Mục tiêu kiểm toán

II. Kiểm soát nội bộ đối với nghiệp vụ bán hàng và nợ phải thu khách hàng

II.1 Lập lệnh bán hàng

II.2 Xét duyệt bán chịu

II.3 Xuất kho hàng hoá

II.4 Gửi hàng

II.5 Lập và kiểm tra hoá đơn

II.6 Theo dõi thanh toán

II.7 Chuẩn y hàng bán bị trả lại

II.8 Cho phép xóa sổ các khoản nợ không thu hồi được

III. Kiểm toán nợ phải thu khách hàng và nghiệp vụ bán hàng

III.1 Nghiên cứu và đánh giá kiểm soát nội bộ

III.2 Thử nghiệm cơ bản

CHƯƠNG VI : KIỂM TOÁN HÀNG TỒN KHO VÀ GIÁ VỐN HÀNG BÁN

I. Nội dung và đặc điểm của khoản mục

I.1 Nội dung

I.2 Đặc điểm

I.3 Mục tiêu kiểm toán

II. Kiểm soát nội bộ đối với hàng tồn kho

II.1 Mục đích

II.2 Các thủ tục kiểm soát vật chất

II.3 Kiểm soát về quá trình ghi chép

III. Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán

III.1 Tìm hiểu và đánh giá kiểm soát nội bộ

III.2 Thử nghiệm cơ bản

CHƯƠNG VII : KIỂM TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CHI PHÍ KHẤU HAO

I. Nội dung và đặc điểm của khoản mục

I.1 Nội dung

I.2 Đặc điểm

I.3 Mục tiêu kiểm toán

II. Kiểm soát nội bộ đối với tài sản cố định

II.1 Mục đích

II.2 Các thủ tục kiểm soát

III. Kiểm toán tài sản cố định

III.1 Nghiên cứu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ

III.2 Các thử nghiệm cơ bản

IV. Kiểm toán chi phí khấu hao

IV.1 Đặc điểm của chi phí khấu hao

IV.2 Mục tiêu kiểm toán

IV.3 Kiểm toán chi phí khấu hao

V. Kiểm toán tài sản cố định vô hình

CHƯƠNG VIII : KIỂM TOÁN NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

I. Kiểm toán nợ phải trả

I.1 Nội dung, đặc điểm của khoản mục nợ phải trả

I.2 Kiểm soát nội bộ đối với nợ phải trả

I.3 Kiểm toán nợ phải trả

II. Kiểm toán nguồn vốn chủ sở hữu

II.1 Nội dung và đặc điểm

II.2 Kiểm toán nguồn vốn chủ sở hữu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

2. Số đơn vị học trình: 4

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian :

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập: 15 tiết

5. Điều kiện tiên quyết :

Các môn học tiên quyết : Kinh tế chính trị, Nguyên lý thống kê, Kinh tế vi mô....

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Gồm 8 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Thống kê doanh nghiệp giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp phân tích và công tác tổ chức phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp tìm ra những khả năng tiềm tàng về lao động, nguyên vật liệu, vốn, ..., xác định các nhân tố ảnh hưởng cụ thể đối với tình hình biến động của chỉ tiêu nghiên cứu.

7. Nhiệm vụ của sinh viên :

Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến, đề xuất khi nghe giảng, làm bài tập về nhà. Sau khi kết thúc môn học phải xây dựng được Đề cương chi tiết môn học nhằm hệ thống hóa các nội dung đã học .

8. Tài liệu học tập :

[1]. Sách, giáo trình THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP của trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM – nhà xuất bản Thống Kê – năm 2004.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên :

* Điểm quá trình 25% điểm đánh giá gồm :

- Dự lớp
- Bài tập về nhà
- Kiểm tra giữa học kỳ
- Báo cáo đề cương chi tiết môn học.

* Thi hết môn 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm : 10.

11. Mục tiêu của học phần:

Thống kê doanh nghiệp là một công tác quan trọng không thể thiếu trong kế toán, quản trị kinh doanh. Thống kê doanh nghiệp nhằm mục đích đánh giá đúng đắn kết quả và quá trình kinh doanh, tìm ra những nguyên nhân, xác định những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, đề ra biện pháp khai thác tiềm lực bên trong và bên ngoài doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trên cơ sở cải tiến công nghệ, kỹ thuật, đổi mới công tác quản lý doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất, lao động, vốn.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: THỐNG KÊ KẾT QUẢ SẢN XUẤT CỦA DN

5 tiết

I. Khái niệm, phân loại sản phẩm công nghiệp.

I.1. Khái niệm sản phẩm công nghiệp

I.1. Khái niệm sản phẩm công nghiệp

I.2. Phân loại

II. Các phương pháp thống kê sản lượng.

- II.1. Thống kê sản lượng theo đơn vị hiện vật và hiện vật quy ước
- II.2. Phương pháp tính sản lượng bằng tiền.

III. Các chỉ tiêu sản lượng sản phẩm bằng tiền.

- III.1- Giá trị sản xuất
- III.2- Chi phí trung gian
- III.3- Giá trị tăng thêm
- III.4-Tổng doanh thu của đơn vị sản xuất kinh doanh

IV. Kiểm tra và phân tích tình hình sản xuất của doanh nghiệp

- IV.1. Kiểm tra mức độ hoàn thành kế hoạch sản lượng .
- IV.2. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất

Chương 2 :

THỐNG KÊ LƯỢNG LAO ĐỘNG

12 tiết

TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH

I. Phân loại lao động trong doanh nghiệp .

- I.1. Căn cứ vào việc quản lý lao động và trả lương
- I.2. Căn cứ vào mục đích tuyển dụng và thời gian sử dụng
- I.3. Căn cứ vào mối quan hệ đối với quá trình sản xuất
- I.4. Căn cứ vào tính chất công việc

II. Phương pháp xác định số công nhân viên trong danh sách bình quân của doanh nghiệp

- II.1. Nếu có tài liệu về số công nhân viên trong danh sách mỗi ngày kỳ báo cáo
- II.2. Nếu có tài liệu về số công nhân viên trong danh sách vào các ngày có khoảng cách thời gian bằng nhau :
- II.3. Nếu có tài liệu về số công nhân viên trong danh sách vào các ngày có khoảng thời gian không đều nhau

III. Phân tích tình hình sử dụng số lượng lao động trong doanh nghiệp

- III.1. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng số lượng lao động
- III.2. Nghiên cứu kết cấu lao động được sử dụng :
- III.3. Phân tích biến động số lượng công nhân SXCN trong doanh nghiệp
- III.4. Phân tích trình độ đảm nhiệm công việc của công nhân

IV. Nghiên cứu tình hình sử dụng thời gian lao động của công nhân sản xuất công nghiệp

- IV.1.Hạch toán thời gian lao động theo ngày công
- IV.2. Hạch toán thời gian lao động bằng giờ công
- IV.3 . Những chỉ tiêu sử dụng thời gian lao động của doanh nghiệp

Chương 3 :

THỐNG KÊ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

7 tiết

TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH

I. Khái niệm về năng suất lao động – xác định các mức năng suất lao động

- I.1. Khái niệm về năng suất lao động (W)
- I.2. Xác định các mức năng suất lao động :

II. Nghiên cứu sự biến động năng suất lao động – các dạng chỉ số năng suất lao động

- II.1. Chỉ số năng suất lao động tính bằng hiện vật
- II.2. Chỉ số năng suất lao động tính bằng tiền

II.3-Chỉ số năng suất lao động tính bằng thời gian lao động

III. Phân tích biến động của năng suất LĐ tháng (w_t) do ảnh hưởng của các nhân tố

IV. Phân tích biến động của kết quả sản xuất do ảnh hưởng của các nhân tố năng suất lao động và số công nhân

Chương 4 : THỐNG KÊ TIỀN LƯƠNG 7 tiết

TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH

I. Tổng mức tiền lương – cấu thành tổng mức tiền lương

I.1. Khái niệm tổng mức tiền lương

I.2. Cấu thành tổng mức tiền lương

II. Phân tích tình hình sử dụng tổng mức tiền lương

II.1. Biến động tổng mức tiền lương theo kế hoạch .

II.2. Phân tích biến động quỹ tiền lương

III. Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến tình hình biến động tiền lương bình quân tháng

III.1 Các loại tiền lương bình quân

III.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tiền lương tháng

IV. So sánh tốc độ tăng tiền lương bình quân với tốc độ tăng năng suất LĐ bình quân

Chương 5 : THỐNG KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH 5 tiết

TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH

I. Khái niệm về tài sản cố định . các hình thức đánh giá

I.1. Khái niệm về tài sản cố định

I.2. Các hình thức đánh giá tài sản cố định

II. Nghiên cứu kết cấu tài sản cố định và tình hình tăng giảm tài sản cố định

II.1. Nghiên cứu thống kê kết cấu tài sản cố định :

II.2. Nghiên cứu thống kê tăng giảm tài sản cố định :

III. Nghiên cứu hiện trạng của tài sản cố định .

III.1 Hao mòn hữu hình (còn gọi là hao mòn vật chất

III.2 Hao mòn vô hình :

IV. Nghiên cứu thống kê hiệu quả sử dụng tài sản cố định

IV.1 Các chỉ tiêu thống kê về hiệu quả sử dụng tài sản cố định

IV.1.1. Hiệu năng sử dụng tài sản cố định

IV.1.2. Hệ số sử dụng tài sản cố định cho 1 đồng giá trị sản lượng

IV.1.3. Hiệu quả sử dụng tài sản cố định

IV.2 Môi quan hệ giữa giá trị sản lượng và các nhân tố sử dụng tài sản cố định

V. Nghiên cứu hiệu quả của tiến bộ kỹ thuật

V.1. Lượng lao động tiết kiệm được do áp dụng tiến bộ kỹ thuật

V.2. Mức tiết kiệm do hạ giá thành SP sau khi áp dụng tiến bộ kỹ thuật

V.3. Thời gian thu hồi chi phí đầu tư thêm cho áp dụng tiến bộ kỹ thuật

V.4. Hệ số so sánh hiệu quả

Chương 6 : THỐNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU 5 tiết

TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH

I. Nguyên vật liệu là gì ?

I.1. Khái niệm nguyên vật liệu :

I.2. Cấu thành nguyên vật liệu :

II. Nghiên cứu tình hình bảo đảm nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất

II.1. Phân tích mức độ đảm bảo về mặt hàng nguyên vật liệu nhập và dự trữ cho quá trình sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp

II.2. Phân tích mức độ đảm bảo về số lượng nguyên vật liệu nhập và dự trữ cho quá trình sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp

II.3. Phân tích mức độ đảm bảo về thời gian cho sản xuất của nguyên vật liệu nhập và dự trữ

II.4. Mức sản xuất giảm thấp do cung cấp nguyên vật liệu không đầy đủ

III. Nghiên cứu tính chất kịp thời đều đặn của việc nhập nguyên vật liệu

IV. Phân tích tình hình sử dụng khối lượng nguyên vật liệu vào sản xuất

IV.1. Phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu

IV.2. Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng nguyên vật liệu

Chương 7 :

THỐNG KÊ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SX-KD

12 tiết

I. Giá thành sản phẩm công nghiệp

I.1. Khái niệm .

I.2. Sự khác nhau giữa giá thành và chi phí sản xuất :

I.3. Các loại giá thành sản phẩm công nghiệp

II. Nghiên cứu thống kê giá thành so sánh được

II.1. Khái niệm về sản phẩm so sánh được

II.2. Nghiên cứu biến động giá thành giữa hai kỳ

II.3. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch mức giảm giá thành

II.4. Phân tích hoàn thành kế hoạch chi phí giá thành

III. Nghiên cứu giá thành sản phẩm bằng chỉ tiêu chi phí giá thành cho 1 đv sản lượng hàng hoá (sản phẩm so sánh được và không so sánh được)

IV. Phân loại chi phí sản xuất

IV.1. Căn cứ vào nội dung kinh tế của chi phí:

IV.2. Căn cứ vào công dụng kinh tế, địa điểm phát sinh của chi phí

IV.3. Căn cứ vào quan hệ giữa chi phí sản xuất với khối lượng sản phẩm

V. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành theo khoản mục chi phí

Chương 8 : THỐNG KÊ VỐN LƯU ĐỘNG – LỢI NHUẬN

7 tiết

I. Nghiên cứu kết cấu vốn lưu động của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh

I.1. Khái niệm vốn lưu động

I.2. Kết cấu vốn lưu động :

II. Nghiên cứu các chỉ tiêu chu chuyển vốn lưu động

II.1. Các chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động của vốn lưu động :

II.1.1. Số vòng quay của vốn lưu động (L)

II.1.2. Mức độ đảm nhiệm của vốn lưu động (M) :

II.1.3. Độ dài bình quân vòng quay vốn lưu động (Đ)

II.2. Phân tích biến động của vốn và các nhân tố ảnh hưởng

III. Nghiên cứu phân tích chỉ tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp

III.1. Khái niệm về lợi nhuận :

III.2. Phân tích hình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: MARKETING CĂN BẢN

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 45 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên phải học xong các học phần: triết học, kinh tế chính trị, kinh tế học vi mô, vĩ mô.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Học phần gồm 9 chương, tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về marketing, các phối thức cơ bản của hoạt động marketing,...

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đọc và nghiên cứu trước giáo trình khi lên lớp nghe giảng;
- Làm các bài tập theo hướng dẫn của giảng viên.

8. Tài liệu học tập:

- Sách, giáo trình chính:
 - [1]. Giáo trình Marketing căn bản, GS Vũ Thế Phú (Trường ĐH Mở Bán công Tp.HCM), NXB Thống kê, 2003;
 - [2]. Giáo trình Marketing căn bản, TS Nguyễn Đông Phong, Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, 1999;
- Sách tham khảo:
 - [1]. Marketing căn bản, Trung Tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý, NXB Thanh niên, 2000.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Theo quy chế về tổ chức, đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 04/1999/QĐ – BGD&ĐT ngày 11/02/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu học phần

- Trang bị cho sinh viên ngành kinh tế - quản trị kinh doanh những kiến thức cơ bản nền tảng về Marketing, vai trò của marketing trong hoạt động doanh nghiệp; Giúp cho sinh viên nắm được những khái niệm về môi trường kinh doanh, nơi mà các chủ thể kinh tế tham gia thực hiện các hoạt động liên quan đến vấn đề kinh tế, nắm được những khái niệm về thị trường và thị trường mục tiêu, tác động của thị trường đối với hoạt động của doanh nghiệp, nắm được nguyên lý chung về những hành vi của người tiêu dùng từ đó xác định thị trường mục tiêu cho hoạt động của doanh nghiệp,...

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: KHÁI NIỆM VỀ MARKETING

5 tiết

I. Sự cần thiết của môn học marketing.

- I.1. Lịch sử hình thành và phát triển của marketing.
- I.2. Sự cần thiết của hoạt động marketing.

II. Khái niệm về marketing.

- II.1. Những khái niệm cốt lõi của marketing.
- II.2. Khái niệm về marketing.
- II.3. Các lĩnh vực marketing.

Chương 2: MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

5 tiết

I. Khái quát về môi trường kinh doanh.

- I.1. Khái niệm.
- I.2. Phân loại môi trường kinh doanh.

II. Môi trường kinh doanh vi mô.

- II.1. Khái niệm
- II.2. Các yếu tố của môi trường vi mô.

III. Môi trường kinh doanh vĩ mô.

- III.1. Khái niệm.
- III.2. Đặc điểm của các loại môi trường.

Chương 3: PHÂN KHÚC THỊ TRƯỜNG, LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU

5 tiết

I. Nhu cầu.

- I.1. Định nghĩa và phân loại.
- I.2. Đặc tính của nhu cầu.
- I.3. Các trạng thái của nhu cầu.
- I.4. Các tình huống gặp phải khi nghiên cứu nhu cầu.
- I.5. Sức cầu.

II. Phân loại thị trường.

- II.1. Khái niệm thị trường
- II.2. Phân loại thị trường.

III. Phân khúc thị trường.

- III.1. Khái niệm
- III.2. Các tiêu thức phân khúc thị trường.
- III.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu

Chương 4: NGHIÊN CỨU HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG

5 tiết

I. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm và quá trình đi đến một quyết định mua sắm.

- I.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm
- I.2. Quá trình đi đến một quyết định mua sắm

II. Quá trình quyết định của khách hàng đối với sản phẩm mới.

- II.1. Các giai đoạn của quá trình chấp nhận sản phẩm mới.
- II.2. Ảnh hưởng của những đặc điểm sản phẩm mới đối với quá trình chấp nhận của KH.

III. Các dạng hành vi mua sắm của khách hàng.

- III.1. Xét theo mức độ cân nhắc.
- III.2. Xét theo giới tính và lứa tuổi.

Chương 5: MARKETING – MIX

5 tiết

I. Tổng quát về marketing – Mix.

- I.1. Khái niệm.
- I.2. Các yếu tố marketing – mix

II. Triển khai Marketing Mix (đối với sản phẩm hữu hình)

- II.1. Sản phẩm
- II.2. Giá cả
- II.3. Phân phối
- II.4. Cổ động

III. Kế hoạch tiếp thị hàng năm.

- III.1. Khái niệm.
- III.2. Các loại kế hoạch tiếp thị hàng năm.
- III.3. Thiết lập kế hoạch.

Chương 6: SẢN PHẨM

5 tiết

I. Khái niệm về sản phẩm

- I.1. Khái niệm.
- I.2. Phân loại về sản phẩm.
- I.3. Chiến lược sản phẩm và vai trò của chiến lược sản phẩm.

II. Các thuộc tính marketing của sản phẩm.

- II.1. Lỗi sản phẩm.
- II.2. Phân hiện thực của sản phẩm.
- II.3. Phân gia giảm của sản phẩm.

III. Chu kỳ sống của sản phẩm.

- III.1. Khái niệm.
- III.2. Các giai đoạn của chu kỳ sống sản phẩm.

IV. Quá trình phát triển sản phẩm mới

- IV.1. Khái niệm sản phẩm mới.
- IV.2. Quá trình phát triển sản phẩm mới.

Chương 7: GIÁ CẢ

5 tiết

I. Tổng quát về giá cả.

- I.1. Khái niệm.
- I.2. Vị trí và vai trò của giá cả.

II. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết sách về giá cả.

- II.1. Nhóm các yếu tố bên trong.
- II.2. Nhóm các yếu tố bên ngoài.

III. Các phương pháp định giá.

- III.1. Định giá dựa trên chi phí
- III.2. Định giá dựa trên khách hàng
- III.3. Định giá dựa vào cạnh tranh

IV. Các chiến lược định giá.

- IV.1. Định giá một sản phẩm mới
- IV.2. Định giá một tập hợp sản phẩm.

V. Sự thay đổi giá và vấn đề tâm lý.

- V.1. Những trường hợp phải hạ giá.

- V.2. Những trường hợp tăng giá.
- V.3. Những suy đoán có thể có của khách hàng về sự thay đổi.
- V.4. Đáp ứng từ những thay đổi về giá.

Chương 8: PHÂN PHỐI

5 tiết

I. Bản chất và sự cần thiết khách quan của hoạt động phân phối.

- I.1. Khái niệm.
- I.2. Vai trò của phân phối.

II. Kênh phân phối.

- II.1. Bản chất của kênh phân phối.
- II.2. Các dạng kênh phân phối.

III. Các quyết định về phân phối.

- III.1. Xác định mục tiêu của kênh phân phối.
- III.2. Lựa chọn các phương án chủ yếu về kênh phân phối.
- III.3. Đánh giá các phương án kênh.

Chương 9: YẾM TRỢ

5 tiết

I. Khái niệm và vai trò của yếm trợ.

- I.1. Khái niệm
- I.2. Vai trò.

II. Chiến lược yếm trợ hỗn hợp.

- II.1. Quảng cáo
- II.2. Khuyến mãi
- II.3. Quan hệ công chúng
- II.4. Chào và bán hàng trực tiếp
- II.5. Tuyên truyền.

III. Các bước triển khai một chương trình yếm trợ hiệu quả.

- III.1. Các yếu tố của một chương trình yếm trợ.
- III.2. Các bước triển khai chương trình.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2.

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 35 tiết
- Thực hành và làm bài tập: 10 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Các môn học tiên quyết: Sinh viên đã học qua các môn học về tài chính, tiền tệ, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Giới thiệu về sự ra đời và tầm quan trọng của thị trường chứng khoán trong nền kinh tế. Các loại hàng hoá trên thị trường chứng khoán; Cách thức tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán; Đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh chứng khoán; Hệ thống thông tin, thanh tra, giám sát thị trường chứng khoán; Phân tích chứng khoán để làm cơ sở ra quyết định đầu tư.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Nghiên cứu giáo trình và các tài liệu có liên quan. Tham gia các buổi học trên lớp, làm bài tập.

8. Tài liệu học tập:

- **Giáo trình chính:**

- [1]. Những vấn đề cơ bản về thị trường chứng khoán - Ủy ban chứng khoán Nhà nước. TS.Đào Lê Minh.

- **Tài liệu tham khảo:**

- [1]. GS.TS Nguyễn Thanh Tuyền - Thị trường chứng khoán - Trường Đại học Kinh tế TP. HCM, NXB Thống kê 2005
- [2]. PGS. NGUYỄN Đình Xuân Trình – Giáo trình Thị trường chứng khoán, Trường ĐH Ngoại thương, NXB Giáo dục 1998.
- [3]. GS.TS Lê Văn Tư – Thị trường chứng khoán – NXB Thống kê.
- [4]. THs. Lê Thị Mai Linh- Giáo trình phân tích và đầu tư chứng khoán, NXB CTQG 2003.
- [5]. TS. Phạm Trọng Bình- Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, NXB Thống kê 2006.
- [6]. Các website về thị trường chứng khoán

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Theo qui chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 04/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 11/2/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu của học phần:

Trang bị kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán và cách thức hoạt động của thị trường chứng khoán; Có khả năng phân tích và đánh giá chứng khoán, những rủi ro và cách đề phòng trong đầu tư chứng khoán.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

5 tiết

I. GIỚI THIỆU VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

- I.1. Bản chất và chức năng của thị trường tài chính
- I.2. Cấu trúc của thị trường tài chính
- I.3. Các công cụ của thị trường tài chính
- I.4. Các trung gian tài chính
- I.5. Mối quan hệ giữa các bộ phận của thị trường tài chính.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- II.1. Khái niệm
- II.2. Lịch sử Thị trường Chứng khoán
- II.3. Giới thiệu thị trường chứng khoán các nước
- II.4. Bản chất và chức năng của thị trường chứng khoán
- II.5. Vai trò Thị Trường chứng khoán
- II.6. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán
- II.7. Các nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán
- II.8. Cơ cấu thị trường chứng khoán

Chương 2: CHỨNG KHOÁN

5 tiết

I. CỔ PHIẾU

- I. 1. Khái niệm
- I. 2. Phân loại cổ phiếu
- I. 3. Quyền của cổ phiếu
- I. 4. Lợi tức của cổ phiếu

II. TRÁI PHIẾU

- II. Khái niệm
- II. 2. Đặc điểm của trái phiếu

III. CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ

- III.1. Quỹ đầu tư chứng khoán
- III.2. Ưu điểm và lợi tức tiềm năng của chứng chỉ cổ phần quỹ đầu tư
- III.3. Phân loại quỹ

IV. CHỨNG KHOÁN CÓ THỂ CHUYỂN ĐỔI

- IV.1. Khái niệm
- IV.2. Những ưu điểm của chứng khoán chuyển đổi
- IV.3. Bất lợi của các chứng khoán chuyển đổi

V. CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

- V.1. Khái niệm
- V.2. Các công cụ phái sinh

Chương 3: THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN SƠ CẤP

5 tiết

I. KHÁI NIỆM VÀ CHỨC NĂNG

- I.1. Khái niệm
- I.2. Chức năng

II. CÁC CHỦ THỂ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

- II.1. Chính phủ

II.2. Các doanh nghiệp

II.3. Quỹ đầu tư

III. CÁC PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

III.1. Khái niệm về phát hành chứng khoán

III.2. Phương thức phát hành chứng khoán

III.3. Quản lý nhà nước đối với việc phát hành chứng khoán.

IV. PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG (IPO)

IV.1. Điều kiện phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng

IV.2. Thủ tục phát hành lần đầu

IV.3. Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Chương 4: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

5 tiết

I. KHÁI NIỆM, CHỨC NĂNG CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

I. 1. Khái niệm

I. 2. Hình thức sở hữu

I. 3. Chức năng của sở giao dịch chứng khoán

I. 4. Quyền và nghĩa vụ của Sở giao dịch chứng khoán

II. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

II. 1. Tổ chức của Sở giao dịch chứng khoán

II. 2. Bộ máy quản lý, điều hành của Sở giao dịch chứng khoán

III. THÀNH VIÊN CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

II. 1. Phân loại thành viên

II. 2. Tiêu chuẩn thành viên

II. 3. Thủ tục kết nạp thành viên

II. 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên

IV. NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN

IV. 1. Khái niệm

IV. 2. Mục tiêu của niêm yết

IV. 3. Ưu nhược điểm của việc niêm yết chứng khoán

IV. 4. Phân loại niêm yết chứng khoán.

IV. 5. Tiêu chuẩn niêm yết

IV. 6. Thủ tục niêm yết

IV. 7. Quản lý niêm yết

IV. 8. Ngừng giao dịch

Chương 5: GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TẠI SỞ GIAO DỊCH

5 tiết

I. MÔ HÌNH THỊ TRƯỜNG

I. 1. Thị trường khớp lệnh và thị trường khớp giá

I. 2. Khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục

I. 3. Nguyên tắc khớp lệnh

I. 4. Lệnh giao dịch

I. 5. Đơn vị giao dịch

I. 6. Đơn vị yết giá

I. 7. Biên độ giao động giá

II. THỰC HIỆN GIAO DỊCH

II.1. Mở tài khoản

II.2. Loại tài khoản

II.3. Quản lý tài khoản

II.4. Ký quỹ bảo đảm

III. MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT

III.1. Cổ phiếu mới niêm yết

III.2. Tách, gộp cổ phiếu

III.3. Giao dịch lô lớn

III.4. Giao dịch lô lẻ

III.5. Giao dịch được hưởng cổ tức hoặc quyền

IV. GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Chương 6: THỊ TRƯỜNG PHI TẬP TRUNG OTC

3 tiết

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG OTC

I.1. Khái quát về sự hình thành và phát triển của thị trường OTC

I.2. Đặc điểm của thị trường OTC

II. GIỚI THIỆU MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG OTC TRÊN THẾ GIỚI

II.1. Thị trường OTC Mỹ

II.2. Thị trường OTC Nhật Bản

II.3. Thị trường OTC Hàn Quốc

II.4. Thị trường OTC Malaysia

II.5. Thị trường OTC Singapore

Chương 7: CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

3 tiết

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

I. VAI TRÒ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

I. 1. Vai trò huy động vốn

I. 2. Vai trò cung cấp một cơ chế giá cả

I. 4. Thực hiện tư vấn đầu tư

I. 5. Tạo các sản phẩm mới

II. MÔ HÌNH, TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

II.1. Mô hình công ty chứng khoán

II.2. Tổ chức của công ty chứng khoán

B. HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

I. HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

I. 1. Nghiệp vụ môi giới chứng khoán

I. 2. Nghiệp vụ tự doanh chứng khoán

I. 3. Nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán

I. 4. Nghiệp vụ tư vấn đầu tư

I. 5. Nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư

I. 6. Các nghiệp vụ khác

II. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- II. 1. Vốn của công ty chứng khoán
- II. 2. Cơ cấu vốn
- II. 3. Quản lý vốn và hạn mức kinh doanh
- II. 4. Kế toán công ty

Chương 8: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

4 tiết

I. KHÁI NIỆM VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

- I. 1. Khái niệm
- I. 2. Phân loại quỹ đầu tư

II. CÁC LOẠI HÌNH QUỸ ĐẦU TƯ

- II.1. Căn cứ vào nguồn huy động vốn
- II. 2. Căn cứ vào cấu trúc vận động vốn.
- II. 3. Căn cứ vào cơ cấu tổ chức và hoạt động của quỹ

III. HÌNH THÁI QUỸ ĐẦU TƯ TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRÊN THẾ GIỚI

- III. 1. Mỹ
- III. 2. Anh
- III. 3. Nhật Bản
- III. 4. Hàn Quốc

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

- IV.1. Huy động vốn
- IV.2. Mục tiêu đầu tư - việc thành lập danh mục đầu tư của quỹ
- IV.3. Chi phí liên quan đến hoạt động
- IV.4. Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của một quỹ đầu tư.
- IV.5. Việc công bố thông tin.

Chương 9: ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP TRONG

4 tiết

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

I. KHÁI NIỆM, Ý NGHĨA, TẦM QUAN TRỌNG CỦA ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP TRONG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

- I. 1. Khái niệm
- I. 2. Ý nghĩa, tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp

II. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI CÔNG TY THÀNH VIÊN

- II. 1. Nguyên tắc cơ bản của đạo đức nghề nghiệp
- II. 2. Những nội dung cơ bản về đạo đức nghề nghiệp đối với công ty thành viên.

III. CÁC CHUẨN MỰC VỀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP DÀNH CHO NHỮNG NGƯỜI LÀM NHIỆM VỤ PHÂN TÍCH CHỨNG KHOÁN.

- III.1. Thông báo cho thủ trưởng biết về nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp
- III.2. Tuân thủ pháp luật, quy chế, quy định và đạo đức nghề nghiệp
- III.3. Phân tích, công bố thông tin chỉ dẫn và mua bán chứng khoán
- III.4. Tạo cơ hội cho khách hàng và chủ mua chứng khoán trước mình
- III.5. Công bố những xung đột về lợi ích
- III.6. Nguyên tắc ứng xử trong lĩnh vực thu nhập
- III.8. Không có những hành vi biểu hiện không xứng đáng với nghề nghiệp

- I. 1. Sự cần thiết của hệ thống thanh tra, giám sát hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán
- I. 2. Tổ chức công tác thanh tra, giám sát
- I. 3. Đối tượng thanh tra chứng khoán
- I. 4. Phạm vi hoạt động thanh tra chứng khoán

II. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

- II. 1. Khái niệm
- II. 2. Phạm vi hoạt động

III. HOẠT ĐỘNG THANH TRA

- III.1. Thanh tra, kiểm tra tổ chức niêm yết
- III.2. Thanh tra bất thường
- III.3. Thanh tra, kiểm tra công ty chứng khoán

IV. VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (Nghị định Số 36/2007/NĐ-CP)

- IV.1. Những quy định chung
- IV.2. Vi phạm và xử phạt hành chính hoạt động chào bán ra công chúng
- IV.3. Vi phạm quy định về công ty đại chúng
- IV.4. Vi phạm về niêm yết
- IV.5. Vi phạm về tổ chức thị trường chứng khoán
- IV.6. Vi phạm về hoạt động kinh doanh chứng khoán
- IV.7. Vi phạm về giao dịch
- IV.8. Vi phạm về thanh toán, lưu ký, bù trừ chứng khoán
- IV.9. Vi phạm về công bố thông tin
- IV.10. Vi phạm về báo cáo
- IV.11. Thẩm quyền xử phạt hành chính
- IV.12. Giám sát kiểm tra

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bố thời gian:

Lý thuyết: 45 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên phải có trình độ Anh văn căn bản

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Các bài học dựa trên sách We're in business và một số sách tham khảo. Nội dung được chia thành 9 bài học bao gồm ngữ pháp + từ vựng + bài tập + bài dịch chuyên ngành. Sinh viên sẽ được rèn luyện 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình
- Dự lớp
- Làm bài tập
- Cuối kỳ học, sinh viên sẽ phải tham gia kỳ thi

8. Tài liệu học tập: Do giáo viên soạn dựa trên một số sách tham khảo sau

- We're in business – Tác giả: Susan Norman
- We mean business – Tác giả: Susan Norman
- Anh văn căn bản – Kinh tế tài chính – Tác giả: Phạm Vũ Định
- Tiếng Anh trong ngành Kế toán của Viện Kế toán

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo quy chế về tổ chức đào tạo kiểm tra và thi: học sinh sẽ phải dự lớp đầy đủ, tham gia tích cực vào giờ học, làm đầy đủ các bài tập và bài kiểm tra. Cuối mỗi kỳ sẽ phải tham gia vào kỳ thi. Điểm 5 trở lên được công nhận là điểm đạt.

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

- củng cố và phát triển kỹ năng đọc hiểu.
- Giới thiệu và hướng dẫn sinh viên làm quen với ngôn ngữ Anh văn thương mại.
- củng cố và cung cấp thêm kiến thức cơ bản về ngữ pháp trong tiếng Anh.
- Hướng dẫn sinh viên biết cách làm đơn xin việc hoặc sơ yếu lý lịch bằng tiếng Anh.

12. Nội dung chi tiết môn học:

| Bài | Tên bài | Nội dung | Số tiết |
|-----|--|---|---------|
| 1 | Introducing Transworld (Giới thiệu Công ty Transworld) | - Dialogue - Job advertisement - Synonyms - Business letter terminology - A letter of enquiry - Grammar Revision (Verb tenses) - Vocabulary | 5 |

| Bài | Tên bài | Nội dung | Số tiết |
|------------|--|---|----------------|
| 2 | Buying and Selling (Mua và Bán) | <ul style="list-style-type: none"> - Dialogue - Receipt - Sums of money - Buying and Selling - Cheques - Cardinal numbers - Grammar: Countable and Uncountable nouns - Vocabulary | 5 |
| 3 | Sales Documentation (Việc lập chứng từ mua bán) | <ul style="list-style-type: none"> - Dialogue - Telephoning - Sales documentation - Grammar: Relative clauses + Past Perfect tense - An invoice - Vocabulary | 5 |
| 4 | Distribution (Phân phối) | <ul style="list-style-type: none"> - Dialogue - Telephone and enquiries - Reported questions - Distribution of manufactured goods - Grammar: The passive - Telling the time - Vocabulary | 5 |
| 5 | Borrowing Money (Vay tiền) | <ul style="list-style-type: none"> - Dialogue - Calculations - Capitals letters - Borrowing money - Vocabulary | 5 |
| 6 | Types Of Bussiness (Các loại doanh nghiệp) | <ul style="list-style-type: none"> - Dialogue - Fractions - Setting up a limited company - Investing in a limited company - Memorandum of Association - Vocabulary | 5 |

| Bài | Tên bài | Nội dung | Số tiết |
|------------|--|--|----------------|
| 7 | Import Regulations (Các quy định về nhập khẩu) | - Dialogue - Vocabulary Practice - Import Regulations - Grammar: <input type="checkbox"/> Must not <input type="checkbox"/> Do not have <input type="checkbox"/> Definite relative clauses | 5 |
| 8 | The Field of Accounting (Lĩnh vực kế toán) | - Special terms of the field of Accounting | 10 |
| 9 | The Field of Accounting (cont.) (Lĩnh vực kế toán) Consolidation (Củng cố) | - Vocabulary Practice - The field of accounting <input type="checkbox"/> Reading comprehension <input type="checkbox"/> Discussion <input type="checkbox"/> Review + Exercises | |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: KINH TẾ VĨ MÔ

2. Số đơn vị học trình: 3

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 35 tiết
- Bài tập :10 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên đã học qua các học phần Kinh tế Chính trị, Kinh tế Vi mô

6. Nội dung học phần:

- Gồm 8 chương, bao gồm các nội dung giới thiệu các khái niệm cơ bản, tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, xác định sản lượng cân bằng, phân tích các chính sách tài khoá và tiền tệ, xem xét tổng cung và tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp, phân tích chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở, phân tích nguồn tăng trưởng.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự lớp đầy đủ, đọc tài liệu đã được hướng dẫn trước khi đến lớp, tham gia thảo luận, làm bài tập, đọc thêm sách, báo, internet....

8. Tài liệu học tập:

- Sách, giáo trình chính
 - [1]. Châu Văn Thành và nhóm tác giả (1999) Giáo trình Kinh tế Vĩ mô, NXB Giáo Dục.
 - [2]. Bộ Giáo Dục (1996) Kinh tế học vĩ mô. NXB Giáo Dục.
- Tài liệu tham khảo
 - [1]. Dương Tấn Diệp (2001) Kinh tế Vĩ mô, NXB Thống Kê.
 - [2]. Begg, D., Fischer, S. and Dornbusch, R.(2001) Economics, 3rd Mc.GRAW-HILL BOOK Company, London.
- Tham khảo thêm tạp chí Nghiên cứu kinh tế , Thời báo kinh tế Việt Nam và một số tạp chí, báo khác, internet...

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Đi học đầy đủ: Là điều kiện dự thi hết môn.
- Làm báo cáo nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình: 25 %
- Thi cuối học kỳ: 75%
- Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên theo đúng qui chế 25/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 6/6/2006 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.

10. Thang điểm : 10.

11. Mục tiêu học phần:

- Trang bị những kiến thức kinh tế cơ bản, giúp người học:
- Giải thích được các nguyên nhân biến động kinh tế trong nền kinh tế.
- Có kiến thức kinh tế vĩ mô: Phân tích đánh giá được các biện pháp, chính sách của Nhà nước và tác động của các chính sách đối với nền kinh tế.
- Có khả năng vận dụng kiến thức vào dự đoán các vấn đề KT – XH

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

5 tiết

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

- I.1. Kinh tế học.
- I.2. Kinh tế học vi mô và Kinh tế học vĩ mô.
- I.3. Kinh tế học thực chứng và Kinh tế học chuẩn tắc.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ VĨ MÔ CƠ BẢN

- II.1. Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) và tổng sản phẩm nội địa (GDP).
- II.2. Sản lượng tiềm năng.
- II.3. Tăng trưởng kinh tế và thất nghiệp.
- II.4. Tăng trưởng kinh tế và lạm phát.
- II.5. Lạm phát và thất nghiệp.
- II.6. Chu kỳ kinh tế.

III. MỤC TIÊU VÀ CÔNG CỤ CỦA KINH TẾ VĨ MÔ

- III.1. Các mục tiêu kinh tế vĩ mô.
- III.2. Các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu

IV. TỔNG CUNG VÀ TỔNG CẦU

- IV.1. Tổng cung (AS: Aggregate Supply).
- IV.2. Tổng cầu (AD: Aggregate Demand).
- IV.3. Cân bằng tổng cung và tổng cầu.

Chương 2: TÍNH SẢN LƯỢNG QUỐC GIA

10 tiết

I. CÁC LUỒNG LUÂN CHUYỂN THU NHẬP VÀ CHI TIÊU

- I.1. Nền kinh tế đơn giản
- I.2. Nền kinh tế có chính phủ và nước ngoài

II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TÍNH GDP

- II.1. Phương pháp chi tiêu
- II.2. Phương pháp thu nhập:

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU QUỐC GIA

- III.1. GNP
- III.2. NNP
- III.3. NI
- III.4. Thu nhập khả dụng Y_d

IV. CÁC ĐỒNG NHẤT THỨC KINH TẾ VĨ MÔ CƠ BẢN

- IV.1. $S \equiv I$
- IV.2. Các luồng bơm vào và rò rỉ ra khỏi dòng chu chuyển

Chương 3: TỔNG CẦU, CHÍNH SÁCH TÀI KHOẢN VÀ NGOẠI THƯƠNG 10 tiết

I. TỔNG CẦU VÀ SẢN LƯỢNG CÂN BẰNG

- I.1. Mô hình tổng cầu trong nền kinh tế đơn giản:
- I.2. Mô hình tổng cầu trong nền kinh tế đóng có chính phủ
- I.3. Mô hình tổng cầu trong nền kinh tế mở có chính phủ

II. CHÍNH SÁCH TÀI KHOẢN

- II.1. Ngân sách chính phủ
- II.2. Chính sách tài khoản

- II.3. Mục tiêu của chính sách tài khoá
- II.4. Các biện pháp tài trợ thâm hụt ngân sách
- II.5. Nhân tố ổn định tự động.

III. CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG

- III.1. Cán cân thương mại
- III.2. Chính sách ngoại thương

Chương 4: TIỀN TỆ – NGÂN HÀNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

10 tiết

I. TIỀN TỆ

- I.1. Khái niệm
- I.2. Chức năng của tiền
- I.3. Các hình thái của tiền
- I.4. Khối lượng tiền tệ

II. NGÂN HÀNG

- II.1. Hệ thống ngân hàng hiện đại
- II.2. Dự trữ của Ngân hàng
- II.3. Bảng cân đối tài sản

III. SỐ NHÂN TIỀN TỆ

- III.1. NHTM và việc tạo tiền
- III.2. Số nhân của tiền

IV. CÁC CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH CỦA NGÂN HÀNG TW

- IV.1. Hoạt động thị trường mở
- IV.2. Thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc
- IV.3. Thay đổi chính sách chiết khấu

V. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

- V.1. Hàm cung tiền
- V.2. Hàm cầu tiền
- V.3. Cân bằng thị trường tiền tệ
- V.4. Cân bằng trên các thị trường tài chính

VI. CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

- VI.1. Chính sách tiền tệ nới lỏng
- VI.2. Chính sách tiền tệ thắt chặt

Chương 5: TỔNG CUNG – TỔNG CẦU, LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP 5 tiết

I. MÔ HÌNH TỔNG CUNG – TỔNG CẦU THEO GIÁ

- I.1. Tổng cung và thị trường lao động
- I.2. Đường tổng cầu theo giá
- I.3. Cân bằng tổng cung và tổng cầu

II. LẠM PHÁT

- II.1. Các khái niệm
- II.2. Cách tính lạm phát
- II.3. Nguyên nhân lạm phát
- II.4. Tác động của lạm phát
- II.5. Biện pháp chống lạm phát

III. THẤT NGHIỆP

- III.1. Một số khái niệm
- III.2. Các dạng thất nghiệp
- III.3. Biện pháp giảm thất nghiệp

IV. LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP

- IV.1. Đường cong Phillip ngắn hạn
- IV.2. Đường cong Phillip dài hạn

Chương 6: KINH TẾ HỌC VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ

5 tiết

I. MỘT SỐ LÝ THUYẾT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

- I.1. Trường phái trọng thương
- I.2. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối (A. Smith)
- I.3. Lý thuyết lợi thế tương đối (D. Ricardo)

II. CÁC CHÍNH SÁCH BẢO HỘ MẬU DỊCH

- II.1. Thuế quan
- II.2. Quota
- II.3. Thuế xuất khẩu
- II.4. Các rào cản khác

III. THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

- III.1. Các khái niệm
- III.2. Cung cầu ngoại tệ
- III.3. Các loại cơ chế TGHD
- III.4. TGHD và sức cạnh tranh quốc tế
- III.5. Chính sách nâng giá và phá giá tiền tệ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần: THANH TOÁN QUỐC TẾ

2. Số đơn vị học trình : 2

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 10 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên phải học xong các học phần: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, Kinh tế quốc tế, Luật thương mại quốc tế.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Sinh viên sẽ được học các phần về các nghiệp vụ liên quan thị trường ngoại hối, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế và những phương thức liên quan.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đọc và nghiên cứu trước giáo trình trước khi lên lớp nghe giảng
- Làm các bài tập theo hướng dẫn của giảng viên

8. Tài liệu học tập:

- **Giáo trình chính:**

[1]. Trần hoàng ngân, Nguyễn Minh Kiều (2008), Thanh toán Quốc tế, Đại học Kinh tế TP HCM.

[2]. Đinh Xuân Trình (2007), Thanh toán Quốc tế, NXB Giáo Dục

- **Tài liệu tham khảo**

[1]. Võ Thanh Thu (2007), Nghiệp vụ Kinh doanh Xuất nhập khẩu, NXB Thống Kê.

[2]. Interational Chamber of Commerce (1996) UCP-600.

[3]. Phòng Thương Mại Quốc Tế (2000) Incoterms 2000.

[4]. Tham khảo thêm báo, tạp chí chuyên ngành, internet...

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: nghỉ không quá 2 buổi
- Thi giữa học kì: 25% điểm đánh giá.
- Thi cuối học kì: 75% điểm đánh giá.

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ thanh toán quốc tế, giúp người học:

- Có kiến thức tổng quan về hoạt động mua bán trao đổi ngoại thương.
- Có kiến thức thực hành về nghiệp vụ thanh toán trong hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng và giao dịch ngoại thương nói chung.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI VÀ CÁC NGHIỆP VỤ KINH DOANH

TRÊN THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

(Lý thuyết: 6 tiết, Bài tập: 3 tiết)

A. TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

- I.1. Khái niệm
- I.2. Quy ước tên đơn vị tiền tệ
- I.3. Phương pháp yết tỷ giá (quotation)
 - I.3.2. Yết giá trực tiếp (direct quotation)
 - I.3.3. Yết giá gián tiếp (Indirect quotation)

II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TỶ GIÁ CHÉO

- II.1. Xác định tỷ giá chéo của 2 đồng tiền yết giá
- II.2. Xác định tỷ giá chéo của 2 đồng tiền định giá
- II.3. Xác định tỷ giá chéo của 2 đồng tiền ở 2 vị trí khác nhau

III. PHÂN LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

- III.1. Tỷ giá chính thức (official exchange rate)
- III.2. Tỷ giá thương mại (Commercial Exchange Rate).

B. THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI VÀ CÁC NGHIỆP VỤ KINH DOANH

I. THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

- I.1. Khái niệm
- I.2. Thị trường ngoại hối
 - I.2.1. Đặc điểm thị trường ngoại hối:
 - I.2.2. Các đối tượng tham gia thị trường ngoại hối

II. CÁC NGHIỆP VỤ KINH DOANH TRÊN THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

- II.1. Nghiệp vụ giao ngay (Spot)
- II.2. Nghiệp vụ kỳ hạn (Forward)
- II.3. Nghiệp vụ hoán đổi (Swap)
- II.4. Giao dịch tương lai (Future)
- II.5. Nghiệp vụ quyền chọn (Option)
- II.6. Nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch giá (Arbitrage)

Chương 2: CÁC PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ THÔNG DỤNG TRONG NGOẠI THƯƠNG

(Lý thuyết: 6 tiết, Bài tập: 3 tiết)

I. HỐI PHIẾU (BILL OF EXCHANGE/DRAFT)

- I.1. Khái niệm :
- I.2. Việc thành lập hối phiếu
 - I.2.1. Về mặt hình thức
 - I.2.2. Về mặt nội dung
- I.3. Quyền lợi và nghĩa vụ của những người có liên quan đến hối phiếu
- I.4. Các nghiệp vụ liên quan đến hối phiếu
 - I.4.1. Chấp nhận hối phiếu
 - I.4.2. Ký hậu hối phiếu (Endorsement)
 - I.4.3. Bảo lãnh hối phiếu (Aval)
 - I.4.4. Từ chối trả tiền hối phiếu- kháng nghị (Protest)
 - I.4.5. Chiết khấu hối phiếu
- I.5. Các loại hối phiếu

II. SÉC (CHEQUE)

- II.1. Khái niệm
- II.2. Những người liên quan đến Séc
- II.3. Các loại séc

III. KỶ PHIẾU (PROMISSORY NOTE)

- III.1. Khái niệm:
- III.2. Đặc thù

Chương 3: CÁC ĐIỀU LỆ THANH TOÁN QUỐC TẾ QUY ĐỊNH TRONG HỢP ĐỒNG NGOẠI THƯƠNG

(Lý thuyết: 3 tiết, Bài tập: 2 tiết)

I. ĐIỀU KIỆN VỀ TIỀN TỆ

- I.1. Phân loại tiền tệ trong thanh toán quốc tế
- I.2. Điều kiện đảm bảo hối đoái.

II. ĐIỀU KIỆN ĐỊA ĐIỂM THANH TOÁN

III. ĐIỀU KIỆN THỜI GIAN THANH TOÁN

- III.1. Trả tiền trước (Advance payment)
- III.2. Trả tiền ngay (At sight)
- III.3. Trả tiền sau

Chương 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ THÔNG DỤNG TRONG NGOẠI THƯƠNG

(Lý thuyết: 5 tiết, Bài tập: 2 tiết)

I. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN (REMITTANCE)

- I.1. Định nghĩa
- I.2. Trình tự tiến hành nghiệp vụ
- I.3. Hình thức chuyển tiền
- I.4. Trường hợp áp dụng

II. PHƯƠNG THỨC GHI SỔ (OPEN ACCOUNT)

- II.1. Khái niệm
- II.2. Trường hợp áp dụng
- II.3. Những vấn đề cần lưu ý khi áp dụng

III. PHƯƠNG THỨC NHỜ THU (COLLECTION OF PAYMENT)

- III.1. Khái niệm
- III.2. Các loại nhờ thu
 - III.2.1 Nhờ thu phiếu trơn (Clean Collection)
 - III.2.2 Nhờ thu kèm chứng từ (Documentary Collection)

IV. PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ (DOCUMENTARY CREDIT)

- IV.1. Khái niệm
- IV.2. Trình tự tiến hành nghiệp vụ
- IV.3. Nội dung của thư tín dụng
- IV.4. Các loại thư tín dụng thương mại

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần : TÂM LÝ HỌC

2. Số đơn vị học trình: 2

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bổ thời gian

- 5 tiết / tuần, tổng số 6 tuần
- Lý thuyết : 20 tiết.
- Thảo luận: 5 tiết.
- Bài tập: 5 tiết.

5. Điều kiện tiên quyết:

Để tiếp thu được kiến thức môn học này, sinh viên cần huy động kiến thức các môn học có liên quan đến con người như Quản trị nguồn nhân lực, Marketing căn bản và kinh nghiệm sống, thực tiễn giao tiếp hàng ngày

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Vấn đề cơ bản của Tâm lý học: Khái niệm, chức năng, bản chất, phân loại các hiện tượng tâm lý...
- Các mặt cơ bản của đời sống tâm lý và việc ứng dụng trong hoạt động hàng ngày
- Các thuộc tính tâm lý cá nhân (khái niệm, cấu trúc, sự hình thành và việc ứng dụng vào quan hệ công việc, đời sống sinh hoạt hàng ngày)
- Hoạt động ngôn ngữ

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Nghiên cứu tài liệu ở nhà, nghe giảng bài, thảo luận, làm bài tập....

8. Tài liệu học tập

- [1]. Tâm lý học đại cương - NXB Đại học quốc gia Hà nội - 2003
- [2]. Tâm lý học đại cương - Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM
- [3]. Tâm lý học nhân cách - Nhà xuất bản giáo dục
- [4]. Tình huống tâm lý học - Nhà xuất bản lao động

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Kiểm tra học trình (02 bài)
- Thi hết môn
- Điểm tổng hợp là trung bình cộng của điểm kiểm tra học trình với điểm thi hết môn, đánh giá theo cơ số 10

10. Thang điểm: 10.

11. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong môn học, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Tâm lý học, có kỹ năng ứng dụng kiến thức tâm lý vào giải quyết công việc và trong đời sống giao tiếp sinh hoạt hàng ngày.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC (LT: 05t, BT: 01t)

- 1.1. Khái niệm chung về Tâm lý và Tâm lý học
- 1.2. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan niệm DVBC
- 1.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý
- 1.4. Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học

Chương 2: CÁC MẶT CƠ BẢN CỦA ĐỜI SỐNG TÂM LÝ NGƯỜI

(LT: 15t, TL: 04t, BT: 01t)

- 2.1. Hoạt động nhận thức: Nhận thức cảm tính, trí nhớ, nhận thức lý tính
- 2.2. Đời sống tình cảm: Khái niệm, vai trò, các mức độ biểu hiện của tình cảm, so sánh nhận thức với tình cảm, các quy luật của tình cảm và cách vận dụng vào đời sống hàng ngày
- 2.3. Mối quan hệ giữa nhận thức với tình cảm, cách vận dụng mối quan hệ này vào đời sống sinh hoạt hàng ngày

Chương 3: CÁC THUỘC TÍNH TÂM LÝ CÁ NHÂN (LT: 10t, TL: 02t)

- 3.1. Khái niệm chung về nhân cách: Khái niệm, cấu trúc
- 3.2. Các thuộc tính tâm lý cá nhân: Năng lực, tính cách, khí chất, xu hướng, mối quan hệ giữa các thuộc tính
- 3.3. Các yếu tố hình thành nhân cách, rút ra kết luận về việc hơn thiện nhân cách

Chương 4: NGÔN NGỮ (LT: 06t, BT: 01t)

- 4.1. Khái niệm chung về ngôn ngữ
- 4.2. Vai trò của ngôn ngữ
- 4.3. Các loại ngôn ngữ, cách sử dụng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2008

HIỆU TRƯỞNG

[Back](#)